

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN HỒNG HẢI

***MAI ĐÌNH MỘNG KÝ TRONG DÒNG CHẢY TRUYỆN
NÔM BÁC HỌC THẾ KỶ XVIII - ĐẦU THẾ KỶ XIX***

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam
Mã số : 60.22.01.21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ngô Thị Thanh Nga

Thái Nguyên - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn khoa học: “*Mai Đình mộng ký trong dòng chảy truyện Nôm bác học thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX*” với các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác, hoàn toàn là công trình nghiên cứu của tôi.

Tác giả luận văn

Nguyễn Hồng Hải

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến TS. Ngô Thị Thanh Nga – người đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm quý báu để em có thể hoàn thành luận văn này.

Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các thầy cô giáo Khoa Ngữ Văn, khoa Sau Đại học – Đại học Thái Nguyên đã quan tâm chỉ bảo và giúp đỡ em trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Cuối cùng, xin bày tỏ lòng biết ơn tới toàn thể gia đình, bạn bè đã luôn cổ vũ, động viên tôi trong suốt thời gian qua.

Trong quá trình thực hiện, do còn hạn chế về mặt thời gian, kinh phí cũng như trình độ chuyên môn nên luận văn sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến quý báu của các thầy cô giáo, các nhà khoa học cùng bạn bè.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Mục đích nghiên cứu	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	7
6. Phương pháp nghiên cứu.....	7
7. Đóng góp của luận văn.....	8
8. Cấu trúc luận văn.....	9
NỘI DUNG	10
CHƯƠNG 1: KHÁI LƯỢC MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRUYỆN NÔM VÀ TÁC PHẨM MAI ĐÌNH MỘNG KÝ	10
1.1 Khái niệm truyện Nôm.	10
1.2 Nguồn gốc của truyện Nôm.....	11
1.3 Phân loại truyện Nôm và loại truyện Nôm bác học.	12
1.4 Quá trình hình thành và phát triển của truyện Nôm.....	16
1.5 Nguyễn Huy Hổ và truyện thơ Nôm <i>Mai Đình mộng ký</i>	18
CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ TÁC PHẨM MAI ĐÌNH MỘNG KÝ TRÊN PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT	25
2.1 Giá trị nội dung.....	25
2.1.1 <i>Mai Đình mộng ký – bức tranh ngợi ca phong cảnh quê hương đất nước</i>	26
2.1.2 <i>Giấc mộng về hạnh phúc lứa đôi</i>	34

2.1.3 Nỗi lòng hoài niệm về một quá khứ vàng son của dòng họ, của dân tộc.	40
2.2 Giá trị nghệ thuật.....	46
2.2.1 Bút pháp tả cảnh.	47
2.2.2 Nghệ thuật ngôn từ.	52
CHƯƠNG 3: SỰ TƯƠNG TÁC CỦA MAI ĐÌNH MỘNG KÝ TRONG DÒNG TRUYỆN NÔM BÁC HỌC THẾ KỶ XVIII – ĐẦU THẾ KỶ XIX.....	60
3.1 Tiếp nhận và kế thừa.....	61
3.1.1 Mạch tiếp nối của đề tài tình yêu tài tử - giai nhân.....	61
3.1.2 Những ảnh hưởng của ngôn ngữ thơ.....	69
3.1.3 Vai trò của những bài thơ đề - họa.	74
3.2 Cách tân và sáng tạo.....	76
3.2.1 Cốt truyện và bố cục.....	76
3.2.2 Hình ảnh quê hương đất nước trong Mai Đình mộng ký.....	80
KẾT LUẬN.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Truyện Nôm là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử văn học dân tộc, có lịch sử phát triển khoảng bốn thế kỷ và đạt thành tựu rực rỡ nhất ở giai đoạn thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Trong kho tàng văn học Nôm, truyện Nôm là thể loại chiếm số lượng đông đảo. Theo sự thống kê của tác giả Kiều Thu Hoạch trong công trình nghiên cứu *Truyện Nôm, nguồn gốc và bản chất thể loại* thì hiện ở Việt Nam có khoảng trên 100 truyện Nôm, trong đó có nhiều tác phẩm ưu tú, có giá trị cao cả về phương diện nội dung lẫn nghệ thuật như *Hoa tiên*, *Phan Trần*, *Sơ kính tân trang*, *Hoàng Triều*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*... và đỉnh cao nhất là kiệt tác *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*) của đại thi hào Nguyễn Du.

Trong thể loại truyện Nôm, có một thực tế vẫn đang tồn tại, đó là bên cạnh những tác phẩm đã trở nên phổ biến, được độc giả nhiều thế hệ yêu mến, vẫn còn đó những áng văn xuất sắc nhưng vì những tác động của khách quan mà có lúc tưởng như đã chìm vào quên lãng. Chúng tôi muốn nhắc đến trường hợp của truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*.

Mai Đình mộng ký của Nguyễn Huy Hổ là tác phẩm truyện thơ Nôm được sáng tác từ năm 1809. Ra đời từ những năm đầu thế kỷ XIX, nhưng phải mãi đến gần giữa thế kỷ XX, tác phẩm mới xuất hiện lần thứ nhất trên tạp chí Thanh Nghị (số 32, tháng 3 năm 1943). Người có công đầu trong việc giới thiệu tác phẩm đến đông đảo bạn đọc là học giả Hoàng Xuân Hãn. Như vậy, tính từ lúc ra đời cho đến thời điểm được GS. Hoàng Xuân Hãn giới thiệu trên tạp chí Thanh Nghị, tác phẩm đã có khoảng thời gian “ở ẩn” lên đến hơn một thế kỷ. Chính người có công đưa *Mai Đình mộng ký* đến gần hơn với độc giả cũng phải ngạc nhiên về điều này: “*Ai cũng biết Truyện Kiều, nhiều người biết Hoa tiên. Đến như Mai Đình mộng ký thì không mấy ai được đọc trù một số ít*

người ở La Sơn và Can Lộc. Một áng văn hay như vậy mà bị mai một trong gần trăm rưỡi năm, kể cũng hơi lạ! Chúng ta há không nên sửa lại sự bất công ấy hay sao?” [22, tr.323]. Việc *Mai Đình mộng ký* được phổ biến đến độc giả tương đối muộn là có nguyên do của nó. Đây cũng là tình trạng của không ít truyện thơ Nôm nói riêng và với các tác phẩm văn học trung đại nói chung trong điều kiện các kỹ thuật lưu giữ văn bản chưa phát triển, nhất là trong một hoàn cảnh xã hội phong kiến có nhiều biến động như thời điểm tác phẩm ra đời.

Ngay cả khi tác phẩm đã được giới thiệu trên tạp chí (sau đó được in thành sách) thì sự quan tâm dành cho *Mai Đình mộng ký* vẫn chưa thật tương xứng, và độc giả không phải ai cũng biết đến sáng tác của Nguyễn Huy Hồ. Mặc dù *Mai Đình mộng ký* đây đó đã được nhắc đến trong một số công trình nghiên cứu về truyện Nôm, song một chuyên luận hoàn chỉnh, hệ thống những giá trị nổi bật của tác phẩm thì đến nay vẫn chưa có. Thiết nghĩ, công việc giới thiệu *Mai Đình mộng ký* đến đông đảo bạn đọc sẽ là không hoàn chỉnh nếu không có được một cái nhìn bao quát, toàn diện về tác phẩm. Kế thừa những nhận xét, bàn luận của các nhà nghiên cứu, chúng tôi muốn đưa ra một hệ thống tương đối đầy đủ những giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của *Mai Đình mộng ký*, đồng thời nêu bật được những nét đặc sắc làm nên giá trị cũng như vị trí của tác phẩm trong một thể loại văn học giàu giá trị như truyện Nôm, bổ sung vào vấn đề nghiên cứu vẫn còn đang bỏ ngỏ.

Từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài “***Mai Đình mộng ký trong dòng chảy truyện Nôm bác học thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX***” để nghiên cứu.

2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Nắm được lịch sử vấn đề để kế thừa những thành tựu nghiên cứu của các học giả đi trước là một công việc quan trọng không thể thiếu khi thực hiện đề

tài luận văn khoa học, nhất là với đối tượng tác phẩm truyện Nôm đã từng bị “mai một” hơn một thế kỷ như *Mai Đình mộng ký*.

Qua tìm hiểu chúng tôi nhận thấy, các sách văn học sử đã xuất bản từ năm 1943 trở về trước như *Quốc văn trích diễm* (1925), *Văn học Việt Nam* (1939) và *Việt Nam văn học sử yếu* (1941) của Dương Quảng Hàm; *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (1943) của Kiều Thanh Quế... đều không thấy nói đến Nguyễn Huy Hổ và *Mai Đình mộng ký*. Độc giả chỉ được biết đến tác phẩm lần đầu tiên qua sự giới thiệu của GS. Hoàng Xuân Hãn trên tạp chí Thanh Nghị năm 1943.

Sáng tác của Nguyễn Huy Hổ về sau được in thành sách do nhà xuất bản Sông Nhị ấn hành năm 1951. Lần in này, Hoàng Xuân Hãn có tu chỉnh lại phần phiên âm văn bản căn cứ vào ba bản *Mai Đình mộng ký* mà ông sưu tầm được và Nghiêm Toàn chú thích.

Năm 1956, nhà xuất bản Phạm Văn Tươi (Sài Gòn) cũng đã cho phát hành cuốn *Mai Đình mộng ký* do Vũ Bằng phê bình và chú thích. Tuy nhiên, công trình này của nhà văn Vũ Bằng dựa khá nhiều vào ấn bản năm 1951 của giáo sư Hoàng Xuân Hãn để cho in lại nguyên văn tác phẩm.

Đến năm 1997, Viện Văn học và Hội nhà văn có cho xuất bản cuốn sách “*Nguyễn Huy Hổ với Mai Đình mộng ký*” do Lại Văn Hùng phiên âm, dịch chú và giới thiệu.

Có lẽ Hoàng Xuân Hãn là người đầu tiên giới thiệu, cũng là người đầu tiên bước đầu có những nghiên cứu xung quanh tác phẩm *Mai Đình mộng ký*. GS. Hoàng Xuân Hãn đã đặt ra vấn đề về mối quan hệ, sự liên lạc giữa ba tác phẩm truyện Nôm là *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự, *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du và *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ. Ông cho rằng ngôn ngữ trong ba tác phẩm ấy, từ cách dùng chữ đến cách đặt câu có nhiều chỗ giống nhau, và lí giải rằng chính sự giao lưu giữa các văn sĩ họ Nguyễn ở Tiên Điền với các văn sĩ Nguyễn Huy ở Trường Lưu đã tạo nên sự ảnh hưởng lẫn

nhau trong các sáng tác của họ. Từ lập luận ấy, GS. Hoàng Xuân Hãn khẳng định về một văn phái Hồng Sơn đã từng tồn tại trong nền văn học dân tộc: “*Nay đọc Mai Đình mộng ký ta thấy từ cách dùng chữ đến cách đặt câu đều giống như trong Hoa tiên và Kiều, ta phải coi ba áng văn ấy là của một phái, một nhà, truyền từ người nọ đến người kia, của Hồng Sơn văn phái*” [22, tr.324]. Việc có hay không sự tồn tại của một Văn phái Hồng Sơn như ý kiến của học giả Hoàng Xuân Hãn cũng cần phải xem xét một cách cẩn trọng. Duy có điều, vấn đề mối liên hệ giữa sáng tác của các danh sĩ ở một vùng đất “địa linh sinh nhân kiệt” như vùng Trường Lưu – Tiên Điền là hoàn toàn có cơ sở, và rất có thể đã diễn ra một sự tương tác, ảnh hưởng ít hay nhiều trong các sáng tác văn học của họ.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc ở mục từ *Mai Đình mộng ký* trong *Từ điển văn học* (bộ mới) có nhắc đến giá trị của tác phẩm với lời ca ngợi hết mực: “*Mai Đình mộng ký thể hiện tâm sự hoài Lê của tác giả. Khuynh hướng hoài Lê hay hoài cổ nói chung trong văn học Việt Nam, giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, một phần thể hiện quan niệm nhân sinh của những tác giả này, nhưng một phần cũng thể hiện sự bất mãn kín đáo của họ đối với triều đại nhà Nguyễn. Mai Đình mộng ký sử dụng nhiều từ Hán và điển cổ. Nói chung, lời thơ rất điêu luyện, trau chuốt, bóng bảy, có nhiều đoạn tả thiên nhiên rất đẹp*” [16, tr.946]. Với nhận định của mình, GS. Nguyễn Lộc đã sơ lược phác thảo những giá trị cốt yếu của *Mai Đình mộng ký* ở khía cạnh nội dung và nghệ thuật. Tuy nhiên, trong phạm vi của một cuốn từ điển văn học, tác giả có lẽ đã không có điều kiện để khai thác sâu hơn những giá trị nổi bật của tác phẩm.

Nguyễn Hữu Sơn thì có hẳn một nghiên cứu liên quan đến *Mai Đình mộng ký* mang tên *Môtip “tài tử giai nhân” từ truyện Hoa tiên đến Mai Đình mộng ký*. Trong nghiên cứu này, Nguyễn Hữu Sơn ghi nhận vị trí mở đường của tác giả truyện *Hoa tiên* về môtip tài tử giai nhân - chuyện tình của những

cặp đôi trai tài gái sắc yêu nhau, đồng thời khẳng định sự kế thừa và tiếp nhận của những tác giả truyện Nôm giai đoạn sau trong đó có Nguyễn Huy Hổ.

Đặc biệt, tác giả Lại Văn Hùng trong công trình nghiên cứu *Dòng văn Nguyễn Huy ở Trường Lưu* có khái quát về văn nghiệp dòng họ Nguyễn Huy, trong đó tập trung vào 3 tác giả tiêu biểu cho từng giai đoạn là Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Huy Hổ. Riêng về Nguyễn Huy Hổ, là tác giả thuộc thế hệ cuối của dòng văn, nhà nghiên cứu đã dành công sức đánh giá một số nét đặc sắc trong *Mai Đình mộng ký*, nhất là những đặc sắc về mặt nghệ thuật như nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tả cảnh, hai bài thơ ngũ ngôn xuất hiện trong tác phẩm...

Gần đây, Nhà xuất bản Lao Động và Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây vừa cho ra mắt cuốn sách mới *Các tác giả dòng văn Nguyễn Huy Trường Lưu - Cuộc đời và tác phẩm* do Nguyễn Huy Mỹ chủ biên, cũng có nhắc tới Nguyễn Huy Hổ và *Mai Đình mộng ký*. Cuốn sách tập trung khảo luận tiểu sử, sự nghiệp của các tác giả dòng văn Nguyễn Huy, đồng thời giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu và tổng hợp một số bài nghiên cứu, những tư liệu lịch sử giá trị của dòng họ.

Trên cơ sở theo dõi, khảo sát một số ý kiến bàn luận, đánh giá liên quan đến thi phẩm của Nguyễn Huy Hổ, chúng tôi sơ bộ rút ra một số nhận xét như sau:

1) *Mai Đình mộng ký* của danh sĩ Nguyễn Huy Hổ vì lý do khách quan mà đến với độc giả tương đối muộn kể từ khi có mặt trên văn đàn.

2) Các nhận xét, đánh giá của các nhà nghiên cứu tựu chung lại đều khẳng định giá trị của thi phẩm này, và tác phẩm của Nguyễn Huy Hổ xứng đáng có được vị trí của mình trong kho tàng văn học của dân tộc.

Mặc dù có xuất hiện rải rác trong những nghiên cứu của các học giả, nhưng chúng tôi nhận thấy cho đến nay, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên biệt nào hệ thống một cách đầy đủ những giá trị nội dung cũng như

nghệ thuật của *Mai Đình mộng ký*. Thiết nghĩ, việc khai thác giá trị của *Mai Đình mộng ký* trên phương diện nội dung và nghệ thuật cũng như tìm hiểu sự tương tác của thi phẩm này trong dòng truyện Nôm bác học không chỉ có ý nghĩa quan trọng và cần thiết trong việc đưa tác phẩm đến gần hơn với độc giả, đặc biệt là những người yêu thích và say mê văn học cổ, mà còn nhận diện rõ hơn nét đặc sắc của thi phẩm cũng như sự phong phú của một thể loại văn học giàu giá trị dân tộc như truyện thơ Nôm. Đó cũng là mục đích hướng tới của luận văn này.

3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Luận văn sẽ khẳng định những giá trị nổi bật của *Mai Đình mộng ký* nhằm giới thiệu đến bạn đọc, nhất là những người yêu thích và quan tâm đến văn học cổ một tác phẩm hay nhưng chưa được nhiều người biết đến - đặc biệt là sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu sự tương tác của *Mai Đình mộng ký* với một số tác phẩm cùng thể loại tiêu biểu khác hy vọng sẽ đưa ra được những đánh giá về vị trí của tác phẩm trong dòng chảy truyện Nôm bác học ở giai đoạn phát triển cực thịnh của nó, từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

Thực hiện luận văn, chúng tôi sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất có liên quan đến truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký* của danh sĩ Nguyễn Huy Hổ.

Để có được cái nhìn đầy đủ và khách quan, chúng tôi khai thác những giá trị đặc sắc cũng như sự kế thừa, đóng góp của *Mai Đình mộng ký* trong quan hệ đối sánh với một số tác phẩm tiêu biểu cùng thể loại như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ, *Sơ Kính tân trang* của Phạm Thái..., góp phần khẳng định giá trị đích thực thi phẩm của danh sĩ Nguyễn Huy Hổ trong nền văn học cổ điển dân tộc.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Với đối tượng và mục đích nghiên cứu như vậy, chúng tôi đề ra những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài như: khái niệm truyện Nôm; vấn đề phân loại và quá trình hình thành, phát triển của thể loại Truyện Nôm; một vài nét giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Hồ và truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*.

- Nêu bật được những giá trị của tác phẩm trên phương diện nội dung và nghệ thuật trong một hệ thống hoàn chỉnh.

- Đánh giá sự kế thừa cũng như những đóng góp của *Mai Đình mộng ký* trong cái nhìn đối sánh với một số tác phẩm truyện Nôm bác học tiêu biểu giai đoạn thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Căn cứ vào mục tiêu và đối tượng đã xác định, để hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra, luận văn sẽ sử dụng một số phương pháp chính là: phương pháp tiếp cận hệ thống; phương pháp thống kê, khảo sát; phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát; phương pháp so sánh, đối chiếu.

- *Phương pháp tiếp cận hệ thống*: Với mong muốn đưa ra một cái nhìn sâu sắc và tương đối đầy đủ về truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*, phương pháp này giúp chúng tôi phân tích những yếu tố cấu thành chỉnh thể tác phẩm trong một hệ thống hoàn chỉnh nhất.

- *Phương pháp thống kê, khảo sát*: Đây là phương pháp được chúng tôi sử dụng để thống kê, khảo sát ngôn ngữ của tác phẩm để từ đó chỉ ra những đặc điểm nổi bật về nội dung cũng như nghệ thuật. Ngoài ra chúng tôi còn dùng phương pháp thống kê để xử lý thông tin trong các tư liệu lịch sử, tư liệu văn học được sử dụng để chứng minh cho các luận điểm đã đưa ra.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát*: Để đưa ra những luận điểm mang tính thuyết phục về phương diện nội dung và nghệ thuật của *Mai*

Đình mộng ký, luận văn tận dụng những ưu thế tuyệt đối của các thao tác như phân tích, tổng hợp, khái quát. Đây cũng là một phương pháp quan trọng giúp chúng tôi lựa chọn phân tích những tư liệu “trúng” nhất của các tác phẩm truyện Nôm bác học khác, sau đó tổng hợp và khái quát lại, phục vụ cho công việc so sánh với *Mai Đình mộng ký* để thấy được điểm kế thừa, cách tân của tác giả Nguyễn Huy Hồ.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: Phương pháp này chủ yếu được chúng tôi sử dụng nhằm chứng minh mối quan hệ tương tác, ảnh hưởng của *Mai Đình mộng ký* từ một số truyện Nôm bác học tiêu biểu khác, đồng thời thấy được vị trí của tác phẩm trong mối quan hệ đó. Chúng tôi dự kiến sẽ so sánh sáng tác của Nguyễn Huy Hồ trên một vài phương diện với các truyện Nôm đã được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu.

Trên đây là những phương pháp nghiên cứu chính mà luận văn sẽ sử dụng. Những phương pháp này tùy thuộc vào nhiệm vụ cụ thể của từng phần sẽ được sử dụng riêng rẽ hoặc kết hợp để đạt được kết quả cao nhất.

7. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN

- Luận văn sẽ đóng góp một đề tài nghiên cứu đầu tiên về giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm *Mai Đình mộng ký* trong một hệ thống hoàn chỉnh. Kết quả nghiên cứu của đề tài hy vọng sẽ cung cấp một tư liệu hữu ích giúp độc giả có được cái nhìn khái quát nhất khi tiếp cận tác phẩm.

- Trong mối quan hệ tương tác với các tác phẩm cùng thể loại, luận văn sẽ chỉ ra những điểm tiếp nhận, kế thừa và cách tân, sáng tạo của tác giả truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*. Về nội dung này, luận văn hy vọng sẽ góp thêm những tư liệu, dẫn chứng cụ thể để khẳng định sự phong phú, đa dạng trên nhiều khía cạnh của truyện thơ Nôm - một thể loại văn học quan trọng của văn học trung đại Việt Nam.

8. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Nội dung của luận văn sẽ được triển khai thành ba chương:

Chương 1: Khái lược một số vấn đề về truyện Nôm và tác phẩm *Mai Đình mộng ký*.

Chương 2: Tìm hiểu giá trị tác phẩm *Mai Đình mộng ký* trên phương diện nội dung và nghệ thuật.

Chương 3: Sự tương tác của *Mai Đình mộng ký* trong dòng truyện Nôm bác học thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX.

NỘI DUNG

CHƯƠNG I: KHÁI LƯỢC MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRUYỆN NÔM VÀ TÁC PHẨM *MAI ĐÌNH MỘNG KÝ*

Để nhận diện rõ hơn giá trị của truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký* trong một hệ thống đầy đủ, luận văn triển khai một số vấn đề về thể loại của tác phẩm như: khái niệm truyện Nôm, sự phân loại truyện Nôm thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của thể loại. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng dành một phần dung lượng của chương để giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Hổ và sáng tác duy nhất còn lại của ông. Đây cũng chính là cơ sở lý luận và thực tiễn giúp chúng tôi tạo nên nền tảng cơ bản để nghiên cứu đề tài.

1.1 Khái niệm truyện Nôm

Về tên gọi thể loại, trong giới nghiên cứu hiện nay vẫn phổ biến sử dụng thuật ngữ *truyện Nôm*. Thực chất, đó chỉ là cách rút gọn của khái niệm *truyện thơ Nôm* mà thôi. Trong điều kiện lịch sử văn xuôi chữ Nôm trung đại không phát triển thì tên gọi ấy cũng dễ được chấp nhận vì sẽ không bị hiểu nhầm là truyện văn xuôi Nôm.

Xung quanh vấn đề khái niệm *truyện Nôm*, chúng tôi xin được trích dẫn ý kiến của một số nhà nghiên cứu, học giả tiêu biểu như Dương Quảng Hàm, Đặng Thanh Lê, nhóm tác giả Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi... Học giả Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* viết : “*truyện Nôm là tiểu thuyết bằng văn vần viết theo hai thể là lục bát và biến thể lục bát*”[6, tr.202]. Còn tác giả Đặng Thanh Lê thì định nghĩa truyện Nôm là “*tiểu thuyết thuộc hệ thống tự sự... sử dụng ngôn ngữ văn tự dân tộc là chữ Nôm...và đại bộ phận các tác phẩm đều sử dụng một thể loại thơ dân tộc – lục bát*”[14, tr.55,56]. Trong khi đó nhóm tác giả Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi thì đưa ra khái niệm: “*Thể loại tự sự bằng thơ dài rất tiêu biểu cho*

văn học cổ điển Việt Nam, nở rộ vào cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, do viết bằng tiếng Việt, ghi bằng chữ Nôm nên được gọi là truyện Nôm” [8, tr.253]...

Có thể nói là dù câu chữ có đôi chỗ khác nhau, nhưng rõ ràng trong cách định nghĩa về *truyện Nôm*, quan niệm của các nhà nghiên cứu có những điểm tương đồng nhất định. Trên quan điểm cá nhân, chúng tôi tán đồng với nhận định về ba hạt nhân cơ bản đối với khái niệm truyện Nôm của TS. Ngô Thị Thanh Nga trong Luận án *Hoa Tiên ký trong mạch truyện Nôm bác học thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX*, đó là: “*Truyện Nôm là thể loại văn học thuộc loại hình tự sự, thường được viết bằng thể thơ lục bát và sử dụng ngôn ngữ dân tộc (chữ Nôm)*” [21, tr.22].

1.2 Nguồn gốc của truyện Nôm

Truyện Nôm là thể loại văn học có số lượng tác phẩm tương đối lớn, trong đó phần nhiều là không rõ tên tác giả. Cũng vì thế mà việc xác định chính xác thời điểm ra đời của một tác phẩm truyện Nôm trong nhiều trường hợp sẽ không khả thi, dẫn đến việc xác định thời điểm ra đời của truyện Nôm nói chung là hết sức khó khăn. Khi nghiên cứu bộ phận văn học này, vấn đề nguồn gốc, sự phát triển, thời điểm sáng tác là những nội dung khó giải quyết.

Cố nhiên, các nhà nghiên cứu cũng đã bước đầu đưa ra những giả thuyết cho vấn đề nêu trên. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc thì trong nền văn học dân gian Việt Nam, cả hai thể loại tự sự và trữ tình đều phát triển rất sớm, và trên nền tảng ấy, một hình thức tự sự có văn như thể loại về cũng có thể ra đời từ lâu trong nền văn học dân tộc. Từ lập luận đó, tác giả đặt ra giả thuyết: “*Phải chăng tiền thân của thể loại truyện Nôm là ở trong văn học dân gian?*” [17, tr.505].

Cùng quan điểm với Nguyễn Lộc, nhà nghiên cứu Kiều Thu Hoạch cho rằng, xét trên phương diện lịch sử thì “*truyện Nôm vốn có cội nguồn sâu xa từ kho tàng folklore Việt Nam*” [9, tr.246], từ truyện cổ dân gian và từ thơ ca dân gian. Bắt đầu bằng những diễn ca lịch sử, và những diễn ca có

tính chất tôn giáo là chủ yếu, truyện Nôm với tư cách là một thể loại tự sự dân gian bằng thơ đã định hình vào khoảng thế kỷ XVII. Từ thế kỷ XVIII trở đi, cùng với sự thuần thực của thể thơ lục bát, truyện Nôm bước sang thời kỳ nở rộ với nội dung xã hội, và phát triển liên tục cho đến tận những thập kỷ đầu của thế kỷ XX.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, cho đến nay các học giả đã có sự phân định tương đối thống nhất trước vấn đề nguồn gốc của truyện Nôm. Tựu chung lại, các tác phẩm truyện Nôm được khởi phát từ ba nguồn cơ bản. Nguồn thứ nhất chính là các sáng tác trong văn học dân gian, đặc biệt là các truyện cổ tích, thần thoại. Dựa vào cốt truyện của các tác phẩm tự sự dân gian như vậy, các tác giả truyện Nôm đã tái tạo lại nội dung của những câu chuyện quen thuộc bằng chất liệu văn vần với ưu điểm tuyệt đối của nó. *Thạch Sanh, Tấm Cám, Phương Hoa, Bích Câu kỳ ngộ...* là những tác phẩm lấy cốt truyện từ nguồn này. Nguồn thứ hai cũng được các tác giả của truyện Nôm khai thác chính là từ kho tàng văn học cổ Trung Hoa. Dựa vào những câu chuyện đã được sáng tác trước đó trong văn học Trung Hoa, một số tác giả của văn học Việt Nam đã phóng tác để sáng tạo nên tác phẩm của riêng mình. Tiêu biểu cho những truyện Nôm lấy từ nguồn này là *Song tinh, Hoa tiên, Truyện Kiều...* Nguồn gốc thứ ba bao gồm các truyện thơ Nôm có nội dung trực tiếp từ thực tế đời sống xã hội Việt Nam, hoặc có thể là những sáng tạo của chính người viết. Những tác phẩm như *Sơ kính tân trang, Mai Đình mộng ký...* chính được xuất phát từ nguồn này. Tuy nhiên trong truyện Nôm, các sáng tác như thế là không nhiều.

1.3 Phân loại truyện Nôm và loại truyện Nôm bác học

1.3.1 Vấn đề phân loại truyện Nôm

Nghiên cứu truyện Nôm cùng với việc xác định bản chất của thể loại là một vấn đề phức tạp, không dễ đạt được sự thống nhất trong quan niệm của các nhà nghiên cứu. Cũng từ đó mà việc phân loại truyện Nôm trở nên hết sức khó khăn. Các nhà nghiên cứu đã dựa vào những tiêu chí nhất định để phân loại, và

trong một chừng mực nào đó đều có điểm thuyết phục. Qua khảo cứu, chúng tôi nhận thấy việc phân loại truyện Nôm hiện nay tựu chung lại theo 4 hướng như sau:

Cách thứ nhất: Dựa trên một đặc điểm dễ thấy của truyện Nôm là phần lớn các sáng tác không rõ tên tác giả, các nhà nghiên cứu chia truyện Nôm thành hai loại là truyện Nôm khuyết danh (chưa biết tên tác giả) và truyện Nôm hữu danh (biết rõ tên tác giả). Chẳng hạn: *Thạch Sanh*, *Thoại Khanh - Châu Tuấn*,... thuộc loại truyện Nôm khuyết danh; truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,... thuộc loại truyện Nôm hữu danh. Tiêu biểu cho cách phân chia này là nhà nghiên cứu Bùi Văn Nguyên. Thực ra lối phân chia này thuần túy chỉ mang tính chất hình thức, việc phân loại chưa thật sự mang tính khoa học.

Cách thứ hai: Trên tiêu chí nguồn gốc đề tài của tác phẩm như đã nói, nhà nghiên cứu Lê Hoài Nam trong *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam* phân truyện Nôm thành ba loại: truyện có nguồn gốc cổ tích, thần thoại (*Tám Cám*, *Tống Trân - Cúc Hoa*...); truyện có nguồn gốc từ kho tàng tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc (*Song Tinh*, *Hoa tiên*, *Nhị Độ Mai*, *Truyện Kiều*...); truyện bắt nguồn từ thực tại đời sống xã hội Việt Nam hay sáng tạo trên sự hư cấu cảnh ngộ cuộc đời của chính tác giả (*Sơ kính tân trang*, *Mai Đình mộng ký*...). Mặc dù ý kiến của tác giả phần nào mang tính thuyết phục, nhưng về cơ bản cách phân loại ấy chưa giải quyết thật triệt để vấn đề đặc trưng thể loại của truyện Nôm.

Cách thứ ba: TS. Nguyễn Thị Nhàn trong luận án *Mô hình kết cấu cốt truyện truyện Nôm* đã dựa vào chủ đề cũng như nội dung phản ánh của tác phẩm mà phân truyện Nôm thành năm loại: loại truyện có tính chất lễ nghi, tôn giáo (*Quan Âm Thị Kính*, *Sự tích Đức Chúa Ba*...); loại truyện lãng mạn hay còn gọi là truyện tài tử giai nhân (*Hoa tiên*, *Phan Trần*, *Sơ kính tân trang*...); loại truyện thể sự có chủ đề hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đấu tranh xã hội

(*Thoại Khanh – Châu Tuấn, Tống Trân – Cúc Hoa...*); loại truyện về các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử (*Ông Ninh cổ truyện, Chúa Thao cổ truyện...*); và cuối cùng là loại truyện luân lý đạo đức (*Trinh thủ, Lưu Bình – Dương Lễ...*). Tuy nhiên như chính tác giả luận án nhận định, “mỗi loại truyện này vẫn bao hàm trong chúng những yếu tố, tính chất của loại khác”, vì vậy mà việc phân loại “vẫn còn những điều cần bàn bạc thêm” [23, tr.54].

Cách thứ tư là ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu như Nguyễn Lộc, Kiều Thu Hoạch, Trần Đình Sử... phân truyện Nôm thành hai loại là: truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học. Đây là cách phân loại dựa trên tiêu chí về đặc điểm nội dung cũng như nghệ thuật của thể loại. Có thể thấy ranh giới giữa hai loại truyện Nôm bình dân và bác học không phải lúc nào cũng rạch ròi, đứt khoát bởi các tiêu chí phân loại vẫn còn có độ co giãn nhất định. Song rõ ràng cách phân loại này đã cho thấy tính ưu việt của nó trong việc nêu bật nét khu biệt cũng như tiến trình phát triển của thể loại Truyện Nôm. Có lẽ vì vậy mà cách phân chia truyện Nôm thành hai loại truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học trở nên có sức thuyết phục hơn cả, được nhiều nhà nghiên cứu và học giả ủng hộ. Thực hiện đề tài, chúng tôi cũng xin được kế thừa việc phân loại truyện Nôm theo hướng này.

Trong khuôn khổ của luận văn, chúng tôi dành sự quan tâm đến loại truyện Nôm bác học, bộ phận mà nhiều nhà nghiên cứu về thể loại này đã thống nhất đánh giá là có nhiều thành tựu rực rỡ. Đóng góp cho sự phát triển ấy của thể loại lẽ dĩ nhiên không thể không nói tới sự xuất hiện của những tác phẩm giá trị, trong số đó có *Mai Đình mộng ký* của tác giả Nguyễn Huy Hổ.

1.3.2 Truyện Nôm bác học

Như trên đã nói, truyện Nôm bác học đã đóng góp cho kho tàng truyện Nôm những tác phẩm giàu giá trị. Mặc dầu vậy, khái niệm truyện Nôm bình dân, truyện Nôm bác học như Hoàng Hữu Yên trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX* đã lưu ý “không bao hàm sự đánh giá quá

thấp loại này hay đề cao một chiều loại kia” [36]. Cách phân loại được sử dụng dựa theo một số phương diện thể hiện đặc điểm của từng nhóm tác phẩm.

Về đặc điểm cũng như tiêu chí nhận diện đối với loại truyện Nôm bác học, các nhà nghiên cứu và học giả có uy tín về truyện Nôm đã bàn luận khá kỹ trong nhiều công trình nghiên cứu. Ở đây, chúng tôi xin được hệ thống lại những đặc điểm cơ bản nhất của loại truyện Nôm bác học.

Trước hết là về tác giả, truyện Nôm bác học phần lớn là có tên tác giả. Không giống với lực lượng sáng tác của truyện Nôm bình dân, các tác giả của truyện Nôm bác học là những người có trình độ học vấn uyên bác, những người thuộc tầng lớp phong kiến, quý tộc. Nguyễn Huy Tụ - tác giả truyện *Hoa tiên*, Nguyễn Du - người viết kiệt tác *Truyện Kiều*... đều là những học giả uyên thâm, thuộc dòng dõi khoa bảng, am tường nghệ thuật và làm quan trong triều đình. Xuất thân của bộ phận các tác giả này chắc chắn có ảnh hưởng sâu đậm đến sáng tác của họ cả về nội dung tư tưởng đến cách thức thể hiện. Những xúc cảm tinh tế, những suy tư trải nghiệm trong tác phẩm được thể hiện sinh động, sáng tạo bởi những con người đã trải qua quá trình tu dưỡng nghệ thuật hết sức bài bản và nghiêm túc.

Một điểm đáng chú ý nữa là các tác phẩm truyện Nôm thuộc loại này hầu hết được viết dựa theo những cốt truyện trong văn học cổ Trung Quốc: truyện *Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào dựa theo *Định tình nhân truyện*; truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ nội dung dựa theo cốt truyện ca bản có tên là *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*; truyện *Nhị Độ Mai* thì được viết theo cuốn *Trung hiếu tiết nghĩa Nhị Độ Mai truyện*... Tuy nhiên cũng có những tác phẩm mà nội dung do chính tác giả hư cấu và sáng tạo nên như *Sơ Kính tân trang* của Phạm Thái, *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ...

Về phương diện nội dung, truyện Nôm bác học có nhiều mặt phong phú và tiến bộ. Tác phẩm phản ánh khát vọng tình yêu, hạnh phúc lứa đôi, nhu cầu giải phóng cá tính... nhưng ở nhiều tác phẩm, cách kết thúc lại thường mang

màu sắc bi kịch. Điều này có phần khác so với loại truyện Nôm bình dân - tất cả những ước mơ, khát vọng về một xã hội tốt đẹp của con người đều có một kết thúc đầy tươi sáng.

Về phương diện nghệ thuật, truyện Nôm bác học được sáng tác theo phương thức của văn học thành văn, là những tác phẩm chủ yếu để xem, để đọc chứ không phải để kể. Điều đó chi phối cách xây dựng cốt truyện, kết cấu, cách miêu tả nhân vật, biến cố, các sự kiện của nó. Trong truyện Nôm bác học, nhân vật thường được chia thành nhiều tuyến hơn và trong một nhân vật thường không chỉ tồn tại một tính cách nhất quán. Nhân vật có diễn biến tâm lí khá phức tạp và tinh tế. Về phương diện ngôn ngữ thơ, truyện Nôm bác học có một bước tiến khá xa so với truyện Nôm bình dân. Ngôn ngữ của loại truyện này được gọt rũa, trau chuốt công phu và thường hàm súc, uyên bác, giàu nhạc điệu chứ không thô sơ, mộc mạc chân chất như trong loại truyện Nôm bình dân. Tuy nhiên do văn chương theo phong cách điển nhã nên việc sử dụng nhiều điển cố và thành ngữ Hán trong các tác phẩm thuộc loại này là không tránh khỏi.

Với những đặc điểm và tiêu chí nhận diện vừa trình bày, chúng tôi hoàn toàn tán đồng và xin được kế thừa quan điểm của một số nhà nghiên cứu khi xếp *Mai Đình mộng ký* - đối tượng nghiên cứu của luận văn - vào danh sách những truyện Nôm bác học. Riêng về vấn đề thể loại của tác phẩm, chúng tôi sẽ trình bày kĩ hơn trong mục “Truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*”.

1.4 Quá trình hình thành và phát triển của Truyện Nôm

Sự phân chia truyện Nôm thành hai loại như trên đã nói không có nghĩa là cứ tác phẩm thuộc loại truyện Nôm bình dân thì xuất hiện trước, tác phẩm thuộc loại truyện Nôm bác học xuất hiện sau hay ngược lại. Vấn đề khó khăn trong việc xác định chính xác thời điểm ra đời của thể loại truyện Nôm đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình dung về tiến trình của thể loại. Tuy vậy, căn cứ vào những tư liệu sử học đương thời, các nhà nghiên cứu ước định quá trình

hình thành, phát triển và kết thúc của truyện Nôm trải qua chặng đường khoảng bốn thế kỷ, từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX. Quá trình ấy gồm bốn giai đoạn:

Thế kỷ XVI: là giai đoạn đầu tiên trong hành trình thể loại. Hình thức ban đầu của truyện Nôm là một chuỗi những bài thơ Nôm Đường luật với cốt truyện thường được mượn từ văn học cổ Trung Quốc (*Tô Công phụng sứ, Vương Tường, Lâm Tuyền Kì Ngộ...*). Rất có thể những truyện Nôm như thế đã tạo tiền đề cho sự ra đời của nhóm truyện Nôm bác học sau này.

Thế kỷ XVII: Thời kỳ này khẳng định chính thức đã có văn bản truyện thơ Nôm, khi chữ Nôm và thơ lục bát đã được thử sức qua các thể loại ở giai đoạn trước. Giai đoạn này xuất hiện nhiều truyện thơ Nôm lấy tích từ truyện dân gian, và đa phần là không có tên tác giả. Các tác phẩm truyện Nôm nổi bật: *Phạm Tải - Ngọc Hoa, Lý Công, Thoại Khanh - Châu Tuấn...*

Giai đoạn thế kỷ XVIII, nửa đầu XIX là thời hoàng kim của thể loại. Số lượng tác phẩm nhiều lên trông thấy, cốt truyện được khai thác từ nhiều nguồn khác nhau với chủ đề phong phú. Điều đặc biệt là truyện Nôm giai đoạn này hầu hết đều có tên tác giả. Đây cũng là giai đoạn xuất hiện nhiều truyện Nôm bác học có giá trị: truyện *Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào, truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ, *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái, *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ, *Bích Câu kỳ ngộ* của Vũ Quốc Trân... và đặc biệt là kiệt tác *Đoạn trường tân thanh* của đại thi hào Nguyễn Du. Truyện thơ Nôm giai đoạn này được ví như dàn hợp xướng nhiều bè tạo nên âm hưởng đặc sắc, khẳng định sức mạnh của thể loại, có những đóng góp to lớn trên bước đường phát triển văn học dân tộc.

Giai đoạn nửa cuối XIX, đầu XX là thời kì nhường bước, giã từ văn đàn của thể loại. Sau khi đã làm tròn sứ mệnh, truyện thơ Nôm với những vấn đề nóng bỏng một thời đã lùi vào hậu trường, nhường chỗ cho quá trình hiện đại hoá mạnh mẽ những năm đầu thế kỷ XX của nền văn học dân tộc. Những tác phẩm tiêu biểu là: *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngự tiều y*

thuật vấn đáp của Nguyễn Đình Chiểu, *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* của Phan Châu Trinh, *Thanh khí tương cầu* của Tôn Quang Phiệt...

Trong khoảng bốn thế kỷ hình thành và phát triển, đặc biệt là khoảng thời gian từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX - giai đoạn phát triển rực rỡ với nhiều thành tựu nổi bật - truyện Nôm đã thực sự trở thành một thể loại văn học độc đáo, phản ánh sâu sắc tình cảm, tư tưởng cùng lý tưởng thẩm mỹ của các tầng lớp dân chúng trong xã hội phong kiến xưa. Góp phần làm nên những giá trị hết sức lớn lao ấy cho thể loại là sự xuất hiện của những tác phẩm truyện Nôm có giá trị, trong đó có *Mai Đình mộng ký* của danh sĩ Nguyễn Huy Hổ với những giá trị độc đáo trên nhiều phương diện.

1.5 Nguyễn Huy Hổ và truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*

1.5.1 Nguyễn Huy Hổ

Nguyễn Huy Hổ, húy là Nhậm, tự Cách Như, hiệu Liên Pha, sinh ngày 21 tháng 08 năm Quý Mão niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), mất ngày 20 tháng 8 năm Tân Sửu niên hiệu Thiệu Trị thứ nhất (1841), là người làng Trường Lưu, xã Lai Thạch, huyện La Sơn, nay là xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Ở trung tâm của miền đất địa linh sinh nhân kiệt, một chiếc nôi của nền văn hiến thi thư xưa kia, làng Trường Lưu quê hương của Nguyễn Huy Hổ càng nổi tiếng với cảnh quan thiên nhiên của núi Phượng Lĩnh, còn có tên nữa là núi Sơn Viên, cùng dòng sông Phúc Giang thơ mộng, đã được thơ ca lưu truyền thành hệ thống “Trường Lưu bát cảnh” danh tiếng:

Quan thị triều hà (Ráng sớm trước chợ Quan);

Phượng sơn tịch chiếu (Nắng chiều trên núi Phượng);

Hân tự hiếu chung (Chuông gọi sáng chùa Hân);

Nghĩa thương văn thác (Tiếng mõ chiều kho Nghĩa);

Cổ miếu âm dung (Bóng rợp che cổ miếu);

Liên trì nguyệt sắc (Ánh trăng dưới hồ sen);

Thạc tỉnh tuyến hương (Hương thơm nước giếng Thạc);

Nguyễn trang hoa mỹ (Hoa đẹp trong trang viên họ Nguyễn).

Cùng với “Trường Lưu bát cảnh”, quê hương Nguyễn Huy Hổ cũng nổi tiếng với những làn điệu dân ca ví dặm, đặc biệt là những câu hát phường vải của các cô gái Trường Lưu, đối sánh với các câu hát phường nón của những chàng trai làng Tiên Điền bên cạnh. Một vùng đất như thế chắc chắn sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành tư tưởng, nuôi dưỡng nhân cách và tài năng con người của Nguyễn Huy Hổ.

Nguyễn Huy Hổ sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống về khoa bảng. Cha đẻ Nguyễn Huy Hổ là nhà thơ Nguyễn Huy Tự - tác giả truyện thơ Nôm *Hoa tiên* nổi tiếng. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đài – con gái Tham tụng Nguyễn Khản. Như vậy, Nguyễn Huy Hổ mang trong mình dòng máu của hai dòng họ lớn ở vùng Nghệ Tĩnh dưới thời Lê Trung Hưng, là người tinh kết những giá trị của dòng họ Nguyễn Huy - Trường Lưu bên nội và họ Nguyễn bên ngoại ở Tiên Điền. Gia đình bên nội cũng như bên ngoại của Nguyễn Huy Hổ đều là danh gia vọng tộc: Ông nội là Nguyễn Huy Oánh (1713 - 1789), một cây đại thụ trong nền văn hóa Hồng Lam, Thám hoa khoa Mậu thìn, làm quan đến chức Thượng thư bộ Công; ông ngoại là Nguyễn Khản (1734 – 1786), đậu tiến sĩ khoa Canh thìn, làm quan đến chức Tham tụng tước Quận công; ông chú ngoại là Nguyễn Du (1765-1820) đỗ tam trường, đã từng nổi tiếng là bậc đại văn hào; cậu họ là Nguyễn Thiện (1763-1818) người đã nhuận sắc truyện *Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tự...

Khoảng thời gian từ 1783, lúc Nguyễn Huy Hổ mới sinh ra cũng là khoảng thời gian ông nội, cha, và người em của ông nội là Nguyễn Huy Quýnh đều có mặt tại Trường Lưu. Lớn lên trong một môi trường như vậy, có thể Nguyễn Huy Hổ đã nhận được sự giáo dục tốt từ phía gia đình. Có lẽ cũng do được thừa hưởng từ truyền thống của gia đình, dòng tộc mà ngay từ nhỏ, Nguyễn Huy Hổ đã có tiếng là thông minh hiếu học. Cụ ngoại là Xuân quận

công Nguyễn Nghiễm có nói với chức Trung thư lệnh của Tây Sơn Nguyễn Huệ là Trần Văn Kỳ rằng: *“Về đạo học sâu xa thì có La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, về văn chương phép tắc thì có Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, còn thiếu niên đa tài đa nghệ thì chỉ có Nguyễn Huy Hổ mà thôi”* [4]. Tuy vậy, tuổi thơ Nguyễn Huy Hổ cũng chứng kiến nhiều biến cố xảy đến trong gia đình. Năm 1789, ông nội Nguyễn Huy Oánh mất. Lên 8 tuổi (1790), cha qua đời tại Phú Xuân, ông sống với mẹ và những người anh chị cùng cha khác mẹ như Nguyễn Huy Tượng, Nguyễn Huy Vinh... Ngoài xã hội, những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX cũng liên tiếp xảy ra nhiều sự kiện: Nhà Lê – Trịnh bỗng chốc sụp đổ (1788), vua Lê trở thành vị vua vong quốc và phải chạy theo tàn quân Tôn Sĩ Nghị về Trung Hoa. Nhà Tây Sơn được thành lập chấm dứt tình trạng hỗn loạn của đất nước trong một thời gian dài, nhưng kể từ khi Hoàng đế Quang Trung đột ngột qua đời năm 1792 thì triều đình này cũng dần dần bị loạn thần Bùi Đắc Tuyên thao túng, phá nát. Đến năm 1802, nhà Tây Sơn mất và đất nước lại về tay chủ mới: triều Nguyễn. Chỉ trong khoảng mấy mươi năm mà giang sơn đổi chủ đến ba lần, nội thù, ngoại chiến xảy ra triền miên, xã hội loạn lạc, dân tình khốn khổ. Bởi vậy, tuy thuộc dòng dõi khoa bảng cả hai bên nội ngoại, và chính Nguyễn Huy Hổ cũng là người văn hay học giỏi, nhưng ông đã không chịu ra thi thố tài năng.

Về hành trạng của Nguyễn Huy Hổ, cho đến nay vẫn chưa thấy tài liệu nào ghi chép lại một cách cụ thể. Gia phả có chép lại nói ông lấy vợ, bà đầu tiên là Lê Thị Hậu, cháu gái của vua Lê Hiển Tông nhưng cũng không chép vào năm nào. Hoàng Xuân Hãn đã giới thiệu Nguyễn Huy Hổ là người giỏi y thuật và đã sống bằng nghề làm thuốc để cứu nhân độ thế, đồng thời còn tinh thông cả thiên văn và địa lý. Chắc ông phải nổi tiếng lắm nên mới được vua Minh Mệnh triệu vào cung và có thể do đó mới dẫn đến việc tìm đất cho nhà vua để xây lăng. Điều này đã được minh xác qua tờ sắc đề ngày 12 tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 20 (1839), trong đó có đoạn viết: *“Bộ lại kính theo thương dụ ngày*

mồng 6 tháng này (tức tháng 10), cấp cho sĩ nhân Nguyễn Huy Hồ người Hà Tĩnh hầu việc đã lâu, được thưởng 20 lạng bạc, chuẩn cho theo giấy cấp của bộ để về thăm quê nhà” [34, tr.628]. Việc xem đất thành công, ông được ban làm Linh đài lang ở Khâm thiên giám. Ở chức được khoảng hơn 1 năm thì ông qua đời.

Cũng là con quan nhưng vì “*Lửa binh rấp thừa chông gai*”, thế hệ của Nguyễn Huy Hồ gặp phải nhiều trắc trở, lận đận chứ không được hanh thông, hiển đạt như các thế hệ cha ông trước đó. Có điều chắc chắn là ông cùng với người anh là Nguyễn Huy Vinh (người có thơ trong *Chung sơn di thảo*) đã được thừa hưởng từ truyền thống chữ nghĩa và văn chương dồi dào của gia tộc Nguyễn Huy – Trường Lưu. Có lẽ vì vậy mà mùa xuân năm Kỷ Ty (1809), ông có cuộc du chơi núi Chung Sơn thăm Nguyễn Huy Vinh, và chính cuộc du chơi này đã gợi cảm hứng sâu sắc cho tác phẩm văn học duy nhất được biết đến của ông, truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*.

1.5.2 Truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*

Mai Đình mộng ký được viết ra vào năm Kỷ Ty (1809), sau ngày khai hạ (mồng bảy tháng giêng) nhân một chuyến Nguyễn Huy Hồ đi lên chơi Nam Đường để mừng lạc thành nhà học của anh ông là Nguyễn Huy Vinh ẩn cư ở núi Chung Sơn. Tác phẩm gồm 282 câu thơ viết bằng chữ Nôm theo thể thơ lục bát (không kể 2 bài đề, họa viết theo thể ngũ ngôn).

Nội dung câu chuyện có thể tóm lược như sau: Khoảng ngày rằm tháng Giêng năm Kỷ Ty, tác giả lên thuyền, ngược dòng sông Lam, mục đích là đi thăm anh ở núi Chung Sơn. Qua bến Phù Thạch, không khí mùa xuân, rồi cảnh non nước hữu tình và hội “quan đăng” đã khiến tác giả dạt dào cảm xúc. Ông đem rượu ra uống, ngắm trăng sáng trên trời, nhìn cảnh vật mờ ảo bên sông nước rồi chìm đắm vào cõi mộng lúc nào không biết. Trong giấc mộng, ông thấy mình lạc vào một nơi tiên cảnh, có rất nhiều thông, tùng cổ thụ và đình đài, lầu gác. Đến một nơi gọi là “Thường Mai Đình” có đầy đủ giấy, bút,

nghiên mực và tiểu thư Mai Đình vừa đề thơ xong. Thấy động, nàng “*rẽ ngang về mái Tây hiên*”, nhưng hơi hướng dường như vẫn còn phảng phất khiến khách thơ được một phen ngẩn ngơ, luyến tiếc. Không biết làm sao, khách bèn làm thơ họa và liêu bước vào trong đình, gặp một tiểu hoàn đối đáp và gửi bài thơ họa. Lát sau, tiểu hoàn quay ra nói phu nhân (mẹ của tiểu thư) mời khách vào trong sảnh. Phu nhân hỏi khách về gia thế, quê quán. Nghe xong phu nhân thấy gặp được người đồng cảnh ngộ, lại có tài năng bèn khuyên hãy gắng học hành, thi đỗ, rồi sẽ có duyên lành cùng con gái bà. Đến đây, tác giả chợt tỉnh mộng và cứ băn khoăn tự hỏi: đó là mộng hay không phải là mộng? là thực hay không phải thực? Điều này phù hợp với đoạn thơ trước giấc mộng, khi tác giả nghĩ suy, trăn trở về công danh, tài tình, duyên phận – những lẽ thường tình, căn bản của cuộc đời mỗi con người.

Mai Đình mộng ký được viết ra cách đây đã hơn hai thế kỷ, nhưng phải đến năm 1943, độc giả mới được đón nhận tác phẩm này qua sự giới thiệu của GS. Hoàng Xuân Hãn. Vấn đề thể loại của tác phẩm trở nên đáng quan tâm đối với giới nghiên cứu: *Mai Đình mộng ký* có phải là một truyện thơ Nôm hay không? Đã có ba ý kiến khác nhau về vấn đề thể loại của tác phẩm này. Hoàng Xuân Hãn – người đầu tiên giới thiệu tác phẩm tỏ ra khá thận trọng khi gọi tác phẩm là “thiên mộng ký”, hoặc đơn giản là bài *Mai Đình mộng ký*. Khi nghiên cứu về văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX, nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc xếp *Mai Đình mộng ký* thuộc vào loại “ký sự lục bát”, nhưng cũng không quên nhấn mạnh rằng thực chất không khác gì một truyện thơ. Còn trong chuyên khảo *Truyện Nôm, nguồn gốc và bản chất thể loại*, nhà nghiên cứu Kiều Thu Hoạch đưa *Mai Đình mộng ký* vào danh mục các truyện Nôm hiện còn nhưng không dẫn giải gì nhiều.

Theo tác giả Lại Văn Hùng trong công trình nghiên cứu *Dòng văn Nguyễn Huy ở Trường Lưu* thì nguyên do của những ý kiến khác nhau về thể loại của *Mai Đình mộng ký* chính xuất phát từ hình thức của tác phẩm. Với độ

dài chỉ vền vẹn 298 câu thơ, tác giả của *Mai Đình mộng ký* đã không có điều kiện để xây dựng nội dung câu chuyện với nhiều tình tiết như vẫn thường thấy trong các tác phẩm truyện Nôm. Nhưng xét trên nhiều phương diện khác, tác phẩm lại có những đặc điểm rất cơ bản của thể loại truyện Nôm. Tác giả Lại Văn Hùng lý giải: *“Rõ ràng, Mai Đình mộng ký có sử dụng kiểu kết cấu tình tiết của loại truyện thơ Nôm giai nhân tài tử: từ không gian cuộc gặp đến họa thơ ngụ tình và vai trò của những vai tiểu hoàn – cầu nối cho hai tâm hồn đến với nhau, rồi vai nhân vật nam với tâm hồn lãng mạn, khao khát yêu đương và sự chủ động mạnh dạn... Xét kết cấu tác phẩm thì Mai Đình mộng ký dù có hơi ngắn và chỉ dừng lại ở màn gặp gỡ (hẹn ước) nhưng cũng đã có một câu chuyện khá mạch lạc, có nhân vật, có đối thoại...”*. Cuối cùng, khẳng định thể loại của tác phẩm, nhà nghiên cứu đưa ra kết luận: *“Với tất cả những lý do đó, phải chăng cũng nên coi Mai Đình mộng ký là một tác phẩm truyện thơ Nôm”*. [11, tr.239]. Thực hiện luận văn, chúng tôi xin được kế thừa quan điểm trên của nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng trong công trình *Dòng văn Nguyễn Huy ở Trường Lưu*.

Về giá trị của tác phẩm, GS. Nguyễn Lộc có nhận xét: *“Mai Đình mộng ký thể hiện tâm sự hoài Lê của tác giả. Khuynh hướng hoài Lê hay hoài cổ nói chung trong văn học Việt Nam, giai đoạn nửa thế kỷ XIX, một phần thể hiện quan niệm nhân sinh của những tác giả này, nhưng một phần cũng thể hiện sự bất mãn kín đáo của họ đối với triều đại nhà Nguyễn”*[16, tr.946]. Tư tưởng ấy được nhận biết qua giọng điệu buồn bã, cảm hoài bàng bạc trải suốt gần 300 câu thơ. Nhưng nhìn sâu hơn, *Mai Đình mộng ký* thực chất là ảnh hưởng của tư tưởng Lão – Trang. Phải chăng những gì không thể tìm thấy trong thực tế thì người ta sẽ đi tìm trong mộng ảo. Và việc cho thực là mộng, mộng là thực cũng là một cách để giải thoát, một liệu pháp tinh thần hữu hiệu. Trưởng thành trong hoàn cảnh xã hội rối ren, tâm sự thâm kín của tác giả cũng chính là tâm trạng chung của kẻ sĩ đương thời vậy.

Truyền tải nội dung tư tưởng ấy, tác giả cũng đặc biệt thành công về mặt nghệ thuật. Các điển cố trong truyện được sử dụng rất hợp tình, hợp cảnh và nhuần nhuyễn, từng lời từng chữ được trau chuốt một cách công phu với nhịp thơ đa dạng, uyển chuyển. Đặc biệt, Nguyễn Huy Hổ cũng khá thành công trong bút pháp miêu tả thiên nhiên rất gợi cảm, trữ tình và sinh động.

Thêm một điểm đáng chú ý nữa, *Mai Đình mộng ký* là tác phẩm hiếm hoi không vay mượn cốt truyện từ bất cứ nguồn nào. Cùng với *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái, *Mai Đình mộng ký* là một trong những truyện thơ Nôm ít ỏi có tên tác giả, và hoàn toàn là sáng tạo của tác giả. Điều này trên một bình diện nào đó, phần nào đánh dấu bước trưởng thành của thể loại truyện Nôm nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung.

Tiểu kết:

Ở Chương 1, chúng tôi đã khái quát một số vấn đề cơ bản về khái niệm thể loại truyện Nôm, nguồn gốc ra đời, sự phân loại thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học cũng như quá trình hình thành và phát triển của thể loại này. Có thể thấy là trong hành trình thể loại, truyện Nôm đạt thành tựu rực rỡ nhất trong thời kỳ từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX. *Mai Đình mộng ký* của tác giả Nguyễn Huy Hổ đã ra đời trong một bối cảnh sáng tác như thế của văn học. Xuất thân trong một gia đình dòng dõi “trâm anh thế phiệt” nhưng sinh bất phùng thời, tài năng của Nguyễn Huy Hổ không có dịp đưa ra thi thố với đời, chỉ còn biết gửi gắm trong tác phẩm duy nhất còn được biết tới cho đến ngày hôm nay của ông, truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*. Trước khi thực hiện công việc đánh giá những đóng góp và kế thừa của tác giả *Mai Đình mộng ký* đặt trong mối tương quan so sánh với các truyện Nôm bác học trong giai đoạn phát triển đỉnh cao của nó, chúng tôi tiến hành hệ thống lại những giá trị của tác phẩm trên phương diện nội dung và nghệ thuật. Và đây cũng là nhiệm vụ khoa học đối với Chương 2 của luận văn.

CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ TÁC PHẨM *MAI ĐÌNH MỘNG KÝ* TRÊN PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT

2.1 Giá trị nội dung

So với những truyện thơ Nôm cùng loại khác, *Mai Đình mộng ký* là tác phẩm có dung lượng khá khiêm tốn, chỉ 298 câu lục bát có xen hai bài thơ ngũ ngôn luật Đường (trong khi *Truyện Kiều* của Nguyễn Du dài 3254 câu, truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự là 1532 câu, *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái là 1484 câu...). Và như vậy, thật khó để độc giả tìm thấy trong *Mai Đình mộng ký* một nội dung phản ánh hiện thực phong phú, đa dạng về cuộc sống, xã hội và lịch sử như trong *Truyện Kiều*, truyện *Hoa tiên* hay *Sơ kính tân trang*... Giá trị nội dung trong *Mai Đình mộng ký* được thể hiện trên một bình diện khác. Người giới thiệu tác phẩm - GS. Hoàng Xuân Hãn - đã rất tinh ý khi phát hiện ra các lớp lang trong một tác phẩm ít câu chữ ấy và chia thành các phần rõ rệt:

1. Cuộc xem đèn ở Phù Thạch.
2. Chuyến đi thuyền ngược dòng sông Lam.
3. Mộng đến Mai Đình.
4. Gặp thiếu nữ đề thơ.
5. Họa thơ thưởng mai.
6. Đạo bước tìm người đẹp.
7. Trao thư cho tiểu hoàn.
8. Được mời vào hầu chuyện.
9. Phu nhân khuyên lập công danh.
10. Tỉnh dậy tay không.

Chính nội dung của một câu chuyện tương đối mạch lạc đã giúp việc tiếp cận tác phẩm trở nên dễ dàng hơn. Cuộc du xuân năm Kỷ Tỵ dẫn đến giấc mộng ở Mai Đình của tác giả đã hé mở cho chúng ta những “tâm sự thầm kín”

của kẻ sĩ trong một hoàn cảnh xã hội đầy rẫy những rối ren ở nước ta thế kỷ XVIII – thế kỷ XIX.

2.1.1 Mai Đình mộng ký – bức tranh ngoại ca phong cảnh quê hương đất nước

Tự cổ chí kim, việc “du sơn ngoạn thủy” dường như đã được coi là tiêu chuẩn, là thước đo cho cái cốt cách thanh cao của người nghệ sĩ. Nguyễn Du (1765-1820) đã từng ngao du khắp 99 ngọn núi của dãy Hồng Lĩnh, không chỗ nào là không có vết chân, để rồi tự đặt hiệu cho mình là Hồng Sơn Liệp Hộ. Rồi Nguyễn Công Trứ (1778-1858), Cao Bá Quát (1801-1854), Nguyễn Khuyến (1835-1909), Tản Đà (1888-1939)... cùng bao nhiêu nghệ sĩ thời danh của dân tộc đều mang trong mình cái phong cách ấy. Nguyễn Huy Hổ, danh sĩ nổi tiếng một thời của đất Trường Lưu cũng không phải trường hợp ngoại lệ.

Vùng đất Hồng – Lam, quê hương của Nguyễn Huy Hổ, và cũng là quê hương của bao nghệ sĩ thời danh vẫn thường được người đời ca tụng là miền đất “địa linh sinh nhân kiệt”. Vốn là một con người có cốt cách thanh cao, giàu chất nghệ sĩ, mà lại ở tại một vùng “sơn thủy hữu tình” như vậy, chắc hẳn Nguyễn Huy Hổ đối với thiên nhiên phải có một tình cảm hết sức phong phú, nồng nàn. Với truyện Nôm *Mai Đình mộng ký*, tình cảm ấy có dịp được thổ lộ và đã được chính ông ghi lại trong chuyến du xuân đến Nam Đường vào ngày rằm tháng Giêng năm Kỷ Ty:

Nhớ xưa năm Ty, tháng Dần

Thưởng xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.

Cuộc “du xuân” của tác giả được khởi đầu bằng cảnh đêm Nguyên tiêu trên bến Phù Thạch. Bến đò Phù Thạch xưa thuộc địa phận xã Vĩnh Đại, tổng Thịnh Quả, huyện La Sơn, nay là xã Đức Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đây có một hòn đá trắng lớn, lúc thủy triều xuống thì nổi lên trên mặt nước nên có cái tên là Phù Thạch (đá nổi). Gần ghành đá là vực - một trong ba vực sâu nhất sông Lam thời trước. Nguyễn Thiếp, tác giả bài thơ *Phù Thạch phùng lão ngư* [3, tr.116] đã cho biết điều này:

Nhất đại trường giang thâm thủy tam

Lao Tuyền, Phù Thạch, Long Vương đàm.

(Một dải sông dài có 3 nơi nước sâu nhất

Long Tuyền, Phù Thạch, đầm Long Vương).

Sách *Nghệ An* ký có chép lại về vùng đất này như sau: “*Phía trước núi Lam Thành, sông Lam chảy qua rất rộng, là nơi sông La ở Thiên Lộc chảy vào. Chỗ ngã ba sông Minh Lương chảy vào sông Lam có ghềnh đá nổi ở giữa sông. Phía Đông có bến đò gọi là bến Phù Thạch. Ở đầu bến có người Tàu cư trú buôn bán, nhà ngói san sát, thuyền bè tụ tập, gọi là phố Phù Thạch. Bờ sông phía Tây phố Phù Thạch, giữa khoảng cách sông La và sông Minh, xưa là hành tại của vua Trùng Quang nhà Trần. Ngày nay dân cư bờ Nam trồng dâu mía rất trù mật. Lên núi trông ra thì thấy phía Tây có núi Hồng Lĩnh và núi Đại Huệ, phía Bắc có núi Đại Hải và núi La Nham, phía Nam có núi Thiên Nhẫn và núi Hùng Lĩnh. Phía Đông có núi Kim Nguyên và núi Dũng Quyết, tất cả đều châu về núi này. Cây xanh nước biếc, phố gần thôn xa phong cảnh như vẽ. Thật là một nơi địa danh thắng của Nghệ An*” [15, tr.119,120].

Nơi mà tác giả sách *Nghệ An* ký gọi là “địa danh thắng của Nghệ An” ấy đã được Nguyễn Huy Hổ vẽ lại trong một bức tranh thiên nhiên đầy cảm xúc. Bức tranh bắt đầu vào lúc sắp sửa hoàng hôn:

Trời hôm xuân nhuộm màu da,

Cơn mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây.

Chim về xao xác lá cây,

Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.

Lúc này trời đã về chiều. Sau cơn mưa xuân, bầu trời trở nên thật quang đãng, như vừa được rửa sạch lớp bụi trần. Mặt trời đã xuống sau đỉnh núi, còn chiếu những tia sáng cuối cùng vào các khóm mây ở chân trời, trông rắng chiều đẹp như tranh vẽ. Đó là thời khắc giao hòa giữa ngày và đêm, đủ để cho nghệ sĩ vừa chiêm ngưỡng được vẻ hùng vĩ của thiên nhiên ban ngày, vừa bắt đầu xúc

cảm với bầu khí hư ảo của vũ trụ ban đêm. Tiếp đó phổ xá lên đèn và đêm rằm tháng Giêng năm đó thật lung linh kỳ ảo với hội hoa đăng:

*Lửa đầu thấp thoáng trong rèm,
Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
Đá đầu lấp ló giữa dòng,
Như bay hoa rụng, như trông gương nga.
Thành đầu xây đắp yên hà,
Đỉnh non nền cũ, cán cờ bụi sương.
Đèn đầu rạng dấu khói hương,
Bể liêu cổng trước, vàng tương mái tàu.*

Ở đây, con thuyền thơ đi trong thoang thoảng hương xạ và mờ ảo khói tùng (mùi thơm và khói của các chất đốt thơm làm bằng xạ hương và nhựa thông). Cảnh gần thì đá nổi nhấp nhô, từng đợt sóng lấp loáng dưới ánh trăng; cảnh xa thì thành quách, kỳ đài, ngôi đền tĩnh mịch... Tất cả lung linh ẩn hiện trong khói sương. Và ngược lên trời, thi nhân ngỡ như có người đốt một nhành mai lên gương trăng và rắc lên bầu trời những vì tinh tú:

*Trong gương ai đốt cành mai,
Dưới mây ai nắm một vài lưu tinh.*

Cái đẹp của mai, trăng, của mây trời và sao băng là cái đẹp tự nhiên của tạo vật. Nhưng với mỹ cảm kinh nghiệm cùng trí tưởng tượng, sáng tạo dồi dào, tác giả đã làm cho cái đẹp tự nhiên của tạo vật trở thành cái đẹp nghệ thuật hóa. Xuyên qua cành mai mà thấy được vàng trắng, lại tưởng chừng như hoa mai đã được ai đem đốt vào vàng trắng đó; những vì sao băng bay qua nền trời, tưởng chừng như là những cục lân tinh do chính bàn tay tạo hóa vừa ném xuống. Vẻ đẹp ấy quả là kì diệu, thật linh động, mà chỉ có một tâm hồn thâm cảm, một sự hòa điệu sâu xa mới diễn tả được. Trong từng lời thơ, ta như cảm nhận được niềm tự hào của chính tác giả trước vẻ điểm lệ của đất trời quê hương mình:

*Phồn hoa nổi áng thị thành,
Này Phù Thạch phố là danh lịch triều.*

Thế kỷ XVIII – XIX, Phù Thạch chắc không thua kém bao xa so với Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội An ở Đàng Trong. Trong cảm nhận của Nguyễn Huy Hồ, cuộc sống xa hoa, náo nhiệt nơi đây nổi rõ về thành thị, không hồ là địa danh nổi tiếng qua các triều đại từ trước đến nay. Xác nhận điều này, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn có chép về phố Phù Thạch như sau : “Ở đây nước sông trong mát, cây cỏ tươi xanh, gần có phố, xa có thôn, phong cảnh như tranh vẽ, thật là một nơi danh thắng của châu Hoan” [26, tr.193]. Có lẽ cũng vì thế mà Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) thời Trần, giữ chức An phủ sứ Nghệ An khi đi qua đò Phù Thạch đã phải thốt lên rằng:

*Hải quốc càn khôn nhập vọng khoan,
Trần trung đối thử khoát sầu nhan.
Triều sinh triều lạc đông tây thủy,
Vân hợp vân khai thượng hạ san.
Ngư đình phù trầm yên cảnh ngoại,
Tăng gia ẩn ước họa đồ gian.
(Trông vời trời biển rộng miên man!
Tới đó người trần cũng hỉ hoan.
Triều dưới lòng sông lên lại xuống,
Mây trên đỉnh núi hợp rồi tan.
Chùa sư tháp thoáng đường tranh vẽ,
Thuyền cá lênh đênh tí dậm ngàn.
Ngắm cảnh suối rừng thêm hồ thẹn,
Thân già nào được mấy khi nhàn!)*

(Bài thơ “*Trùng du Phù Thạch độ* - Nguyễn Trung Ngạn, Đỗ Ngọc Toại dịch) [12, tr.166].

Còn Hoàng giáp Bùi Huy Bích (1744-1802) thời Lê mạt, từng giữ chức Hiệp trấn Nghệ An năm 1777 qua bến Phù Thạch cũng viết:

*Tích nhân thử địa cộng bồi du,
Kim cổ thao thao kỷ bạch đầu.
Viễn thủy hàm hư thông đại hải,
Dao sơn hoành thủy trạm thanh thu.
Sam si khách phổ tân trà lạt,
Ấn ước thiền gia lỏa trúc u.*

*Thạch tọa phù giang thành vị trí,
Hữu thủy nhàn cư phủ lâm lưu.*
(Nơi đây, người trước vẫn cùng nhau,
Nói tiếp chừng bao khách bạc đầu.
Sông dẫn dòng trong về biển cả,
Núi phơi màu biếc dưới trời thu.
Lô nhô phổ khách hàng chè chất,
Thấp thoáng nhà thiền bóng trúc sâu.
Bàn đá giữa dòng coi chểm chệ,
Có ai ngồi đó vịnh vài câu?)

(Đỗ Ngọc Toại dịch) [12, tr.168].

Thơ của Nguyễn Trung Ngạn và Bùi Huy Bích đều là những bức tranh đẹp về thiên nhiên cảnh vật của Phù Thạch phố. Và đến *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ, bức tranh ấy dường như được hoàn thiện với thật nhiều màu sắc, vô cùng sinh động trong một khung cảnh diễm lệ, hào hoa.

Với một người ít nhiều mang trong mình cái thú phong lưu, đã từng “Đền chong vẽ tổ, lò thiêu bụi trần”, đặt chân đến không biết bao danh lam thắng cảnh, tác giả thêm trân trọng vẻ đẹp của cảnh vật và cuộc sống nơi đây, qua thời gian vẫn giữ được những nét duyên dáng, thơ mộng đến như vậy, bởi “Dập dìu còn đó với xuân để nào!”. Tấm lòng ấy của thi nhân xét đến cùng

cũng chính xuất phát bởi tình yêu thiên nhiên cảnh vật, bởi tấm lòng phóng khoáng của khách lãng du, và quan trọng nhất là bởi niềm tự hào sâu sắc về danh thắng của quê hương nơi mình sinh ra vậy.

Điểm dừng chân tiếp theo trong chuyến du xuân của tác giả chính là dòng sông Lam thơ mộng, một biểu tượng hồn thiêng sông núi của xứ Nghệ.

Sông Lam, còn có tên gọi khác là sông Ngàn Cả hay sông Cả, là một trong hai con sông lớn nhất ở Bắc Trung Bộ. Phong cảnh nơi đây thật đặc biệt. Những núi ở hai bên bờ sông xanh biếc chồng chập lại, thế nước ngoằn nghèo chảy xuống đến núi Hồng Lĩnh, rồi chảy ra biển, cảnh sông hết sức thoáng rộng. Cái tên sông Lam cũng đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân vùng Nghệ Tĩnh. Phải chăng vì thế mà thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung đã tự tạo cho nó mối liên hệ chặt chẽ với dòng sông nơi đây. Đại thi hào Nguyễn Du, một người con của miền đất Nghệ Tĩnh, trong bài thơ *Lam giang* đã từng miêu tả:

*Dĩ ngạn băng bạo lôi
Hồng đào kiến kỳ quỷ.
Nguy hiểm thắng nhân tâm
Khuynh phúc diệc thiên ý.
(Bờ lở sấm vang ầm
Sóng xô quỷ lạ hiện
Nguy hiểm nản lòng người
Sụt lở ý trời khiến)*

(Nguyễn Thạch Giang dịch) [38].

Không khai thác từ cái dữ dội, hiểm nguy của dòng nước sông Lam như Nguyễn Du, Nguyễn Huy Hổ với cái nhìn bao quát đã miêu tả thiên nhiên cảnh vật xung quanh từ điểm nhìn vô cùng đặc biệt: “*Gió xuân rút cánh bướm duyên/Thiều quang chín chục, vân yên một chèo*”. Thuyền tác giả nhẹ trôi ngược dòng sông Lam. Giữa cảnh trời nước mênh mông, khí xuân ảm áp, gió

xuân phơi phới, chung quanh nào én, nào oanh, nào hoa, nào vượn..., tác giả đã hoàn toàn đắm mình trong cái lung linh, kì ảo của tạo hóa. Với tâm thế “*thanh thoi bầu rượu túi thơ*” của một người nghệ sĩ thực thụ, tác giả tái hiện lại một bức tranh thiên nhiên vô cùng đặc sắc của đất trời Nghệ Tĩnh:

*Phong quang tám bức vén tranh,
Bình non mượn đắm, gương doanh lét tó.
Bến Nam liễu bá con đò;
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.
Ngàn Đông khói lẫn lạc hà;
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon,
Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào.
Trời Tây bóng hạc non sào,
Đường rêu khách quạnh lối vào Thiên Thai.*

“*Tám bức vén tranh*” của Nguyễn Huy Hổ chính được gọi từ danh tác của một họa sĩ nổi tiếng đời Tống - Dịch viên ngoại, có tên là “*Tiêu Tương bát cảnh*” (Tám bức vẽ phong cảnh đẹp). Sông Tiêu chảy từ huyện Ninh Viễn, tỉnh Hồ Nam và sông Tương chảy từ tỉnh Quảng Tây gặp nhau nhập vào làm một ở Linh Lăng nên gọi là Tiêu Tương, rồi từ đó đổ vào hồ Động Đình. Điều này đã gợi liên tưởng mạnh mẽ trong cảm hứng sáng tác của Nguyễn Huy Hổ. Trong sách *Nghệ An ký*, tác giả Bùi Dương Lịch có nói sông Minh Lương chảy vào sông Lam tại nơi có ghềnh đá nổi giữa sông và chảy ra biển ở cửa Hội Thống. Đối với Nguyễn Huy Hổ, phong cảnh nơi đây cũng đâu kém gì bức tranh nổi tiếng vẽ phong cảnh đẹp ở Tiêu Tương của họa sĩ tài ba đời Tống. Trong cảm xúc dạt dào, tác giả đã kịp phác họa cái vẻ đẹp diễm lệ của tạo hóa bên dòng sông Lam bằng những vần thơ rất mực tài hoa: Nhìn lên núi cao, cây cối như căng tràn sức sống, đâm chồi nảy lộc trong tiết trời mùa xuân. Núi như một bức bình phong hùng vĩ, điệu đà liếc mắt soi mình trong mặt nước xanh trong

phẳng lặng không khác gì một tấm gương lớn. Trải mắt rộng ra bốn phương, phong cảnh bày ra như những bức tranh sơn thủy hữu tình đẹp đẽ. Xa xa phía bên thuyền, cảnh liễu duyên dáng buông rủ quanh những con đò đợi khách sang sông. Xa hơn nữa về phía viễn phố, từng áng mây trôi lững lờ, cái lững lờ của một cá thể tự ý thức được vẻ đẹp kiêu kì của nó, mặc cho thi nhân đang ngỡ ngàng trước sự diệu kì của tạo hóa, của thiên nhiên cảnh vật. Nhưng sẽ thật là không trọn vẹn nếu bức tranh phong cảnh ấy thiếu đi bóng dáng của con người. Chỉ bằng vài nét chấm phá của tác giả, khung cảnh sinh hoạt nơi đây hiện ra thật tinh tế:

*Ngàn Đông khói lẫn lạc hà;
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon,
Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào.*

Trong cái vẻ đẹp như mơ màng lặng lẽ của cảnh vật, vắng vắng đâu đây là âm thanh của những giọt nước sau cơn mưa còn đọng lại trên tán cây cổ thụ, từng giọt, từng giọt rớt xuống. Ở phía những làng xóm xa xa, tiếng gà gáy cất lên dội vào không trung từng tiếng một, thoảng trong gió như có tiếng vó ngựa, rồi tiếng sáo chiều vút lên từ một lầu gác nào gần đây.

Đứng trước cảnh vật của “*phong quang tám bức vén tranh*” ấy, thi nhân say sưa đắm mình trong cái kì diệu của tạo hóa với cảm giác no nê, thỏa mãn thị giác của một tâm hồn thi sĩ luôn khát khao kiếm tìm cái đẹp, đến nỗi phải thốt lên: “*No xem góc bể chân trời, Một xuân biết mấy mươi nơi dập dề*”. Điều này có lẽ không cần đến lúc tác giả bộc lộ thì người đọc mới nhận ra, bởi qua từng câu thơ tả cảnh, chúng ta cũng biết được cuộc du thuyền trên dòng sông Lam đã để lại cảm xúc sâu đậm như thế nào trong lòng tác giả. Xưa Tô Đông Pha cùng bạn thả thuyền du ngoạn trên sông Xích Bích - dòng sông gắn liền với một chiến địa nổi tiếng thời Tam Quốc: Chu Du đại phá quân Tào Tháo - rồi ngẫu hứng làm hai bài phú được coi là hai thi phẩm kiệt xuất trong văn

học cổ Trung Hoa, có tên là *tiền Xích Bích phú* và *hậu Xích Bích phú*. Với Nguyễn Huy Hồ, việc đi dạo thuyền trên dòng sông Lam của ông so với Đông Pha năm xưa dạo thuyền trên sông Xích Bích cũng đâu có kém cạnh gì – một sự liên tưởng rất khéo mà chắc tác giả khi so sánh đã vô cùng đặc ý:

Này này quế trạo lan tương,

Ví đua Xích Bích, chi nhường Đông Pha.

Và nếu *Trường Lưu bát cảnh* là niềm tự hào riêng của dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu, thì với Nguyễn Huy Hồ, *Phong quang tám bức vén tranh* cũng là niềm tự hào, niềm kiêu hãnh của chính ông về phong cảnh quê hương, đất nước, dân tộc mình vậy. Cảm xúc ấy xét đến cùng chính xuất phát bởi tâm hồn của một nghệ sĩ phóng túng, từ tấm lòng trân trọng những gì tạo hóa đã ban tặng cho thiên nhiên, cho con người và mảnh đất nơi đây.

Có thể nói, Nguyễn Huy Hồ đã thể hiện một tình yêu sâu nặng và niềm tự hào vô bờ đối với quê hương đất nước. Tình cảm ấy đã được thể hiện qua cái cách mô tả đầy say mê vẻ đẹp nên thơ, trữ tình của chính mảnh đất mà ông đã sinh ra. Trong cảm xúc dạt dào với thiên nhiên, với đất trời xứ Nghệ, tác giả đắm mình vào một giấc mộng kỳ lạ chưa từng thấy. Giấc mộng ấy rõ ràng là một sáng tạo nghệ thuật của tác giả, nhưng quan trọng hơn, nó ẩn chứa những suy nghĩ, những tâm sự thầm kín của một bậc danh sĩ trước thời cuộc với nhiều biến động, nhiều rối ren như lịch sử đã từng ghi nhận.

2.1.2 Giấc mộng về hạnh phúc lứa đôi

Xưa nay trong văn chương, “mộng” luôn là một trong những mạch nguồn sáng tạo, một công cụ hữu hiệu được các nghệ sĩ khai thác để thể hiện tư tưởng của mình. Điển tích Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa bướm rồi khi tỉnh dậy không biết mình là bướm hay là Trang Chu được nhiều thi nhân ưa thích sử dụng trong sáng tác văn học. Đào Tiềm đời Tấn thì có hẳn bài *Đào hoa nguyên ký* kể chuyện người đánh cá ở đất Vũ Lăng lạc vào động tiên. Trong kho tàng truyện Nôm của dân tộc, tác phẩm *Bích Câu kỳ ngộ* cũng sử dụng “mộng” như

một yếu tố quan trọng để xây dựng nên câu chuyện li kỳ, hấp dẫn của chàng học trò nghèo Trần Tú Uyên... Nếu “mộng” mang ý nghĩa là con người muốn xa rời thực tại, tạm ngưng những hoạt động tri thức để sống với thế giới ý tượng, với bầu trời mộng lung của tiềm thức, thì với Nguyễn Huy Hồ, “mộng” cũng đã thực sự trở thành một phương tiện hữu hiệu để gửi gắm tâm sự thâm kín của mình. Vậy tâm sự ấy là gì?

Trở lại với chuyến du xuân vào tháng Giêng năm Kỷ Ty của tác giả. Trước cảnh sắc hữu tình của bến Phù Thạch, của cảnh đẹp bên dòng sông Lam, du khách với cảm xúc lâng lâng trong tiết xuân sang đã tìm đến men say đượm nồng của rượu, vừa uống vừa ngâm ngợi ngắm xem phong cảnh: “*Chiều xuân dốc chén vơi đây/ Thử xem người tỉnh người say mới là*”. Nguyễn Huy Hồ đã bằng trạng thái say để đi vào mộng, và bằng con đường mộng để đến với cõi tiên. Người nghệ sĩ có thể ung dung đi vào cõi tiên, không phải bằng nhãn quan nhìn thấy, không phải bằng ý thức suy luận, mà chỉ thuần bằng trực giác hình tượng, bằng hồn mộng. Trong chốn tiên cảnh ấy, điều đầu tiên làm du khách ngỡ ngàng chính là khung cảnh đẹp đẽ khác tục, như hư như thực: “*Đòi phen chim lá hoa cành/Như chiều đón rước, như tình rủ rê*”. Nhưng đó không phải là cái ấn tượng sâu sắc nhất của tác giả trong chuyến du ngoạn chốn Bồng Lai tiên cảnh. Chính hình ảnh của tiểu thư Mai Đình mới là điểm nhấn trung tâm của giấc mộng. Chúng tôi muốn nhắc đến cuộc gặp gỡ lí thú giữa nghệ sĩ và giai nhân. Và đây là hình ảnh của giai nhân:

*Vẻ sao ngọc chuốt, giá thanh,
Bút thần đổ vẽ nên tranh truyền thần.
Giá sao báu Triệu, châu Tần.
Người sao so dưới cỏi trần chưa ai,
Thực âu sắc nước hương trời,
Chẳng dòng thần nữ cũng vời tiên cung.*

Chỉ bằng một vài hình ảnh tượng trưng như “ngọc chuốt”, “giá thanh”, “báu Triệu”, “châu Tần”, cùng một vài nét ví von ẩn dụ như “bút thần đã vẽ”, “cõi trần chưa ai”, “sắc nước hương trời”... tác giả đã phác họa đầy đủ cái vẻ đẹp trong trắng, cao quý của người thiếu nữ. Vẻ đẹp ấy ví như ngọc nước Triệu, như châu nước Tần, quý giá vô ngần, dưới cõi trần chưa một ai sánh kịp. Nhưng trong sự gặp gỡ này, thi nhân mới chỉ “nhìn thấy” chứ chưa kịp có được cái hân hạnh “đối diện” với giai nhân: “*Xông mai chợt động bóng người/ Vẻ lan vừa chán vội dời gót sen*”. Bởi vậy mà khách thơ được một phen thơ thần: “*khách thơ thêm những mơ màng hồn thơ*”. Ngày xưa chàng Lưu lạc bước vào Thiên Thai thì được gặp ngay tiên nữ và sống đời hạnh phúc, còn ở đây, khi thi nhân vừa mới trông thấy dáng vẻ của giai nhân từ xa xa thì nàng đã vội quay gót dời chân, chỉ để lại chút “hương thừa” còn phảng phất nơi cỏ cây hoa lá:

*Giỡ ngang về mái tây hiên,
Cành dao khuấy bóng, xiêm tiên lẫn màu.
Ít nhiều chùm quyến chồi thâu,
Hương thừa còn phảng phất đâu trước đình.*

để lại khách thơ với tâm trạng đợi chờ, tiếc nuối:

*Biết đâu nước đợi non chờ,
Chúa xuân sao bỗng hững hờ cho đang!*

Thi nhân thật vốn thuộc “nòi tình”! Vừa mới thoáng thấy bóng giai nhân mà đã vội thăm yêu trộm nhớ, đến nỗi nước mắt ướt cả vạt áo, thăm trách giai nhân sao nỡ hững hờ. Nhưng dù sao thì thi nhân cũng chưa đến nỗi tuyệt vọng, vì giai nhân tuy quay gót nhưng tấm lòng thì đã bộc bạch rõ ràng trong bài thơ dán trên bức vách:

*Lén vào kẻ trước Côn đình,
Vách mai còn dán rành rành tiên mai:
“Lúa ngọc cùng ai đó,
Trắng kia với khách này.*

*Một cành xuân đã sớm,
Mấy đóa tuyết nào bay.
Vẻ sạch mưa càng dãi,
Lòng thơm gió nổi lay.
Bướm con đừng thốc mách,
Cho hái có nhường tay.”*

Khách thơ đủ sự thông minh và nhạy cảm để nhận ra đó là một bài thơ ngụ tình. Người thơ hội ngộ hồn thơ chính ở điểm này. Nghệ sĩ và giai nhân đã gặp nhau bằng hồn thơ. Giai nhân đã gói trọn tình ý mình trong vần thơ và gửi lại khách thơ. Giai nhân tự ví mình là đóa mai trong trắng như tuyết, vẻ sạch như sau cơn mưa, tâm hồn thanh cao chưa hề vẩn đục, chỉ làm bạn với trăng, với khách thưởng hoa. Và đóa hoa mai cao quý như ngọc này đã chọn cho mình một khách thưởng hoa rồi, những con bướm kia đừng đi thốc mách cho ai biết là ở đây có loài hoa quý. Ý thơ kín đáo, tình thơ nồng nàn, giai nhân gói trọn tình ý gửi lại cho ai đây? Tại sao nàng lại đề thơ đúng vào lúc người thơ vừa đi tới? Há chẳng phải là nàng đã chủ ý chờ chàng đó sao? Nếu không có duyên lành kỳ ngộ thì làm sao được gặp gỡ nơi đây? Và nếu không là tri âm thì làm sao được đọc thơ này:

*Câu thần, chữ thánh, người tiên,
Hay đâu là chẳng sẵn nguyên trăm năm.*

Sự kỳ ngộ giữa tài tử và giai nhân vừa có tính cách ngẫu nhiên vì không hẹn mà gặp, lại vừa như là đã có một sự sắp đặt tâm an bài. Tiên nữ viết bài thơ và dán nơi vách đình hắt là có ý đợi chờ tri âm. Tình ý bài thơ nói lên một cách kín đáo cái tình cảm dạt dào của giai nhân như đã sẵn sàng trao trọn lòng mình cho khách tri âm. Vậy tiên nữ đề thơ đã có ý đợi chờ và để lại cho Nguyễn Huy Hổ chứ đâu phải vô cớ viết chơi! Và đã là chỗ tri âm như đã “*sẵn nguyên trăm năm*”, thi nhân đã hiểu được tình ý của giai nhân thì đâu còn rụt rè gì nữa, cho nên liền họa thơ đáp lại:

*Ngồi dao vừa ráo luật Đào,
Vội vắn thơ trước sắp vào một phong:
“Dao Trì in vẻ ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nản gió hoa vừa nấu,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cái bướm bỗng thày lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chấp tay.”*

Tác giả cũng tự cho mình là tiên tử, vì chỉ có người tiên mới gặp được người tiên. Nếu hoa mai thanh khiết kia chỉ muốn làm bạn với trăng thì trăng đây cũng chỉ vì hoa mai mà xuất hiện; nhưng vừa mới nghe hơi gió mà hoa đã e ngại mà “*dời gót sen*” mất rồi, chỉ lưu lại chút hương thừa ở trước đình. Đóa hoa kia đã có sắc đẹp tuyệt trần mà thơ lại hay đến thế, chẳng trách chi chúa xuân đã chọn hoa mai là hoa của mùa xuân, cả đến bậc tạo hóa cũng phải nể phục vì tài, vì sắc: “*thần tiên cũng chấp tay*”

Bài thơ họa có ý ca tụng giai nhân, và trong thâm tình nửa chiều như đáp lại lòng trông chờ của tri âm, nửa chiều như trách móc giai nhân sao không cho diện kiến. Hay chẳng đây cũng là một kỉ niệm đẹp, cho nên thi nhân đã lấy bài thơ của giai nhân bỏ vào ống thơ cùng với bài họa của mình, tỏ ra có chiều âu yếm một bảo vật trên đời, một tang chứng của mối tình mộng mơ. Rồi chỉ vì say cảm hồn thơ mà thi nhân tình càng lúc càng si, tâm trạng thần thờ như say như tỉnh:

*Người tiên dấu cách mấy trùng,
Dấu tiên cũng phó thi đồng chắt chiu.
Bỗng dưng trăng dật gió dịu,
Làm sao lui tới cho đeo đẳng này.*

*Cuộc mê càng mãi miệt thay,
Dập dờn chiếc bóng chạy vạy trót giờ.*

*Một đình, một khách, một thơ,
Thôi thăm thì hỏi, lại mơ mẩn chào.*

Nhưng rồi thi nhân cũng sức tỉnh cơn mê, vì không lẽ đã có duyên đến được động tiên lại phải chịu tình trạng bẽ bàng như vậy. Cho nên chàng quyết định đi tìm người ngọc:

*Hiên đâu kéo dây hoa đào,
Đánh liều cả quyết bước vào thử xem.*

Câu chuyện tình giữa khách thơ và tiểu thư Mai Đình mang đậm phong thái chủ động của tác giả. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra trong khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi, nhưng rõ ràng tác giả không hề giấu giếm cái khát khao mãnh liệt về một hạnh phúc lứa đôi đã luôn thường trực. Nói như nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng, “*giấc mộng Mai Đình có thể là giấc mơ về những hình ảnh đã từng có*” của chính tác giả [11, tr. 262]. Như vậy thì sự xuất hiện của người thiếu nữ đề thơ ở đình Mai chắc chắn có liên quan đến ý đồ sáng tạo nghệ thuật, đến cái tâm sự thầm kín mà tác giả muốn ký thác.

Điều này càng có thêm cơ sở khi mở đầu tác phẩm *Mai Đình mộng ký* trong phần Nhập đề, tác giả viết:

*Duyên tể ngộ, hội công danh,
Là hai, với nghĩa chung tình là ba,
Đều là đường cái người ta,
Bắc cầu noi đó, ai qua mới từng.*

Trong quan niệm của Nguyễn Huy Hổ, có ba điều quan trọng đối với cuộc đời của mỗi con người, đó là: duyên tể ngộ, hội công danh và nghĩa chung tình. Tình yêu lứa đôi (nghĩa chung tình) là một yếu tố có vai trò ngang hàng với cái duyên gặp gỡ nhau (duyên tể ngộ) và công danh sự nghiệp (hội công danh). Theo như ý kiến của Lại Văn Hùng, thì chắc hẳn Nguyễn Huy Hổ đã

từng mơ tưởng về một người tình trong mộng nào đó. Và như vậy, đó là cái tâm sự đầu tiên mà tác giả muốn gửi gắm trong *Mai Đình mộng ký* vậy.

Điều này cũng không khó để lý giải. Thời đại mà Nguyễn Huy Hổ sống là những năm xã hội phong kiến Việt Nam suy đồi, kỷ cương đổ nát. Trước đó là chiến tranh Nam Bắc liên miên suốt thế kỷ XVII, rồi chiến tranh chống ngoại xâm, diệt Trịnh, Nguyễn, nông dân khởi nghĩa suốt thế kỷ XVIII. Đạo lý, luân thường không còn theo khuôn thước, hơn thua tùy vào sức mạnh từng phe. Thế kỷ XIX là thế kỷ của nhà Nguyễn. Đó là triều đại từng xây dựng quốc gia hưng thịnh, nhưng cũng nhiều độc đoán, khát khe, thuế khoá nặng nề; xây dựng lâu đài, lăng tẩm xa xỉ... Trong một hoàn cảnh mà ý thức hệ phong kiến bị phá sản nghiêm trọng, ý thức cá nhân và tư tưởng nhân văn của thời đại lại có điều kiện trỗi dậy mạnh mẽ. Đó là thời đại khiến con người cá nhân thức tỉnh, tự khẳng định mình bằng mọi cách, mà trước hết là các giá trị cá nhân. Đối với một kẻ sĩ như Nguyễn Huy Hổ, khát vọng về tình yêu lứa đôi được gửi gắm qua giấc mộng trong *Mai Đình mộng ký* trên một phương diện nào đó, chính thể hiện cái ý thức cá nhân của thời đại vậy.

Nhưng tâm sự của tác giả không chỉ dừng lại ở đó. Cuộc tìm kiếm giai nhân không thành, khách thơ lại có cơ hội diện kiến với phu nhân của tiểu thư Mai Đình. Trong cuộc đối thoại ấy, những suy nghĩ, chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời, về thời cuộc dần được hé mở.

2.1.3 Nỗi lòng hoài niệm về một quá khứ vàng son của dòng họ, của dân tộc

Cái không khí “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” với giai nhân đã làm cho thi nhân càng mẩn vì tài lại càng say vì tình, sau phút mê mẩn tâm thần ấy thì lại tỉnh ra và quyết đi tìm giai nhân. Gặp tiểu hoàn, khách thơ từ tốn kể lại câu chuyện nhưng tiểu hoàn đã không chú ý đến thái độ đó của khách mà lại giật lấy ống thơ của khách chạy vào nhà trong. Sự xuất hiện của tiểu hoàn

tưởng chừng sẽ đem đến cho thi nhân niềm hy vọng tương kiến với giai nhân, nhưng lại một phen nữa thêm thất vọng, khiến khách thơ:

*Mảnh riêng càng nát như tươm,
Càng ngơ ngẩn bóng, càng nản nỉ tình.*

Giữa lúc ấy thì tiểu hoàn lại xuất hiện trở lại, nhưng không phải với cái dáng vẻ kiêu căng như trước, thay vào đó là thái độ nhí nhảnh mừng vui:

*Tần mẫn nói nói cười cười
Rằng: “Vâng nghiêm lệnh rước người về sanh.”*

Khách thơ theo chân tiểu hoàn vào diện kiến phu nhân. Sau khi hỏi khách về gia thế, quê quán, phu nhân cho biết trước đây cha và chồng bà đều làm quan cho triều Lê, “*Chữ luân xưa cũng mới giường một hai*”, nhưng vì binh đao loạn lạc, thời thế đổi thay, nên cáo quan về ở ẩn, và chồng bà cũng đã qua đời hơn mười năm nay. Theo lời phu nhân thì bà rất hài lòng về cuộc nhân duyên giữa chàng và con gái bà. Bà cũng tin rằng, khi Nguyễn Huy Hổ đã tới được nơi đây, chắc hẳn là do duyên trời định. Và lại, đọc hai bài thơ xướng - họa của hai người thì bà càng thấy rõ chỗ tâm đầu ý hợp, trai tài gái sắc quả là vừa lứa xứng đôi. Nghe mấy lời ấy có lẽ thi nhân xúc động bồi hồi, mừng vui khắp khởi, tưởng rằng cuộc tình như thế là được vẹn toàn, nguyện ước đến đây đã được trăm phần thành đạt. Nhưng không, nhân duyên tuy đã buộc, lời ưng thuận tuy đã được nói ra, vậy mà cuộc sum họp chưa thể cho thỏa mãn được. Phu nhân thấy gặp được người đồng cảnh ngộ, lại có tài năng bèn khuyên ông nên trở về “*gắng dùi mài*” kinh sử, công danh vinh hiển, rồi sẽ có duyên lành cùng con gái bà:

*Ấy nhân duyên, ấy tao phùng,
Dấu đâu sắc sắc không không, nghĩ gì.
Lọ là nhận cá đi về,
Lúa đôi chẳng lại một kì tái lai.
Nền thi lễ gắng dùi mài,*

Tiếng khôì ðừng then với mai mới hào,

Duyên lành hẫng ðời giá cao,

Ðất bằng sấm ðã, thơ ðào lại ca.

Ðến ðây thì chính vị phu nhân của tiểu thư Mai Ðình ðã ðặt ra cho khách thơ vấn ðề về công danh sự nghiệp của một ðấng nam nhi. Quan niệm lập công danh ðã trở thành quan niệm lí tưởng của nam nhi thời phong kiến, và Nguyễn Huy Hổ là người hơn ai hết ý thức ðược ðiều này. Nhưng trong thời ðại mà Nguyễn Huy Hổ sống, “nợ công danh” trở nên “khó trả”. Con ðường duy nhất ðể các Nho sĩ lập thân là học hành, thi ðỗ và làm quan. Vậy mà trong suốt một quãng thời gian dài, từ khi nhà Lê mở khoa thi Hội cuối cùng vào năm 1787 ðến khi nhà Nguyễn mở khoa thi Hội ðầu tiên vào năm 1822 thì không hề có ðại khoa. Ðó là khoảng thời gian mà học phong bị xuống cấp, kẻ sĩ bị mất phương hướng và lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về tư tưởng. Lớn lên trong một hoàn cảnh như vậy, bậc thiếu niên “đa tài, đa nghệ” như Nguyễn Huy Hổ không còn cơ hội ðể thi thố tài năng. Và như vậy, lẽ tất nhiên công danh sự nghiệp với Nguyễn Huy Hổ cũng không ðược vinh hiển như thế hệ cha ông của ðòng họ mình.

Trọng tâm trong nội dung của cuộc trò chuyện rõ ràng là lời khuyên lập công danh của phu nhân Mai Ðình dành cho du khách. Nhưng có một ðiều ðáng chú ý là cả khách thơ và phu nhân khi giải bày về gia thế, quê quán của mình ðều bàng bạc một tâm trạng buồn bã, cảm hoài. Khoảng cách trong cuộc gặp gỡ giữa những người xa lạ, chưa hề quen biết ðã trở nên gần gũi hơn khi họ ðều thuộc hàng “dòng dõi” trong quá khứ và “phong trần” ở hiện tại. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc thì ðó chính xác là “*tâm trạng hoài Lê*” [16], là cái giọng ðiệu nhớ nhung, tiếc nuối một thời vàng son nhưng ðã qua ði. Đây là lời giới thiệu gia thế của chính tác giả:

Dứt lời rén rén thưa bày:

“Khi xưa dòng dõi, khi nay phong trần”

Đáp lại lời khách, vị phu nhân của Mai Đình cũng kể rằng xưa gia thế bà đã từng hiển hách:

*Rằng: gia quân với nghiêm đường,
Chữ luân xưa cũng mối giường một hai
Đền Thương cùng nếm vạc mai
Cũng trong Y Phó, cũng ngoài Tôn Ngô*

Thế rồi cũng bởi thời thế đổi thay mà nên nỗi:

*Lửa binh rập thuở chông gai
Áo xiêm đổi thói, cân đai đau lòng*

Rõ ràng Nguyễn Huy Hồ mượn chiêm mộng để giải bày nỗi ai hoài thế cuộc. Giống như bao kẻ sĩ Bắc Hà thời đó, họ nuối tiếc nước cũ không bao giờ có thể phục hưng được. Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái,... là những con người có cùng tâm sự như vậy:

*Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

(*Qua đèo Ngang* - Bà Huyện Thanh Quan)

Khi triều đại Tây Sơn được thiết lập, một bộ phận Nho sĩ “ưu thời mẫn thế” đã ra phò triều mới, còn lại phần đông các cự thần nhà Lê lánh đời ở ẩn. Nguyễn Hành (1771-1824) người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An là người học rộng, nổi tiếng về tài thơ văn nhưng với quan niệm "trung hiếu chi gia ninh sự nhị" (dòng nhà trung hiếu không thể thờ hai vua), trước sau ông chỉ một lòng một dạ trung thành với nhà Hậu Lê. Chính vì quá trung thành với triều đại cũ, nên ông có thái độ thù địch đối với nhà Tây Sơn và bất hợp tác với nhà Nguyễn. Phạm Thái (1777-1813), tác giả truyện thơ *Nôm Sơ kính tân trang* nổi tiếng cũng vậy. Ông là con Trạch Trung hầu Phạm Đat, một võ tướng đời Cảnh Hưng, đã khởi chống Tây Sơn nhưng thất bại. Nổi chí cha, năm 20 tuổi, Phạm Thái đi ngao du nhiều nơi để tìm và kết giao với người cùng chí hướng, gặp Phổ tỉnh thiến sư (Trương Quang Ngọc), Nguyễn Đoàn rồi cùng

nhau chống Tây Sơn... Dường như tâm sự của Nguyễn Huy Hổ không hẳn đã giống với các sĩ phu đương thời. Khi nói về Bà Huyện Thanh Quan, Phạm Thế Ngũ có viết: *"Cái tâm trạng hoài Lê ấy, cũng là tâm trạng chung của nhiều nho sĩ Bắc Hà sau ngày thống nhất... Nhưng nói là nhớ tiếc cái chính trị của mấy ông vua thời Lê mạt thì không đúng. Bà Huyện Thanh Quan hướng về một quá khứ mà có lẽ bà cũng không tường tận lắm, và bà cũng chưa thọ hưởng được ân huệ gì; nhưng đó là quá khứ của tiền bối, của gia đình... Vì thế thái độ hoài Lê của bà cũng như nhiều nho sĩ đồng thời không có tính cách chính trị, mà chỉ có tính cách tâm tình"* [22, tr. 288]. Nguyễn Huy Hổ cũng thuộc dòng dõi cự thần nhà Lê, tên tuổi của cha, của ông, của chú Nguyễn Huy Hổ đều gắn liền với triều đại nhà Lê với những công hiến lớn lao. Thêm nữa, gia phả còn chép lại nói ông lấy bà Lê Thị Hậu - cháu gái của vua Lê Hiển Tông làm vợ, tức ông là cháu rể của vua Lê Hiển Tông. Như vậy thì mối thâm tình của Nguyễn Huy Hổ đối với nhà Lê là điều hiển nhiên, không phải bàn cãi thêm. Có điều cũng giống như Bà Huyện Thanh Quan, đó chỉ là một thứ tâm sự nhẹ nhàng, kín đáo, không có vẻ gì là thái độ thù nghịch đối với tân triều. Nguyễn Huy Hổ sống ẩn dật nhưng không có nghĩa là phản kháng tân triều với ý đồ làm nên một cuộc cách mạng lật đổ, bằng chứng là ông đã trải qua một cuộc sống khá êm đềm, thanh thoát, và sau này khi thấy cần thiết, ông vẫn chấp nhận lời triệu dụng của vua Minh Mạng giữ chức Linh đài lang ở tòa Khâm thiên giám.

Với Nguyễn Huy Hổ, ông còn nhớ tiếc về dòng tộc mình từng nổi danh, từng gắn bó với thời vàng son của một triều đại: *"Đứt lời rén rén thừa bầy/ Khi xưa dòng dõi, khi nay phong trần"*. Giọng thơ phảng phất cái buồn ngùi, xót xa, tiếc nuối của chính tác giả. Điều này cũng đã được anh ông là Chung sơn cư sĩ Nguyễn Huy Vinh nói đến trong bài *Hữu cảm* (Tỏ nỗi cảm hoài):

Ta sinh ra gặp buổi phong trần

Quế ngọc lấp vùi trong lao khổ. [12, tr.91]

Dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu của Nguyễn Huy Hổ từng nổi tiếng với truyền thống hiếu học và khoa bảng danh giá. Từ ông tổ của dòng họ là Nguyễn Uyên Hậu, tương truyền đậu Ngũ kinh bác sỹ đời Hồng Đức (1470-1497), dòng họ này hầu như thời nào cũng có người đỗ đạt, làm quan và có nhiều sáng tác văn học. Truyền thống đó được vun đắp, tiếp nối qua nhiều thế hệ để rồi lịch sử phải ghi danh tên tuổi những người con ưu tú. Những tên tuổi lớn của dòng họ hầu hết đều thành danh dưới triều Lê và có những đóng góp quan trọng cho thời kì vàng son của triều đại này. Điều đó đã trở thành niềm tự hào, hãnh diện của những người con dòng họ Nguyễn Huy thế hệ sau như Nguyễn Huy Hổ. Và như thế, nỗi lòng hoài niệm về dòng tộc danh tiếng một thời của ông cũng là điều dễ hiểu.

Như vậy, tâm sự “hoài Lê” dĩ nhiên là có ẩn tàng trong thâm tâm Nguyễn Huy Hổ cũng như trong giới sĩ phu đương thời, nhưng nói rằng tâm sự ấy đã là nguồn cảm hứng giúp Nguyễn Huy Hổ viết nên tác phẩm *Mai Đình mộng ký* thì chưa hẳn đã đúng. Nguyễn Huy Hổ đã gửi vào đó nỗi lòng hoài niệm Lê triều thì ít, mà cốt ý đề cao dòng dõi thế gia vọng tộc của tổ tiên (cả hai bên nội ngoại) mình thì nhiều. Có thể nói, đó chỉ là cái mộng “kẻ sĩ” mà tác giả đã ấp ủ trong lòng từ lâu, không có cơ hội thổ lộ, bây giờ bất chợt xuất hiện và đã được tác giả ghi lại, nhắc nhớ trong cuộc trò chuyện với phu nhân của tiểu thư Mai Đình mà thôi. Giác mộng của tác giả chấm dứt ở đây. Nó ngắt mạch những suy tưởng về thế sự, về thời cuộc, đưa du khách trở lại đời thực với ý niệm về “giác”, về “mê”:

Lấy điều mộng ảo mà suy,

Một thì là giác, hai thì là mê.

Mê chẳng một lúc đi về,

Giác thì duyên ấy còn duyên sau này.

Ở nơi con người Nguyễn Huy Hổ, mặc dù chúng ta không được thấy rõ cuộc đời hành động tích cực để thực hiện lí tưởng nhà nho như Nguyễn Công

Trứ, nhưng ít nhiều danh sĩ vẫn ôm ấp trong mình một lí tưởng phụng sự, và đã bộc lộ tâm sự ấy trong tác phẩm của mình. Cuối cùng ông cũng đã thể hiện được hoài bão đó trong đời sống bằng một hành động cụ thể là ra nhận chức Linh đài lang ở tòa Khâm thiên giám do lệnh triệu dụng của vua Minh Mạng, khi ông đã 40 tuổi. Thời đại mà Nguyễn Huy Hổ sống là thời đại rối ren bậc nhất trong lịch sử phong kiến dân tộc. Trong bối cảnh đó, con người với những ước vọng, hoài bão cá nhân thật khó để tìm được lối thoát cho riêng mình. Tác phẩm *Mai Đình mộng ký* hẳn nhiên đã phản ánh cái tâm trạng trong thời gian và hoàn cảnh đó của ông. Nói đến “lánh đời ảm đạm” là nói đến phong cách Lão – Trang, nói đến “công danh sự nghiệp” là nói đến tâm thức nhà Nho, nói đến “giác, mê” là nói đến triết lí đạo Phật. Cả ba nguồn tư tưởng ấy đã thâm nhập hài hòa trong con người Nguyễn Huy Hổ, giúp ông giải tỏa được những giằng co, uẩn khúc nội tâm, phác họa cho ông một con đường xuất xử hợp tình hợp lí giữa ngồn ngộn những biến động của xã hội đương thời.

2.2 Giá trị nghệ thuật

Nếu đúng như Kiều Thu Hoạch nhận định: “*Truyện Kiều là đỉnh tột cùng của truyện Nôm xét về mặt loại hình văn học*” [9, tr.46], thì có lẽ dù ra đời sau, *Mai Đình mộng kí* cũng khó có thể đóng góp được gì hơn cho thể loại văn học giàu giá trị dân tộc này. Như vậy thì xét trên khía cạnh nghệ thuật của *Mai Đình mộng kí*, Nguyễn Huy Hổ phải chăng không tạo nên được dấu ấn nào đáng ghi nhận?

Mai Đình mộng ký của Nguyễn Huy Hổ không phải là một tác phẩm dài hơi như các truyện Nôm có dung lượng cả nghìn câu thơ lục bát khác. Truyện cũng không có những tình tiết gay cấn, thắt nút mở nút tạo kịch tính, lôi cuốn người đọc. Tuy nhiên, không phải vì thế mà tác phẩm mất đi sức hấp dẫn riêng của nó. Tìm hiểu *Mai Đình mộng ký* trên phương diện nghệ thuật, chúng tôi nhận thấy tác phẩm có hai đặc điểm nghệ thuật khá đặc sắc là bút pháp tả cảnh

và nghệ thuật ngôn từ. Có thể nói đây là hai nét nghệ thuật góp phần quan trọng trong việc tạo ra sức hấp dẫn của tác phẩm với người đọc.

2.2.1 Bút pháp tả cảnh

Như trên đã nói, cảm hứng trước phong cảnh thiên nhiên nên thơ, đậm chất trữ tình là một phần quan trọng trong giá trị nội dung của *Mai Đình mộng ký*. Và để dựng nên những bức tranh phong cảnh tuyệt bích ấy, lẽ dĩ nhiên người nghệ sĩ phải có biệt tài trong nghệ thuật tả cảnh.

Có thể hiểu bút pháp tả cảnh trong văn học là những thủ pháp, cách thức sử dụng, tổ chức ngôn ngữ nghệ thuật của tác giả để thực hiện công việc mô tả thiên nhiên, cảnh vật trong tác phẩm của mình. Như vậy, đối tượng của miêu tả là thiên nhiên, còn tác giả là người trực tiếp miêu tả. Trên một phương diện nào đó, bút pháp tả cảnh thể hiện năng lực của người sáng tác trong việc xây dựng nên những bức tranh thiên nhiên sinh động, độc đáo. Với *Mai Đình mộng ký*, Nguyễn Huy Hổ có thể nói đã tạo được ấn tượng sâu đậm đối với người đọc bằng bức tranh rực rỡ sắc màu của Phù Thạch phố, nét thơ mộng đáng yêu trên dòng nước sông Lam, hay cảnh vật mơ màng, huyền ảo của thiên nhiên chốn Mai Đình... Thành công ấy được tạo nên bởi những cách thức miêu tả khá đa dạng và hiệu quả được tác giả thể hiện trong tác phẩm: có lúc tả cảnh bằng những nét vẽ chi tiết, cụ thể; đôi khi lại lựa chọn cách bao quát cảnh vật từ gần đến xa; lúc lại tạo ấn tượng bằng những điểm nhấn khá thú vị cho bức tranh phong cảnh.

Trước hết là những nét vẽ chi tiết, cụ thể - khởi nguồn cho những bức tranh thiên nhiên tuyệt bích. Đây là bầu trời xuân lúc gần ngả sang chiều trên bến đò Phù Thạch:

*Trời hôm xuân nhuốm màu da
Con mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây
Chim về xao xác lá cây
Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.*

Cảnh vật được miêu tả khá chi tiết, trước hết là khung cảnh trên cao với bầu trời chiều. Bầu trời chiều sau cơn mưa xuân trở nên thật quang đãng, như thêm trong trẻo, tinh khiết hơn: “*Con mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây*”. Phía xa xa, mặt trời dần khuất sau những đỉnh núi, chiếu những tia sáng cuối cùng vào các khóm mây ở chân trời tạo nên ráng chiều tuyệt đẹp. Vẻ đẹp của bầu trời trên cao như được tô điểm thêm bởi từng cảnh vật của phong cảnh dưới thấp. Đứng ở bên đò Phù Thạch trong thời khắc ấy, tác giả vừa nghe được tiếng chim xào xạc bay về “chỗ ngụ” ở các lùm cây, vừa thấy rõ được nẻo núi Chung Sơn (non Liễu) ở huyện Nam Đường, rồi dãy Hồng Lĩnh (rừng Đông) chạy dọc theo bờ bể; nào ráng chiều với bao màu sắc rực rỡ, rồi mặt trăng tròn vành vạnh xuất hiện trên đỉnh non Hồng... Người nghệ sĩ như chớp được cái khoảnh khắc tuyệt diệu ấy của đất trời, và như thể sợ cảm xúc vụt trôi, thi nhân đưa bút khắc họa từng hình ảnh, tạo nên bức tranh đa chiều, đa diện của cảnh vật. Tả thiên nhiên bằng những nét vẽ tỉ mỉ như thế, tác giả đã thực sự tạo ra được một bức tranh sinh động của thiên nhiên, của đất trời Phù Thạch.

Từ cái nhìn chi tiết, cụ thể, thi nhân đưa ánh mắt bao quát ngắm nhìn cảnh vật từ gần tới xa. Đây là cảnh gần của phố trong đêm xuân:

*Lửa đầu thấp thoáng trong rèm,
Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
Đá đầu lấp ló giữa dòng,
Như bay hoa sóng, như trông gương nga.*

Vị trí được tác giả lựa chọn để quan sát cảnh vật là chính là con thuyền đang nhẹ trôi trên dòng nước sông Lam. Từ điểm nhìn nghệ thuật ấy nhìn ra xung quanh, thi nhân thấy con thuyền đi trong thoang thoảng hương xạ và mờ ảo khói tùng. Trước mắt thi nhân là những đá nổi nhấp nhô, những đợt sóng nhấp vào rồi dãn ra thấp thoáng dưới bóng trăng. Cảnh gần đẹp, cảnh xa cũng mê đắm lòng người, một vẻ đẹp vừa trang nghiêm, vừa cổ kính:

Thành đầu xây đắp yên hà,

*Đỉnh non nền cũ, cán cò bụi sương.
Đền đâu rạng dấu khói hương,
Bể liêu công trước, vàng tương mái tàu.*

Cảnh vật như một bức tranh có những gam màu đậm như khối đá, tòa thành; có gam màu sáng như lửa đỏ của đèn, sáng trắng như “hoa sóng”, vàng tương như “mái tàu”, và tất cả như nhạt nhòa trong khói sương. Ngược nhìn lên, thi sĩ thấy một vầng trăng sáng với những đốm sao sa: “*Trong gương ai đắm cành mai/ Dưới mây ai nắm một vài lưu tinh..*”. Với cách tả cảnh bằng thủ pháp quan sát từ gần đến xa như thế, Nguyễn Huy Hồ đã thực sự mở ra trước mắt người đọc một không gian bao la và thoáng đạt. Và như để điểm thêm cái chất mơ màng, quyến rũ của cảnh vật, thi nhân đưa độc giả đến cõi tiên trong một liên tưởng độc đáo:

*Thảo mà cánh điệp lá đào
Đi về Vu Giáp, ra vào Vũ Lăng
Một trời hoa cỏ láng láng
Mơ mòng mưa Sở, gió Đổng đâu đây*

Đang tả cảnh lại dùng điển mà vẫn tạo cho người đọc một cảm giác hợp lý, không gượng. Sự liên tưởng này hứa hẹn với ta một cảnh Bồng Lai sắp gặp. Nhưng trước khi đưa độc giả vào chốn tiên cảnh, con thuyền của thi nhân vẫn dạo quanh cảnh thực trên dòng sông Lam thơ mộng với tầm nhìn mở rộng ra bốn hướng như bao trọn lấy cảnh vật:

*Phong quang tám bức vén tranh,
Bình non mượn đắm, gương doanh lét tô.
Bến Nam liễu bá con đò;
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.
Ngàn Đông khói lẫn lạc hà;
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon,*

Bên lầu Bắc hỏi hoàng hôn địch nào.

Trời Tây bóng hạc non sào,

Đường rêu khách quanh lối vào Thiên Thai.

Phong cảnh bên dòng sông Lam có một vẻ đẹp mơ màng, như hư mà lại như thực. Cảnh thực tuyệt đẹp này, chúng tôi đã có dịp đề cập đến khi nói về “tám bức vén tranh” của phần trước. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng dù có đang tả cảnh thực, cái tài tình của tác giả trong nghệ thuật miêu tả là ở chỗ làm cho cảnh thực như bị mờ ảo đi để rồi từ đó, từ cõi thực, độc giả cùng khách thơ bước chân vào cõi tiên cảnh trong giấc mộng kì lạ chốn Mai đình. Nguyễn Huy Hào – người đề thơ *Mai Đình mộng ký* đã thật có lý khi ví Nguyễn Huy Hổ với chàng Lưu:

Nhất đài trường giang thủy quốc thiên

Lưu lang hà xứ phú đăng tiên.

(Mai Đình mộng thi)

Nguyễn Huy Hổ trong giấc mộng lạc vào chốn Mai đình cũng giống như Lưu lang năm xưa lạc vào chốn Thiên Thai vậy. Cảnh ở Mai đình mang trong nó cái màu sắc khác tục, được thi nhân đặc tả trong những điểm nhấn tinh tế:

Mấy chòm len lõi sơn khê

Dòng ngăn thú dật, vách che bụi trần

Tuy nhiên, cái tài của tác giả trong nghệ thuật tả cảnh là ở chỗ tạo ra những điểm nhấn cho bức tranh. Ở đây, sự xuất hiện của mấy chòm xóm thôn bản như những bông hoa rừng xinh đẹp hiện lên giữa đại ngàn sơn cước, làm cho bức tranh thêm lung linh, kì ảo. Và để tái hiện khung cảnh thiên nhiên chốn mộng ảo ấy, nhà thơ sử dụng những nét chấm phá hết sức tinh tế:

Bầu trời kẽ lỗ thanh quang

Nẻo xa trông rõ mấy trang lão tùng

Dưới tùng có gác Nghinh phong

Cách chừng thấy những phạm cung, bảo đài

Qua cửa động do đá lở thành một kẽ lớn, hiện ra trước mắt người nghệ sĩ là những cây tùng cổ thụ, bên dưới là một căn gác để ngồi hóng mát văn cảnh có tên “*gác Nghinh Phong*”. Và để mang lại cái nhìn bao quát cho bức tranh, người họa sĩ đưa bút chấm phá tạo nên những cung điện, lầu đài nguy nga tráng lệ phía xa xa: “*Cách chừng thấy những phạm cung, bảo đài*”. Chỉ bằng vài nét phác họa như thế, phong cảnh chốn tiên giới cứ thế hiện ra trước mắt độc giả như chính mình được tận mắt chứng kiến vậy:

*Thướt tha tơ liễu buông rèm
Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi
Nhị xuân rước gió như cười
Chòm thanh, khóm dật, khác vời chân du.
Cỏ cây có đá xô bờ
Cỏ lâu túc điệu có hồ du ngư
Giữa trời một cuộc tiên cư
Đình đài mấy tháp, đồ thư mấy từng.*

Thiên nhiên cảnh vật mà tác giả bức họa tạo nên thật khác xa so với cảnh thực ở trần giới “*Chòm thanh, khóm dật, khác vời chân du*”: dương – liễu thướt tha, mềm mại khoe tươi; cỏ cây chen lẫn với đá lô xô; chim đậu ngủ trên lầu, cá tung tăng bơi lội trong hồ nước.

Nhưng cũng phải nói đến cái cách dùng cảnh để nói người mới cho thấy hết nét nghệ thuật trong bút pháp tả cảnh của Nguyễn Huy Hổ. Độc giả ngay lập tức hình dung được vẻ đẹp của tiểu thư Mai Đình thông qua những nét vẽ thiên nhiên của tác giả:

*Rẽ ngang về mái Tây hiên
Cành dao khuấy bóng xiêm tiên lẫn màu
Ít nhiều chum quén chồi râu
Hương thừa còn phảng phất đâu trước đình.*

Cuộc gặp gỡ giữa tài tử và giai nhân chỉ diễn ra trong tích tắc. Nhưng với sự nhạy cảm của một tâm hồn thi sĩ, khách thơ ngay lập tức nhận ra vẻ đẹp tuyệt diệu của nàng. Và để diễn tả lại cảm xúc trước sắc đẹp của người con gái sau phút gặp gỡ ngắn ngủi ấy, không gì hợp lý hơn bằng cách sử dụng thủ pháp ước lệ trong miêu tả. Giai nhân vừa khuất bóng, khách thơ chăm chú dõi mắt nhìn theo từng bước chân vội vã, đến mức tưởng chừng xiêm y của người thiếu nữ xinh đẹp kia như lẫn với màu sắc của cây cỏ, cảnh vật xung quanh: “*Cành dao khuất bóng xiêm tiên lẫn màu*”. Dùng màu sắc chưa đủ, thi nhân tiếp tục sử dụng cái ưu thế của mình trong nghệ thuật tả cảnh bằng tác động từ khứu giác: “*Ít nhiều chùm quế chồi thâu/ Hương thừa còn phảng phất đâu trước đình*”. Người thiếu nữ đi rồi, hương thơm vẫn còn phảng phất đâu đây, đến nỗi chùm cây như vẫn còn vương, chồi cây còn như giữ lấy hương thơm của tiểu thư Mai đình... Không chỉ riêng tiểu thư Mai đình, ngay cả tiểu hoàn mặc dầu ăn nói có chanh chua sẵn sàng nhưng hành động “*vén cành gắm, hái hoa hồng trước lang*” cũng không kém phần yếu điệu. Cách tả cảnh ngụ tình như thế xem ra cũng là một thành công của Nguyễn Huy Hổ trong nghệ thuật tả cảnh vậy.

Bút pháp tả cảnh chính là một trong những điểm nhấn đáng chú ý trong *Mai Đình mộng ký*. Sở dĩ nói như vậy là bởi nó góp phần tạo nên những hình ảnh hết sức gần gũi, thân thuộc với con người Việt Nam. Bức tranh Phù Thạch phố, phong cảnh bên dòng sông Lam, hay cả những thiên nhiên cảnh vật chốn tiên giới đều không hề tạo cảm giác xa lạ đối với người đọc. Đó là điều mà không nhiều tác phẩm truyện Nôm khác có thể làm được.

2.2.2 Nghệ thuật ngôn từ

Một điểm đáng được chú ý nữa trong nghệ thuật của *Mai Đình mộng ký* chính là ngôn ngữ thơ. Ngôn từ vốn được coi và phương tiện, là thành phần cơ bản trong các sáng tác văn học. Trên phương diện nghệ thuật ngôn từ, *Mai Đình mộng ký* là một tác phẩm truyện Nôm đáng để xem. Xin được mượn lời của nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng khi bàn về nội dung này: “*Mai Đình mộng*

ký không phải là một tác phẩm xuất sắc về mặt cốt truyện, kết cấu hay xây dựng nhân vật mà nó xuất sắc ở chỗ sử dụng ngôn từ. Tác phẩm có thể nói là được đúc nên bằng những cách dùng chữ, đặt câu thật tài tình” [11, tr.246]. Như vậy xem xét nghệ thuật ngôn từ trong *Mai Đình mộng ký* chính là lí giải cái tài tình của Nguyễn Huy Hồ khi “dùng chữ” và “đặt câu” trong tác phẩm.

Trước hết, xin được phân tích cách dùng chữ của tác giả. Trong *Mai Đình mộng ký*, có những chữ được tác giả sử dụng đặc địa đến nỗi không thể tìm được chữ nào khác thay thế mà vẫn giữ được ý thơ. Chẳng hạn như chữ “mảnh” trong câu: *“Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa”* khó có thể thay bằng chữ khác. Nếu như nói “đám mây” hay “chòm mây” thì về mặt ngữ nghĩa chẳng có gì sai. Nhưng để gọi ra một cái gì đó xa vời, đơn lẻ, không buồn lắm nhưng lại hơi hiu hắt, chạnh lòng thì chỉ có chữ “mảnh” là diễn tả được mà thôi.

Thêm một ví dụ nữa minh chứng cho cách dùng chữ của tác giả trong *Mai đình mộng ký*, câu thơ *“Như bay hoa sóng, như trồng gương nga”*. Về chữ “trồng” trong câu thơ này, nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng đã rất công phu khi đánh giá: *“Một số người ở Hà Tĩnh cho rằng Nguyễn Huy Hồ đã dùng tiếng của quê mình để diễn tả: “Trồng” lẽ ra phải đọc “Trồồng”. hai vần “ồ” ở giữa chữ khiến âm chữ khi đọc vừa nhấn, vừa kéo dài ra. Từ “trồng” một âm tiết đọc luyến giữa thành “Trồ-ồng” gần như hai âm tiết khiến người ta tưởng tượng, hình dung được sự chập chùng của những cơn sóng không dứt, tạo thành những vành sáng liên tiếp xung quanh ghềnh đá”* [10, tr.247]. Ở đây, phương ngữ của vùng Nghệ Tĩnh đã được danh sĩ Trường Lưu áp dụng rất đúng lúc, đúng chỗ.

Bên cạnh việc lựa chọn, chắt lọc ngôn ngữ một cách công phu, cẩn trọng để tạo nên những “nhân tự” trong thơ, tác giả còn rất hiệu quả trong việc sử dụng những biện pháp tu từ. Trong số đó, nghệ thuật đảo ngữ được thi nhân sử dụng như một công cụ hữu hiệu:

Một hiên Huy phượng cheo leo
Thấp đưa gió trúc, cao reo sóng tùng

Cách diễn đạt thông thường phải là: trúc theo gió mà la đà ở dưới thấp, tùng như sóng vì vút bên trên cao. Sự đảo ngữ tạo ấn tượng rõ rệt về không gian, lại được đặt trong đối xứng thấp – cao khiến ta hình dung ra độ cao và cái thế “cheo leo” của hiên vẩy chim phượng ở câu trên. Từ đó mà câu thơ mang lại hiệu quả cao về mặt nghệ thuật. Một ví dụ khác:

Cho nên liễu nẻo lạ vời
Phúc Giang, Phượng Lĩnh là nơi quê nhà

Đây là lời giới thiệu của tác giả khi được phu nhân hỏi về lai lịch quê quán. Thay vì nói quê mình có con sông chảy qua xã Lai Thạch, gần ngọn núi Phượng Lĩnh nên thơ, tác giả đảo ngữ đưa các địa danh của quê nhà lên đầu. Sự xuất hiện của Phúc Giang, Phượng Lĩnh ngay đầu câu thơ khiến độc giả lập tức cảm nhận được niềm kiêu hãnh tự hào của chính tác giả về miền đất với nhiều danh thắng. Chúng ta cũng không nên quên rằng, bên cạnh dòng Phúc Giang còn có thư viện mang tên của chính con sông này do ông nội của Nguyễn Huy Hổ là Thám hoa Nguyễn Huy Oánh lập ra với hàng vạn quyển sách. Và như thế, một vùng đất với truyền thống học vấn nổi tiếng một thời cũng chính là niềm tự hào, hãnh diện đáng để chia sẻ với phu nhân của tiểu thư Mai Đình của tác giả.

Một điều dễ nhận thấy nữa khi đọc *Mai Đình mộng ký* là tác giả đưa vào tác phẩm nhiều từ láy, từ điệp: có thể láy chữ (lần lần, lâu lâu...), láy vần (cheo leo, xô bồ...), láy âm đầu (lân la, len lỏi...). Đặc biệt có những từ được điệp nhiều lần trong câu hay một đoạn tạo hiệu quả nghệ thuật bất ngờ. Chẳng hạn như hai câu thơ mở đầu:

Trăm năm là kiếp ở đời
Vòng trần này dễ mấy người trăm năm.

Người xưa lấy hình ảnh “trăm năm” để tượng trưng cho khoảng thời gian của một đời người, từ lúc sinh ra, lớn lên cho đến lúc chết đi. Hai chữ “*trăm năm*” được đặt ở đầu câu lục và cuối câu bát thể hiện cái tài tình của Nguyễn Huy Hồ khi thi nhân vẽ ra được cái vòng tròn khép kín, nhắc nhở con người ta về giới hạn khó vượt qua, về một sự thật nghiệt ngã của thời gian. Đó là cái cách đầy dụng ý của tác giả để ngay sau đây đưa ra chiêm nghiệm của chính mình trong cuộc đời: “*Cuộc phù sinh có bao lâu/ Nỡ qua ngày bạc mà lắm tuổi xanh...*”. Hoặc như bốn chữ “có” trong đoạn thơ:

*Có cây, có đá xô bờ
Có lâu túc điều, có hồ du ngư.*

chính là để nhấn mạnh cái nhiều tầng, nhiều lớp của cảnh Mai Đình vậy.

Trong *Mai Đình mộng ký*, độc giả còn bắt gặp rất nhiều những cách điệp từ, điệp ngữ khác thể hiện tác dụng nghệ thuật cao của tác giả. Chẳng hạn như chữ “*há rằng*” trong câu “*Há rằng duyên chương, há rằng tình si*” được lặp lại đến hai lần tạo nên cảm giác băn khoăn, hồ nghi của chính tác giả. Hay như bốn chữ “*còn*” trong lời nhắn nhủ của phu nhân tiểu thư Mai Đình:

*Còn non, còn nước, còn lâu
Còn câu thơ ấy là câu sấm rồi.*

nhấn mạnh thêm lời hẹn ước định ninh của tài tử và giai nhân. Những chữ được lặp ý như “*vẽ đâu*”, “*giá sao*”, “*người sao*” lại có tác dụng làm tăng thêm sự ngưỡng mộ của tác giả khi đứng trước vẻ đẹp tuyệt trần của giai nhân:

*Vẽ đâu ngọc chuốt giá thanh
Bút thần đồ vẽ nên tranh truyền thần
Giá sao báu Triệu, châu Tần
Người sao trông xuống cõi trần chưa ai...*

Tần số sử dụng những chữ láy, từ điệp trong *Mai Đình mộng ký* có thể nói là khá dày. Điều này không hề làm cho những câu thơ trở nên nhàm chán,

rườn rà mà ngược lại, với cách dùng đúng lúc, đúng chỗ, nó góp phần làm cho câu thơ thêm mượt mà, sinh động.

Một thành công khác cũng không khó để nhận ra của tác giả *Mai Đình mộng ký* trong nghệ thuật ngôn từ chính là cách đặt câu. Trong các câu thơ của mình, tác giả tỏ ra rất nhuần nhuyễn với cách dùng tiểu đối. *Mai Đình mộng ký* có số lượng khá nhiều các câu dùng tiểu đối, nằm ở hầu hết các câu bát, chỉ có một số ít lần ở câu lục, như câu: “*Duyên tể ngộ/hội công danh*”. Các câu bát thường đối theo nhịp 4/4 nhịp nhàng như:

- *Đầu mai yển vấn/ mạn chèo oanh đưa*
- *Nào đằm Đồng Lại/ nọ ghềnh Bàn Khê*
- *Cánh mây mới thảo/ngòi sương chứa rời...*

Tiểu đối tạo nên sự cân xứng, hài hòa, và cũng là một cách thể hiện nhịp điệu cho câu thơ. Ở *Mai Đình mộng ký*, nhịp điệu thơ khá biến hóa. Trong thơ lục bát, cách ngắt nhịp phổ biến thường thấy là nhịp 2/2/2 ở câu lục và 2/2/2/2 hoặc 4/4 ở câu bát. Nguyễn Huy Hổ tận dụng khá tốt cách ngắt nhịp này, đồng thời tạo ra những kiểu ngắt nhịp khác hết sức đa dạng. Đôi khi câu lục được ngắt theo nhịp 3/4: *Thú phong lưu/cũng ít nhiều*, hoặc có khi là nhịp 2/4: *Cuộc mê càng mãi miệt thay*. Ở câu bát thì nhịp còn đa dạng hơn:

- | | |
|--|----------------|
| <i>Trong mơ mòng/ thấy tình cờ/ lạ sao.</i> | (nhịp 3/3/2) |
| <i>Rằng/ vâng nghiêm lệnh/ rước người/ về sanh</i> | (nhịp 1/3/2/2) |
| <i>Hương thừa/ còn phảng phất đâu/ trước đình.</i> | (nhịp 2/4/2) |
| <i>Càng/ ngơ ngẩn bóng/ càng/ năn nỉ tình</i> | (nhịp 1/3/1/3) |
| ... | |

Những cách ngắt nhịp lẻ như vậy mang lại hiệu quả nghệ thuật cao cho tác phẩm. Nó tạo ra một sắc thái linh động, lúc suy tư, chiêm nghiệm thì tạo được sức lay động và sự lắng đọng cần thiết.

Nếu để ý, chúng ta cũng thấy rằng trong *Mai Đình mộng ký*, tác giả cũng sử dụng khá nhiều câu hỏi tu từ, câu cảm thán. Chẳng hạn:

- *Dập dìu còn đó với xuân dễ nào?*
- *Bên lầu thử hỏi hoàng hôn địch nào?*
- *Một xuân biết mấy mươi nơi dập dìu!*
- *Lúa đôi chẳng lại một kì tái lai!*

...

Nếu nói rằng *Mai Đình mộng ký* thể hiện cái tâm sự kín đáo của một nhà Nho, vừa tự hào, hãnh diện về quê hương, dòng họ, vừa tiếc nuối về quá khứ vàng son một thời nhưng đã qua đi... thì rõ ràng những câu thơ mang nhiều cảm xúc là một lựa chọn tối ưu. Chính sự xuất hiện của những câu cảm thán đã mang lại cái cảm xúc buồn lãng đãng cho cả tác phẩm. Nó phù hợp với tâm trạng của chính tác giả. Trong khi đó, những câu hỏi tu từ lại phản ánh đúng cái băn khoăn, phần nào sự bế tắc của những con người tài hoa nhưng sinh không gặp thời như Nguyễn Huy Hổ.

Khi giới thiệu tác phẩm đến bạn đọc, Hoàng Xuân Hãn đã đánh giá cao nghệ thuật trong *Mai Đình mộng ký*. Vị học giả này quả đã không quá lời khi nhận xét “*tác phẩm có lời thơ chau chuốt, điêu luyện vô cùng... Một áng văn chương tuyệt diệu, không lời nào non, không vần nào ép*”..., riêng việc dùng điển thì “*thoát ngang Đoạn trường tân thanh và hơn hẳn Hoa tiên*” [7]. Như vậy, xét trên khía cạnh nghệ thuật, có thể nói Nguyễn Huy Hổ thực sự đã ghi được những dấu ấn nhất định với truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký*. *Mai Đình mộng ký* không có được cái tầm vóc đỉnh cao của thể loại như *Truyện Kiều* hay vai trò mở đường đối với loại truyện tài tử - giai nhân của *truyện Hoa Tiên*. Dầu vậy, tác giả của nó vẫn biết tự tạo cho tác phẩm của mình một vẻ đẹp riêng của văn chương. Ở đây, chúng tôi muốn ghi nhận những giá trị trong sáng tạo nghệ thuật mà Nguyễn Huy Hổ đã để lại trong sáng tác duy nhất còn được biết đến của mình.

Cần phải nói thêm rằng, làm nên những đặc sắc trong nghệ thuật của *Mai Đình mộng ký* không phải chỉ có bút pháp tả cảnh và nghệ thuật ngôn từ.

Nghiên cứu *Mai Đình mộng ký*, có một chi tiết rất đáng chú ý đó là vấn đề đặc điểm thể loại của tác phẩm. Không phải ngẫu nhiên mà Hoàng Xuân Hãn đã hết sức dè dặt khi gọi *Mai Đình mộng ký* là một “bài ký”, tức là ít nhiều nhận định về những đặc điểm cơ bản của thể ký trong tác phẩm. Còn Lại Văn Hùng như chúng tôi đã trình bày, nêu lên những phẩm chất nổi bật của thể loại để khẳng định đây là một tác phẩm truyện Nôm. Những chi tiết ấy chứng tỏ ở *Mai Đình mộng ký* có sự kết hợp rất nhiều yếu tố của nhiều thể loại văn học khác nhau. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng khi tìm hiểu không chỉ nghệ thuật mà ngay cả trên phương diện nội dung của tác phẩm bởi nó đặt ra nhiều vấn đề tiếp theo như: việc sử dụng các mô – típ “tài tử giai nhân kỳ ngộ”, mô – típ lập công danh, mô – típ “giấc mộng”, tư tưởng Lão – Trang, tính chất ký và đặc điểm thể loại truyện Nôm, đặc điểm truyền kỳ của tác phẩm... Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một đề tài luận văn, chúng tôi xin được dừng lại ở những vấn đề cơ bản nhất trên phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Tiểu kết:

Qua việc tìm hiểu giá trị của *Mai Đình mộng ký* trên bình diện nội dung và nghệ thuật, chúng tôi nhận thấy:

Về giá trị nội dung: *Mai Đình mộng ký* thể hiện tình cảm đặc biệt, một niềm tự hào sâu sắc đối với quê hương, với dòng họ và dân tộc của một người con nặng tình nghĩa. Với giấc mộng chốn Mai Đình, thi sĩ cũng có dịp thể hiện khát vọng mãnh liệt trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi – một khía cạnh cơ bản của ý thức cá nhân, của tinh thần dân chủ thời đại. Cùng với đó, giọng thơ bàng bạc tâm sự trải suốt gần 300 câu thơ cũng thể hiện cái tâm trạng hoài niệm, nuối tiếc về một quá khứ vàng son của dòng họ, của dân tộc nhưng đã qua đi. Thời đại mà Nguyễn Huy Hổ sống là thời đại rối ren bậc nhất trong lịch sử phong kiến dân tộc, con người với những ước vọng, hoài bão cá nhân thật khó để tìm được lối thoát cho riêng mình. Tâm sự của Nguyễn Huy Hổ gửi gắm

trong tác phẩm *Mai Đình mộng ký* suy cho cùng cũng chính là tâm sự của không ít kẻ sĩ đương thời vậy.

Về giá trị nghệ thuật: Đọc *Mai Đình mộng ký*, chúng ta nhận thấy hai nét đặc điểm nghệ thuật khá thú vị, đó là bút pháp tả cảnh và nghệ thuật ngôn từ. Bút pháp tả cảnh góp phần tạo nên những bức tranh thiên nhiên thơ mộng chốn thực, huyền ảo chốn mộng. Còn nghệ thuật ngôn từ thì thể hiện cái tài tình của tác giả ở cách dùng chữ và đặt câu. Trong một thể loại văn học giàu giá trị với nhiều tên tuổi lớn như truyện Nôm, Nguyễn Huy Hồ đã có những tiếp nhận, cách tân sâu sắc và thật sự đã tạo cho tác phẩm của mình một vị trí riêng đáng được trân trọng. Điều này chúng tôi sẽ làm rõ hơn trong chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3: SỰ TƯƠNG TÁC CỦA *MAI ĐÌNH MỘNG KÝ* TRONG DÒNG TRUYỆN NÔM BÁC HỌC THẾ KỶ XVIII – ĐẦU THẾ KỶ XIX.

Trong lời tựa của truyện *Nôm Mai Đình mộng ký*, tác giả Nguyễn Huy Hồ có viết: “*Năm Kỷ Ty mùa xuân, sau ngày khai hạ, ta đi lên chơi Nam Đường để mừng nhà học của anh ta mới dựng ở núi Chung Sơn. Đi đường bị mưa, trú tại phố Phù Thạch, ở nhà bà con...*” [7], rồi tác giả lên thuyền ngược dòng sông Lam, uống rượu thưởng xuân và chìm vào giấc mộng chốn Mai Đình. Căn cứ vào lời tựa ấy thì có thể cho rằng tác phẩm được sáng tác vào năm 1809 (mùa xuân năm Kỷ Ty). Như vậy, *Mai Đình mộng ký* ra đời vào giai đoạn sau của thời kì phát triển cực thịnh của thể loại truyện Nôm (từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX). Câu hỏi đặt ra là Nguyễn Huy Hồ trong khi sáng tác *Mai Đình mộng ký* đã kế thừa như thế nào từ những thành tựu của các tác giả truyện thơ Nôm trước đó, và cũng qua *Mai Đình mộng ký*, nhà thơ có những đóng góp đặc biệt nào cho một thể loại văn học giàu giá trị như vậy.

Trong một giai đoạn văn học mà truyện Nôm gặt hái được khá nhiều thành công với những tên tuổi lớn, tác phẩm của Nguyễn Huy Hồ vẫn biết tạo cho mình một chỗ đứng riêng. Lẽ dĩ nhiên, *Mai Đình mộng ký* không có được cái tầm vóc đỉnh cao của thể loại, một vai trò tiên phong của người mở đường như chúng tôi đã nói khi nhắc tới *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ. Dẫu vậy, những kế thừa, cách tân của tác giả trong *Mai Đình mộng ký* đặt trong dòng chảy của truyện Nôm bác học giai đoạn này là không thể phủ nhận. Nghiên cứu sự tương tác của *Mai Đình mộng ký* đặt trong mối quan hệ với một số tác phẩm truyện Nôm bác học tiêu biểu khác, chúng tôi cũng hy vọng sẽ phân tích và đánh giá một cách đầy đủ những yếu tố làm nên nét đặc sắc, hấp dẫn riêng của tác phẩm truyện thơ Nôm này.

3.1 Tiếp nhận và kế thừa

3.1.1 Mạch tiếp nối của đề tài tình yêu tài tử - giai nhân

Thế kỷ XVIII – XIX trong xã hội Việt Nam là thời kì diễn ra sự phá sản nghiêm trọng của ý thức hệ phong kiến và sự trỗi dậy của tư tưởng nhân văn của thời đại. Trong sự phát triển chung của trào lưu tư tưởng nhân văn thời đại, khuynh hướng giải phóng tình cảm, giải phóng bản năng được văn học khai thác khá thành công. PGS.TS. Trần Nho Thìn đã khẳng định về sự xuất hiện của một trào lưu phản ánh khuynh hướng sáng tác ấy trong nền văn học dân tộc giai đoạn này: *“Các nhà thơ trân trọng tình cảm con người trên triết lí căn bản xem con người là giống có tình, là “nòi tình”, “giống hữu tình” chứ không phải là cỏ cây gỗ đá... “Trào lưu chủ tình” được sử dụng theo một nghĩa ước lệ, nhằm định danh một xu hướng văn học chiếm vị trí nổi bật nhất, làm nên thành tựu quan trọng nhất của văn học giai đoạn này: trào lưu văn học đề cao tình, tức thiên về xúc cảm thay vì lí trí tỉnh táo của nhà nho truyền thống”*. [32, tr.545,548]. Trên cơ sở sự bùng nổ của ý thức cá nhân theo đúng tinh thần của *“trào lưu chủ tình”*, truyện Nôm với tư cách là một thể loại tiêu biểu của văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – XIX đã sáng tạo nên những cặp đôi trai tài – gái sắc điển hình trong tình yêu đôi lứa. Nói như Nguyễn Hữu Sơn thì một *“môtip tài tử giai nhân”* [27, tr.641] đã được hình thành: Lương Sinh và Dao Tiên trong *Hoa tiên ký*, Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư trong *Sơ kính tân trang*, Kim Trọng và Thúy Kiều trong *Đoạn trường tân thanh*, Phan Sinh và Kiều Liên trong *Phan Trần...* *“Tất cả những cặp nhân vật tài tử giai nhân này đều là những nhân vật tài năng xinh đẹp, phong lưu và khao khát tình yêu, sống sâu sắc với mối tình ấy nhưng lại rất mực trang nhã...”* [17, tr.130]. Trong một hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác văn học như vậy thì giấc mộng về hạnh phúc lứa đôi của tác giả *Mai Đình mộng ký* như chúng tôi đã nói đến cũng là điều dễ hiểu. Khát vọng về một tình yêu đẹp được Nguyễn Huy Hổ xây dựng với người

con gái tài sắc vẹn toàn như thiếu nữ Mai Đình chính là biểu hiện của tinh thần nhân văn thời đại mà tác giả sống.

Thực ra đề tài tình yêu tài tử - giai nhân cũng đã xuất hiện không ít trong loại truyện Nôm bình dân. Truyện *Phạm Tải – Ngọc Hoa*, *Tống Trân – Cúc Hoa*, *Thoại Khanh – Châu Tuấn*.... ngay từ tiêu đề của nó đã giúp hình dung được những cặp nhân vật trung tâm trong những câu chuyện tình yêu được đề cập đến trong truyện. Có điều đáng chú ý là dù truyện Nôm bình dân cũng đề cập đến tình yêu đẹp của những đôi trai tài gái sắc yêu nhau, nhưng để diễn tả một cách phong phú, tinh tế, sâu sắc và tràn đầy cảm xúc thì phải đến những truyện Nôm bác học giai đoạn sau mới thấy. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy từ sau thế kỷ XVIII trở đi, nhất là sau sự xuất hiện của truyện *Hoa tiên* trong truyện nôm bác học, đề tài tình yêu tài tử giai nhân nở rộ và đạt được những thành tựu rực rỡ. Tình yêu, hạnh phúc lứa đôi có thể nói đã trở thành đề tài chủ yếu của truyện Nôm bác học mà truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự đã có công khai mở. Khẳng định vai trò dẫn đường của truyện *Hoa tiên* trên phương diện này, TS. Ngô Thị Thanh Nga viết: “*Hoa tiên* xuất hiện đã thực sự trở thành một “*cú hích*” để từ đó về sau trong truyện Nôm bác học, đề tài tình yêu tài tử giai nhân nở rộ và có những đóng góp đáng kể cho trào lưu giải phóng tình cảm, một phương diện cơ bản của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học giai đoạn này” [21, tr.170]. Quả thực câu chuyện tình yêu của đôi tài tử giai nhân Lương Phương Châu và Dương Dao Tiên đã đem đến cho văn đàn một hơi thở mới. Hơi thở ấy giúp cho người đọc có những trải nghiệm cụ thể về tình yêu, có thể cảm nhận được thế nào là khát vọng tình yêu, là những khắc khoải trong tình yêu, cũng như sự nồng nàn, say đắm của nó. Câu chuyện có thể được tóm lược như sau: Lương Phương Châu là con Lương tướng công, người Tô Châu, nhân sang trọ học ở nhà người cậu họ Diêu ở Tràng Châu, gặp nàng Dương Dao Tiên (con gái Dương tướng công) đã chủ động tỏ tình với nàng. Dao Tiên sinh lòng yêu mến Lương sinh, cùng thề nguyện gắn bó. Tuy nhiên, Lương tướng công và

Lưu tướng công vốn là người đồng quận và là bạn đồng liêu đã hẹn gả con cho nhau. Đến khi Lương sinh về nhà thăm cha mới biết chuyện người vợ tương lai của mình là Lưu Ngọc Khanh. Mặc dù quá đau khổ, nhưng chàng cũng đành phải theo lệnh của cha mẹ. Dao Tiên cho rằng người mình thương đã bội ước, nên cũng buồn đau không kém. Cùng lúc ấy, cha Dao Tiên có lệnh làm quan ở kinh đô. Ông đem gia đình theo. Đến khi ông nhận lệnh cầm quân ra trận, mẹ con Dao Tiên đành phải đến ở nhà người cậu họ Tiền. Lương sinh thi đỗ, được bổ làm quan ở kinh đô. Lương sinh tình cờ gặp lại Dao Tiên, rồi giải bày tâm sự cùng nàng. Biết cha nàng bị vây, Lương sinh bèn xin vua đi giải vây. Nào ngờ đánh thua, chàng bị quân đối phương vây chặt. Nhận được tin đồn rằng Lương sinh tử trận, Ngọc Khanh cải phục cư tang. Sau, vì mẹ khuyên lấy chồng khác, nàng nhảy xuống sông tự tử. May mà gặp thuyền của quan Đốc học tên Long đang chèo kinh vớt được. Diêu sinh đánh tan được quân đối phương, giải vây cho Dương tướng công và Lương sinh. Tất cả đều được nhà vua ban thưởng. Tưởng rằng Lưu Ngọc Khanh đã mất, Lương sinh bèn dâng biểu tâu việc nàng tuần tiết, được nhà vua ban sắc phong cho nàng. Nhà vua lại tự đứng ra làm mối gả Dao Tiên cho Lương sinh. Đang khi đó thì Đốc học Long cùng Lưu Ngọc Khanh cũng vừa đến kinh đô. Biết Lương sinh đã có vợ, Ngọc Khanh định đi tu. Nhờ Đốc học Long dâng sớ tâu việc lên nhà vua. Nhà vua lại Ngọc Khanh kết duyên cùng Lương sinh. Cuối cùng, chẳng những Lương sinh cưới được Dao Tiên, Ngọc Khanh mà còn cưới cả hai người con gái trước kia đã từng giúp mình đó là Vân Hương và Bích Nguyệt. Câu chuyện kết thúc trong cảnh đoàn viên như thế.

Với vị trí đáng kính của người mở đường, Nguyễn Huy Tự cùng truyện *Hoa tiên* đã gợi cảm hứng sâu sắc cho những tác giả truyện Nôm giai đoạn sau khai thác để tiếp tục viết thêm những câu chuyện tình đẹp, lãng mạn và đầy cảm động. Phạm Thái với trải nghiệm từ mối tình nồng nàn nhưng cũng đầy oan trái trong đời thực với nàng Trương Quỳnh Như đã viết nên câu chuyện

tình cảm động Phạm Kim – Trương Quỳnh Thư trong *Sơ kính tân trang*. *Bích Câu kỳ* ngộ lại là câu chuyện tình yêu độc đáo kể về một người học trò tên là Trần Tú Uyên gặp nàng Giáng Kiều ở đất Bích Câu. Nguyễn Du thì bằng tài năng nghệ thuật thiên tài đã viết nên mối tình Kim Trọng – Thúy Kiều đẹp đẽ, trong sáng nhưng cũng đầy trăn trở và dở dang trong *Truyện Kiều*...

Không đứng ngoài cảm hứng sáng tác chung của các danh sĩ đương thời, Nguyễn Huy Hổ cũng tiếp nhận thành tựu trong sáng tác truyện Nôm từ chính người cha của mình để sáng tạo nên câu chuyện tình duyên khá thú vị trong *Mai Đình mộng ký*. Cặp nhân vật tài tử - giai nhân mà Nguyễn Huy Hổ xây dựng trong tác phẩm của mình là *du khách* (tác giả) và *tiểu thư Mai Đình* có lẽ chính được gọi từ từ tác phẩm của Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Du và các tác giả truyện thơ Nôm trước mình. Nhất là ở cách xây dựng nhân vật theo mô - típ tài tử giai nhân kỳ ngộ, *Mai Đình mộng ký* có nét rất gần gũi với truyện thơ Nôm *Bích Câu kỳ ngộ* (Tú Uyên và Giáng Kiều đến với nhau cũng khởi phát từ một giấc mộng).

Nhưng có lẽ điểm dễ nhận thấy nhất vẫn là cặp tài tử - giai nhân trong tác phẩm có những nét khá tương đồng với mô hình nhân vật tài tử - giai nhân trong truyện Nôm bác học sau truyện *Hoa tiên*, đẹp từ hình thức bên ngoài đến phẩm chất tâm hồn và tài năng. Tiểu thư Mai Đình đâu không được miêu tả chi tiết theo kiểu như “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*” (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) nhưng cái dáng vẻ xinh đẹp, kiêu diễm của một giai nhân trong mộng cũng không khó để cảm nhận. Thúy Kiều xinh đẹp đến mức khiến “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*” thì sắc đẹp của tiểu thư Mai Đình cũng thuộc hàng “*sắc nước hương trời*”, “*thần nữ tiên cung*”:

*Vẽ sao ngọc chuốt giá thanh
Bút thần đồ vẽ nên tranh truyền thần
Giá sao báu Triệu châu Tần
Người sao trông dưới cỏi trần chưa ai*

Chẳng những xinh đẹp, tài thơ phú của thiếu nữ chốn Mai Đình cũng được thể hiện qua màn đề - họa thơ với tài tử, khiến cho tài tử cũng phải xuýt xoa:

Tứ cao cách lạ tốt vời

Thoa quần hiếm nhĩ nầy tài Âu, Tô!

Xây dựng cặp nhân vật du khách – tiểu thư Mai Đình như những hình mẫu lý tưởng về sắc đẹp, tài năng của con người trong xã hội chính là điểm mà Nguyễn Huy Hồ đã chịu sự ảnh hưởng khá rõ từ loại truyện Nôm tài tử giai nhân. Nhưng với dung lượng của một truyện thơ Nôm không đến 300 câu thơ, Nguyễn Huy Hồ khó có thể đưa độc giả vào một câu chuyện tình yêu với nhiều tình tiết li kì, gay cấn. Và trên thực tế, câu chuyện tình giữa du khách và tiểu thư Mai Đình dường như kém hấp dẫn hơn hẳn so với những truyện Nôm bác học khác về mặt này như truyện *Hoa tiên*, *Truyện Kiều* hay *Sơ kính tân trang*. Nếu tình yêu giữa Lương Sinh và Dao Tiên bén duyên đẹp như trong mộng, và rồi dù trải qua bao thăng trầm thì cuối cùng cũng đơm hoa kết trái trong cảnh đoàn viên sum vầy, Thúy Kiều và Kim Trọng cũng trải qua tới mười lăm năm dẫu bể trong một mối tình đẹp đẽ, trong sáng nhưng cũng đầy trăn trở và dờ dang... thì tình yêu tài tử - giai nhân giữa du khách và tiểu thư Mai Đình chỉ dừng lại ở lần gặp gỡ duy nhất, gặp rồi để không bao giờ gặp lại nữa. Cuộc gặp gỡ lại chỉ diễn ra trong một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi, không có những diễn biến dài hơi mang tính lôi cuốn, hấp dẫn. Tuy nhiên, nếu so sánh việc xây dựng những câu chuyện tình yêu ấy trên phương diện diễn tả những xúc cảm tinh tế của nhân vật, thì tác phẩm của Nguyễn Huy Hồ chưa chắc đã chịu lép vế so với truyện *Hoa tiên*, *Truyện Kiều*... Điều này thể hiện rất rõ điểm kế thừa, học tập và vận dụng của Nguyễn Huy Hồ trong *Mai Đình mộng ký* đối với các tác giả truyện Nôm trước mình khi thể nghiệm với đề tài tình yêu tài tử - giai nhân.

Sở dĩ truyện Nôm có nội dung về tình yêu lứa đôi luôn chiếm được tình cảm đặc biệt của độc giả, một phần quan trọng là vì các tác giả đã diễn tả được đầy đủ những cung bậc, những diễn biến tâm lý tinh vi và điệu vợi của con người trong tình yêu. Nguyễn Huy Hồ với *Mai Đình mộng ký* cũng đã khá thành công khi miêu tả cái xúc cảm tinh tế của một người đang yêu thông qua nhân vật du khách. Lạc vào chốn Bồng Lai tiên cảnh, khách thơ chưa hết choáng ngợp trước cảnh đẹp tiên giới thì đã lại thêm ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của giai nhân. Vậy mà chỉ trong thoáng mắt, giai nhân đã e thẹn vội vàng rảo bước “về mái tây hiên”:

Xông mai chợt động bóng người

Vẻ lan vừa chán vợi dòi gót sen.

Cái e thẹn, bối rối đầy nữ tính ấy đã để lại trong lòng du khách bao cảm xúc. Giai nhân đi rồi, du khách đứng đó đầy ngẩn ngơ tiếc nuối:

Nguyên phong động tỏa trùng trùng

Khách thơ thêm những mơ màng hồn thơ.

Đó là cái thơ thần trong phút “cảm nắng” của tài tử vừa bị người đẹp quyến mê “hồn khôn vía đại”. Nó rất giống với tâm trạng của Lương Sinh khi một mình dạo bước trong vườn, tình cờ gặp Dao Tiên và thấy nàng vội vàng lẩn tránh:

Nhác trông chiều mĩm mĩm cười

Sóng dầm khoe hạnh chưa dòi nét trông

(Truyện *Hoa tiên*)

Và như thế, nhân vật du khách hay Lương Sinh đã hoàn toàn là con người của yêu đương, của tình cảm. Họ sống bằng cảm xúc chân thật của cá nhân mình, với trái tim rung động, xao xuyến trước vẻ đẹp của giai nhân.

Phút gặp gỡ với người đẹp tình cờ trong một khung cảnh thơ mộng ấy đã để lại cho du khách những tâm sự ngổn ngang. Chàng vừa nuối tiếc về một

cuộc gặp gỡ trong mơ nhưng vô cùng ngắn ngủi, vừa ra chiều trách móc giai nhân hững hờ, trách cho duyên trời không chịu lòng người:

*Biết đâu nước đợi non chờ
Chúa xuân sao bỗng hững hờ cho đang.*

Lòng rồi như tơ vò, tâm sự không biết dãi bày cùng ai, khách thơ chỉ còn biết ghen ngào:

*Bào tình lần thấm giọt sương
Thần thơ ngọn khói, cành sương một mình.*

Thế rồi cái nét đáng yêu của một tâm hồn đang yêu tiếp tục được tác giả khai thác. Khi mà cảm xúc bao trùm lên lý trí, tâm trạng thật khó diễn đạt thành lời, du khách chỉ còn biết thơ thần trong những dòng suy nghĩ mông lung, dường như không còn là chính mình:

*Một đình, một khách, thần thơ
Thôi thì thăm hỏi, lại mơ mẩn chào.*

Cái chất men say ái tình man mác thừa ban đầu đã được Nguyễn Huy Hồ khai thác bằng những những thanh âm trong trẻo và đầy cảm xúc tinh tế như thế.

Một nét dễ thấy khi đặt các truyện Nôm tài tử giai nhân trong mối quan hệ đối sánh, đó là các nhân vật tài tử thường luôn giữ vị thế chủ động và tích cực trong tình yêu. Trong truyện *Hoa tiên*, Lương Sinh từ khi biết đến Dao Tiên không lúc nào thôi tìm cách tiếp cận nàng. Chàng quyết không thể để “*Hẹn phong lưu để nợ trần/ Nửa song âu thẹn vững tằm đôi uyên*” mà quyết định ra đi và tìm kiếm: “*Rộng chân thử bước khơi miền/ Dẫu dun khi được như nguyên biết đâu*”. Chàng nhờ Vân Hương, Bích Nguyệt làm mối lái, dọn nhà đến ở cạnh Dao Tiên, tìm cách làm quen với cha nàng để qua lại. Kim Trọng trong *Truyện Kiều* cũng vì tương tư Thúy Kiều nên đã quên hết cả thú vui hàng ngày, tìm cách chuyển đến ở gần nhà Kiều để có cơ hội diện kiến giai nhân.

Trong *Sơ kính tân trang* Phạm Kim thì làm thơ, từ gửi cho Quỳnh Thư để làm quen, để rồi sau đó thơ từ qua lại như ông tơ bà nguyệt chấp mỗi duyên lành...

Nguyễn Huy Hồ cũng đã kể thừa đặc điểm này khi miêu tả câu chuyện tình yêu của mình trong tác phẩm. Rõ ràng cái tâm thế chủ động ấy phản ánh rõ nhất khao khát mãnh liệt về hạnh phúc lứa đôi của con người cá nhân trong hoàn cảnh của tư tưởng thời đại. Con người cá nhân xuất hiện trong văn học với tất cả những nhu cầu rất đời thường của nó mà trước hết là nhu cầu giải phóng tình cảm, nhất là tình yêu, thứ quyền lợi chính đáng đã bị lễ giáo Nho gia kìm hãm và dường như bị tước bỏ. Trong *Mai Đình mộng ký*, cái tâm thế chủ động trong tình yêu cũng được thể hiện khá rõ. Ngay khi bắt được tình ý của tiểu thư Mai Đình gửi gắm trong bài thơ *Thưởng mai* nguyên vận, du khách dường như lập tức làm bài thơ *Thưởng mai* họa vần để ứng lại:

*Ngòi dao vừa ráo luật Đào,
Vội vắn thơ trước sắp vào một phong:
“Dao Trì in vẽ ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nắn gió hoa vừa náu,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cái bướm bỗng thày lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chấp tay.”*

Nội dung của bài thơ ngũ ngôn đã cho thấy rõ điều đó. Trong thơ, du khách chủ động ca tụng “vẽ ngọc” của giai nhân, chủ động tỏ ý đáp lại lòng trông chờ của tri âm, rồi lại chủ động trách móc giai nhân sao không cho diện kiến. Chưa hết, du khách quyết tâm dạo bước tìm bóng giai nhân, bởi “*Chót đà đến Mẫu đơn đình/ Thơ chẳng cũng bẻ một cành làm duyên*”. Trong suy nghĩ của chàng gần như không có chỗ cho sự chần chừ, do dự:

Hiên đầu kéo rẽ hoa đào

Đánh liều cả quyết bước vào thử xem.

Như vậy, có thể thấy *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hồ vẫn tiếp nối mạch đề tài về tình yêu tài tử - giai nhân, loại truyện Nôm có những đóng góp nổi bật cho sự phát triển của thể loại. Về điểm này, tác phẩm tiếp nhận những thành tựu mở đường của truyện *Hoa tiên* một cách tương đối toàn diện, từ cách xây dựng cặp nhân vật tài tử - giai nhân, cách biểu đạt tâm trạng, cảm xúc cho đến cách thức thể hiện trong tình yêu. Nhân vật nữ trong truyện – tiểu thư Mai Đình - xuất hiện không nhiều, chủ yếu là gián tiếp qua cảm nhận của du khách. Thêm nữa, các nhân vật khác trong truyện cũng khá ít ỏi, ngoài du khách và tiểu thư Mai Đình thì chỉ có thêm nhân vật tiểu hoàn và phu nhân. Có lẽ vì vậy mà *Mai Đình mộng ký* không có được một nhân vật nữ mang những nét riêng như Thúy Kiều hay Quỳnh Thù so với *Dao Tiên*, cũng không mở rộng và làm phong phú thêm hệ thống nhân vật như trong các truyện Nôm khác sau *Hoa tiên*. Tuy nhiên không thể phủ nhận là sự kế thừa của *Mai Đình mộng ký* đã đóng góp thêm cho loại truyện Nôm về tình yêu một cặp tài tử - giai nhân khá lạ (du khách và người đẹp trong mộng - tiểu thư Mai Đình), đồng thời góp phần khẳng định sự sống động của mảng đề tài này trong dòng truyện Nôm bác học giai đoạn phát triển đỉnh cao mà truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự đã có công “mở đường”.

3.1.2 Những ảnh hưởng của ngôn ngữ thơ

Về ngôn ngữ nghệ thuật của *Mai Đình mộng ký*, chúng tôi đã có dịp nhắc đến khi phân tích những đặc sắc trong nghệ thuật của tác phẩm. Trong phần này, chúng tôi tập trung làm rõ những điểm mà Nguyễn Huy Hồ đã tiếp nhận hoặc chịu ảnh hưởng từ sáng tác của các tiền nhân.

Trên phương diện ngôn ngữ có một điểm rất đáng quan tâm, đó là trong tác phẩm *Mai Đình mộng ký* xuất hiện những câu thơ rất giống với truyện *Hoa tiên* và *Truyện Kiều*. Xin được dẫn một vài ví dụ cụ thể:

- *Cho hay rằng giống có tình (Mai Đình mộng ký)*
Cho hay là thói hữu tình (Truyện Kiều)
- *Nài xuân chén những kèo mau (Mai Đình mộng ký)*
Hầu vui chén những kèo mau (Hoa tiên)
- *Phong quang tám bức vén tranh (Mai Đình mộng ký)*
Giang sơn tám bức sầu treo (Hoa tiên)
- *Nguồn phong động khóa trùng trùng (Mai Đình mộng ký)*
Sinh rằng đồng tỏa nguyên phong (Hoa tiên)
- *Tắc gang đồng tỏa nguyên phong (Truyện Kiều)*
- *Thướt tha tơ liễu buông rèm (Mai Đình mộng ký)*
Phất phơ tơ liễu buông rèm (Hoa tiên)
- *Lơ thơ tơ liễu buông màn (Truyện Kiều)*

...

Chính vì sự xuất hiện của những câu thơ tựa tựa nhau như thế mà học giả Hoàng Xuân Hãn đã hồ nghi về một văn phái Hồng Sơn từng tồn tại. Với hiện tượng ấy, nhiều người đã tự hỏi các danh sĩ vay mượn ngôn ngữ của nhau hay là bất chước một cách máy móc? Trên quan điểm cá nhân, chúng tôi cho rằng đó là biểu hiện rõ nhất cho sự kế thừa, học tập của tác giả *Mai Đình mộng ký* đối với các tác phẩm truyện Nôm bác học trước đó. Lẽ dĩ nhiên, ngôn ngữ trong một tác phẩm văn học sẽ chịu sự chi phối của nhiều yếu tố chứ không phải chỉ riêng có các tác phẩm cùng loại ra đời trước. Nguyễn Huy Hổ ngay từ nhỏ đã được tắm mình trong những làn điệu dân ca ví dặm, những lời ru ngọt ngào, ân tình nồng thắm của quê hương xứ Nghệ. Ảnh hưởng của những yếu tố đó đến ngôn ngữ nghệ thuật trong *Mai Đình mộng ký* sẽ là không nhỏ. Và chẳng, như Nguyễn Tất Thử đã minh chứng, không chỉ *Mai Đình mộng ký* mà cả *Hoa tiên*, *Truyện Kiều* cũng đều có chung ảnh hưởng từ nguồn chất liệu dân gian của văn học dân tộc [33] . Tuy vậy, không thể phủ nhận những gợi ý từ các tác giả truyện Nôm trước đó đã ít nhiều mang lại những ảnh hưởng tích cực đến

ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi tả khi Nguyễn Huy Hổ sáng tác *Mai Đình mộng ký*, để rồi cuối cùng ông tạo nên một tác phẩm có “*lời thơ chau chuốt, điêu luyện vô cùng*” [16, tr.946].

Với thể loại truyện Nôm, một trong những tiêu chí để nhận diện và phân loại thành truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học chính là ngôn ngữ nghệ thuật. Truyện Nôm bác học hầu hết là sản phẩm của các nhà thơ có trình độ học vấn cao, do đó ngôn ngữ tác phẩm bao giờ cũng được gọt rũa, chau chuốt công phu. Còn truyện Nôm bình dân phần nhiều do trí thức bình dân sáng tác, ngôn ngữ tác phẩm thường bình dị, mộc mạc hơn nhiều. Truyện Nôm bác học từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX đã vươn lên đến tầm cao nhất của thể loại. Lẽ dĩ nhiên, ngôn ngữ nghệ thuật trong truyện Nôm thời kỳ này cũng đã đạt tới mức hoàn thiện, và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chính là tác phẩm tinh kết những giá trị cao nhất về ngôn ngữ của thể loại truyện Nôm. Ra đời trong bối cảnh ấy, rõ ràng *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ đã ít nhiều nhận được những tác động tích cực từ thứ ngôn ngữ có tính hàm súc, cô đọng mà chau chuốt bóng bẩy – những đặc trưng hết sức nổi bật của dòng truyện Nôm bác học. Ngôn ngữ trong *Mai Đình mộng ký* được tác giả sử dụng uyển chuyển, nhịp nhàng, khiến câu thơ đôi lúc trở nên mềm mại, duyên dáng:

*Gió xuân rút cánh buồm duyên
Thiều quang chín chục, vân yên một chèo
Bến tình nhẹ nhỏ con neo
Đầu mai yén vắn, mạn chèo oanh đưa*

Nguyễn Huy Hổ hẳn đã rất công phu khi lựa chọn cho mình những ngôn từ đậm chất thơ như thế. Cánh buồm thơ chở khách lãng du nhẹ nhàng trôi đi trên dòng Lam giang thơ mộng, để rồi bến duyên cùng với gió xuân êm dịu mà thành “cánh buồm duyên”. Mây khói bảng lảng như tô điểm thêm cho không khí mộng mơ, huyền diệu ấy. Thế rồi không gian từ đó trở nên duyên dáng vô cùng với từng cặp đôi tình tứ: “bến tình – con neo”; “yén vắn – oanh đưa”.

Thiết nghĩ để diễn tả cái duyên dáng, đáng yêu của cảnh vật đất trời, khó ngôn từ nào có thể biểu đạt hiệu quả hơn thế.

Đặc biệt, ngôn ngữ thơ giàu cảm xúc, thiên về gợi hơn tả vẫn thường thấy trong các sáng tác của tiền nhân đã được tác giả ứng dụng rất thành công:

*Hồn mai còn nhớ đình mai
Nước non hã chẳng lạ người quen đâu;
Thấy đây còn biết hồn đây
Bây giờ sao nữa lại hay bấy giờ*

Những câu thơ như thế tưởng như tác giả chẳng dụng công gì mà vẫn lay động cảm xúc của người đọc. Có thể theo dòng cảm xúc, những dòng chữ cứ thế tuôn chảy một cách tự nhiên, nhưng rõ ràng đó phải là cảm xúc của một thi nhân hay chữ, đa tài.

Ngôn ngữ trong truyện Nôm bác học thường súc tích, chính xác, đồng thời lại giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu. Về điểm này thì không gì hợp hơn là dẫn những câu thơ trong *Truyện Kiều* để minh chứng:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa;
Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông.*
(*Truyện Kiều*)

Những câu thơ của Nguyễn Du là sự kết hợp tài tình của ngôn từ với âm nhạc, hội họa. Dường như Nguyễn Huy Hổ cũng ý thức sâu sắc về điều này và tạo nên một thứ ngôn ngữ thơ lý tưởng cho tác phẩm của mình:

*Thướt tha tơ liễu buông rèm
Trà non uốn điệu dương mềm khoe tươi
Nhị xuân rước gió như cười
Chòm thanh khóm dật, vách che bụi trần.*

Đoạn thơ tả cảnh đẹp của thiên nhiên chốn tiên giới không khác gì một bức tranh hội họa của một nghệ sĩ tài ba với đầy đủ dáng vẻ (thướt tha, uốn dẻo), màu sắc (khoe tươi), âm thanh (rước gió như cười)... của nó. Nói ngôn từ trong *Mai Đình mộng ký* giàu chất tạo hình, tạo âm thanh, màu sắc là vì thế.

Ngôn ngữ trong văn chương bác học có đặc điểm hàm súc, khả năng khái quát hóa rất cao. Để truyền tải những “ý ngoài lời”, các tác giả thường hay sử dụng những điển tích lấy từ văn học cổ Trung Hoa. Điển tích giúp cho ngôn ngữ thơ trở nên hàm súc, nội dung truyền tải trở nên sâu sắc hơn. Nắm được ý nghĩa này, các tác giả truyện Nôm vẫn thường hay sử dụng điển tích, điển cố trong tác phẩm của mình. Duy có điều, việc sử dụng điển như thế nào cho hợp với ngữ cảnh trong thơ, tránh rườm rà khó hiểu, làm cho câu tối nghĩa thì lại tùy thuộc vào trình độ sáng tác của nhà thơ. Nhận xét về việc dùng điển tích trong *Mai Đình mộng ký*, Hoàng Xuân Hãn đã từng khen Nguyễn Huy Hổ “dùng điển thoát ngang Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du và hơn hẳn Hoa tiên của Nguyễn Huy Tự” [7]. Điều này thể hiện sự vận dụng thuần thục những thành tựu ngôn ngữ của các tiền nhân trước đó. Trong *Mai Đình mộng ký*, những điển tích được sử dụng với mật độ khá dày, có khi chỉ trong hai câu thơ mà có đến bốn điển được dùng:

Phím Hoàng đợi khách tri âm

Nên treo cân Lê, ai cầm giá Côn.

Điển tích “*phím Hoàng*” ý chỉ bản đàn *Phụng cầu hoàng* của công chúa Lộng Ngọc, con vua Tần Mục Công, học với chồng là Tiêu Sử. Lúc nàng thổi khúc *Phụng cầu hoàng* thì có chim phụng bay xuống, rồi nàng cưới phụng, chồng cưới rồng, hai người bay lên cõi tiên. Về sau Tư mã Tương Như cũng đàn bản *Phụng cầu hoàng* để quyến rũ Trác Văn Quân. Nguyễn Huy Hổ dùng điển ấy ý trách cứ tiểu thư Mai Đình, chẳng phải đã gặp khách tri âm rồi hay sao, cái tình duyên phu thê còn đợi chi nữa mà còn “*treo cân Lê*”, “*cầm giá Côn*” (hạt châu ở sông Lê cân nặng hơn hạt châu ở các nơi khác, giá ở viên

ngọc ở núi Côn Lôn cao hơn giá của các viên ngọc ở các nơi khác – ý nói việc kén chồng còn giữ giá). Như vậy, việc dùng nhiều điển trong hai câu thơ ngắn gọn đã vừa nói hộ khách thơ cái tâm trạng hụt hẫng khi giai nhân vội vàng quay bước, vừa diễn tả rất trúng cái nét thiếu kiên nhẫn đáng yêu của tài tử trước thử thách của giai nhân. Tuy vậy những câu thơ như thế không tạo cảm giác nhàm chán khi đọc. Điển tích được dùng đúng lúc, đúng chỗ, hợp với ngữ cảnh giúp cho lời thơ toát lên phong vị trang nhã, thanh tao khác hẳn với ngôn ngữ chồn dân dã:

*Thảo mà cánh điệp lá đào
Đi về Vu Giáp ra vào Vũ Lăng;
Thảnh thơi gió mát trăng thanh.
Nào đằm Đồng Lại nhớ ghềnh Bàn Khê*

...

Như vậy, có thể nói cũng với *Mai Đình mộng ký*, Nguyễn Huy Hổ đã cùng với những tác giả khác góp phần đưa ngôn ngữ truyện thơ Nôm đến chỗ hoàn thiện, tạo nên một cuộc bút phá ngoạn mục cho sự phát triển của thể loại truyện Nôm trong nền văn học của dân tộc.

3.1.3 Vai trò của những bài thơ đề - họa

Trong tác phẩm *Mai Đình mộng ký*, có xuất hiện hai bài thơ được làm theo thể ngũ ngôn Đường luật. Một bài là *Thưởng mai nguyên vận* của tiểu thư Mai Đình:

*“Lúa ngọc cùng ai đó,
Trăng kia với khách này.
Một cảnh xuân đã sớm,
Mấy đóa tuyết nào bay.
Vẻ sạch mưa càng dãi,
Lòng thơm gió nở lay.
Bướm con đừng thốc mách,*

Cho hái có nường tay.”

Và một bài là *Thường mai họa vắn* của du khách:

*“Dao Trì in vẽ ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nản gió hoa vừa nấu,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cái bướm bỗng thày lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chấp tay.”*

Hai bài thơ đề - họa ở đây đóng vai trò như những bức thư tâm tình gửi cho nhau của tài tử và giai nhân vậy. Trong xã hội phong kiến Á Đông xưa, tình yêu trai gái thừa ban đầu mang một ý vị tinh tế. Nó không phải là thứ tình cảm sôi nổi, bùng cháy như thời hiện đại mà chúng ta đang sống. Nó mang âm hưởng nhẹ nhàng, kín đáo và ý vị. Lễ giáo phong kiến một mặt kìm hãm con người trong cảm xúc riêng tư của cá nhân, nhưng ở khía cạnh khác, nó lại tạo ra cái duyên dáng đáng yêu cho những cặp tình nhân thừa ban đầu. Chính cái e dè, ngần ngại của đôi trai gái, đặc biệt là đối với nữ giới đã mặc nhiên cấu thành phẩm hạnh đáng quý của con người trong tình yêu. Và để truyền tải những rung động, những điều khó nói bằng lời trong tình cảm riêng tư, người xưa thường mượn đến thư từ, thơ ca đề - họa. Chính các tác giả của loại truyện Nôm tài tử - giai nhân đã bắt được cái ý nhị đó để phản ánh tâm lý của những cặp trai tài - gái sắc yêu nhau trong tác phẩm của mình. Xây dựng mối tình trong mộng giữa cặp nhân vật du khách và tiểu thư Mai Đình, Nguyễn Huy Hổ cũng đã vận dụng một cách triệt để phương thức ấy.

Trước Nguyễn Huy Hổ, Nguyễn Huy Tự trong truyện *Hoa tiên*, Phạm thái trong *Sơ kính tân trang*... đã rất thành công khi sử dụng những bài thơ đề - họa như thế. Lương Sinh và Dao Tiên, Phạm Kim và Quỳnh Thư đều đã vượt

qua cái rào cản của chút e dè ngượng ngịu buổi đầu bằng những bức thư đi thư lại như thế mà đến với nhau. Ở đây, yếu tố thơ từ đóng vai trò của những phương tiện hiệu quả nhất và không thể thay thế, giống như những ông tơ bà nguyệt chấp mỗi duyên lành cho đôi uyên ương. Và dù chỉ là những bài thơ ngắn gọn, súc tích, nhưng sự xuất hiện của hai bài thơ đề - họa trong tác phẩm *Mai Đình mộng ký* ít nhiều cũng thể hiện cái tinh thần tiếp thu ý tưởng của tiền nhân trong sáng tác văn học. Duy có điều, những tài tử - giai nhân của Nguyễn Huy Tự, Phạm Thái... nhờ chúng mà đến được với nhau. Còn với du khách và tiểu thư Mai Đình, hai bài thơ đề - họa hoa mai ấy chỉ giống như vật chứng cho một mối tình dang dở. Vận dụng cách thể hiện theo một lối riêng, Nguyễn Huy Hổ trong *Mai Đình mộng ký* đã thể hiện thành công ý đồ nghệ thuật của mình. Một giấc mộng dang dở, một cuộc tình duyên lỡ làng... tất cả như ẩn chứa cái tâm sự thâm kín mà xót xa của kẻ sĩ trước thời cuộc vậy. Phương thức vận dụng những bài thơ đề - họa trong tác phẩm đã phát huy vai trò của nó như thế.

3.2 Cách tân và sáng tạo

Ra đời trong hoàn cảnh các tác phẩm truyện Nôm đã gặt hái được những thành tựu rực rỡ, *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ may mắn được thừa hưởng những thành tựu tuyệt vời mà tiền nhân đã để lại. Tuy vậy, thách thức đối với Nguyễn Huy Hổ cũng không hề nhỏ. Thành công của những danh tác truyện Nôm trước đó đã thực sự tạo ra một cái bóng quá lớn thách thức sức sáng tạo của những tác giả đi sau như Nguyễn Huy Hổ. Và như thế phải chăng tác giả truyện thơ Nôm *Mai Đình mộng ký* chỉ chịu ảnh hưởng mà không có sáng tạo? Ít nhất thì với những nỗ lực cách tân, thể nghiệm của mình, tác phẩm của Nguyễn Huy Hổ cũng đã tự tạo ra cho mình một vẻ đẹp riêng đáng trân trọng.

3.2.1 Cốt truyện và bố cục

Khi xem xét nguồn gốc của các tác phẩm truyện Nôm bác học, chúng ta sẽ nhận thấy hầu hết các sáng tác được viết dựa theo những cốt truyện trong văn học cổ Trung Quốc: truyện *Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào dựa theo *Định*

tình nhân truyện; truyện *Nhị Độ Mai* thì được viết theo cuốn *Trung hiếu tiết nghĩa Nhị Độ Mai truyện*; truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự nội dung dựa theo cốt truyện ca bản có tên là *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*; Nguyễn Du mượn cốt truyện của một tiểu thuyết chương hồi tên là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân để viết nên kiệt tác *Đoạn trường tân thanh*, ... Các tác phẩm trên thể hiện một phương thức đặc thù trong sáng tác văn học cổ, đó là phương thức tập cổ. Có thể hiểu là trong sáng tác văn học, các tác giả nhiều khi không cần nghĩ ra một câu chuyện mới để tạo lập tác phẩm. Trong trường hợp tác giả có cảm xúc và sự đồng điệu nhất định với một câu chuyện nào đó của một nền văn học khác, họ hoàn toàn có thể phóng tác thành một tác phẩm khác cho riêng mình. Việc sử dụng phương thức phóng tác để sáng tác văn học đã thể hiện sức sáng tạo nghệ thuật đa dạng, dồi dào của các tác giả truyện thơ Nôm, và trên thực tế đã xuất hiện những tác phẩm ưu tú vào hàng bậc nhất của thể loại.

Tuy nhiên, trong truyện Nôm bác học cũng có những tác phẩm mà nội dung không phải vay mượn từ bất cứ nguồn nào. Cốt truyện của những tác phẩm này mang “quyền tác giả” hoàn toàn Việt Nam. Mặc dầu vậy, những sáng tác thuộc loại này còn rất hiếm dưới tay các nhà nghiên cứu. Cùng với *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái thì *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ cũng là một trong những tác phẩm như vậy.

Nếu *Sơ kính tân trang* được coi như là một tác phẩm tự truyện về chính cuộc đời tác giả Phạm Thái, thì *Mai Đình mộng ký* lại là một tác phẩm mang đậm dấu ấn sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Huy Hổ. Danh sĩ Trường Lưu với tấm lòng hoài nhớ và “*cảm giác khắc khoải đi tìm thời gian đã mất*”[8, tr. 61] đã sáng tạo nên một giấc mộng chốn Mai Đình đầy thú vị. Và đặc biệt hơn người trải nghiệm trong giấc mộng kì lạ ấy lại chính là tác giả chứ không phải là một Lương Sinh hay Kim Trọng nào đó vốn bước ra từ văn học cổ Trung Quốc. Câu chuyện tình như hư, như thực trong *Mai Đình mộng ký* đã ký thác

một tâm sự, một nỗi niềm u uẩn của chính người trong cuộc trước thời thế, vì thế mà nó lại càng mang “quyền tác giả” hơn nữa khi so sánh với các truyện Nôm bác học khác

Mai Đình mộng ký là một tác phẩm ít tình tiết, chưa thật hoàn chỉnh về mặt cốt truyện... nhưng thiết nghĩ sự thể nghiệm trong sáng tác với một “cốt truyện nội sinh” như thế đã thể hiện những tìm tòi, thử nghiệm hướng đi mới, tạo nên sự phong phú, đa dạng cho thể loại truyện Nôm. Điều này trên một bình diện nào đó như chúng tôi đã nói, phần nào đánh dấu bước trưởng thành của thể loại truyện Nôm nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung.

Xét *Mai Đình mộng ký* trên những điểm cách tân, sáng tạo có lẽ không thể không nhắc tới cách tổ chức bố cục của tác phẩm. Trong thể loại truyện Nôm, các tác phẩm thường có những điểm khá tương đồng về cấu trúc, tạo nên nét đặc trưng thi pháp của thể loại. “*Hình thái cấu trúc của truyện Nôm được xây dựng theo hình thái cấu trúc của truyện cổ tích, tức là cấu trúc theo mô hình gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ*”[7, tr.145]. Truyện Nôm thường mở đầu bằng cảnh trai gái gặp gỡ và hẹn ước, sau đó họ gặp những trắc trở làm cho hai người phải chia ly, cuối cùng họ lại được cùng nhau đoàn tụ trong trong hạnh phúc êm ấm. Có thể lấy truyện *Hoa tiên* làm ví dụ tiêu biểu cho mô hình kết cấu như trên của truyện Nôm.

Nếu coi *Hoa tiên* là một cấu trúc hoàn chỉnh của kết cấu truyện Nôm về tài tử giai nhân thì đúng như PGS.TS. Lại Văn Hùng nhận xét, “*Mai Đình mộng ký chỉ dừng lại ở khâu đầu*”[10, tr. 233]. Đây có thể là lý do chính khiến không ít người còn phân vân về thể loại của *Mai Đình mộng ký*. Điều này chúng tôi đã có dịp phân tích ở chương 1 của luận văn. Vấn đề đặt ra ở đây là với cách bố cục tác phẩm như vậy, Nguyễn Huy Hổ hướng tới mục đích gì trong ý đồ sáng tạo nghệ thuật, và mô hình kết cấu đó có phải là một cách tân, tìm tòi sáng tạo mới của Nguyễn Huy Hổ?

Giấc mộng ở Đình Mai kể lại cuộc gặp gỡ kì lạ của tác giả và tiểu thư Mai Đình chốn tiên cảnh. Sau khoảnh khắc diện kiến ngắn ngủi với giai nhân, rồi đề thơ, họa thơ, tác giả có cuộc gặp gỡ với phu nhân, phu nhân khuyên lập công danh, sau đó tác giả tỉnh mộng. Giấc mộng chấm dứt ở đó. Chúng ta biết rằng giấc mộng ở Đình Mai gửi gắm một tâm sự thâm kín của chính tác giả. Đó là nỗi niềm của một con người khao khát hạnh phúc lứa đôi, một tâm trạng hoài niệm, tiếc nuối đối với dòng họ, với dân tộc một thời vàng son nhưng đã qua đi. Tâm sự ấy tác giả không trực tiếp nói ra. Chúng ta nhận thấy điều đó qua giọng thơ bàng bạc nỗi buồn man mác trải suốt gần 300 câu thơ, qua cuộc đối thoại của nhân vật du khách với phu nhân của tiểu thư Mai Đình. Và để diễn tả cái tâm sự thâm kín ấy, không gì phù hợp hơn là lựa chọn cho tác phẩm một cách kết cấu bỏ lửng. Độc giả sẽ tự lý giải ý nghĩa của giấc mộng Mai Đình, bởi như chính tác giả đã tự vấn mình: *“mộng đấy chăng, không phải mộng đấy chăng?”* rồi tự trả lời: *“chỉ có kẻ đại giác mới biết được”*.

Trong một hoàn cảnh xã hội đầy những nhiễu nhương như thời Nguyễn Huy Hổ sống, việc kể một câu chuyện có cái kết tròn đầy viên mãn như Nguyễn Huy Tự đã làm với truyện *Hoa tiên* là điều gượng ép. Đó là thời điểm những giá trị truyền thống, những đạo lí của Nho gia đã bị giai cấp thống trị làm cho xuống cấp trầm trọng. Ngay như tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du thì kết cấu có lẽ cũng *“chỉ nên dừng lại ở khâu tai biến”* [10, tr.237]. Lý giải cho điều này, nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng viết: *“Đoạn đoàn tụ của Kiều phải chăng chứa nhiều sự gượng ép và phi thực tế. Một xã hội khá an lạc chỉ có được trong Hoa tiên, thời Nguyễn Huy Tự. Đến khi Nguyễn Du viết Truyện Kiều thì những ánh xạ trong tác phẩm cho thấy cuộc sống đã chứa đầy những hiểm họa như thế”* [10, tr.237]. Với *Mai Đình mộng ký*, đó là một giấc mơ đẹp, và đương nhiên là không có cơ sở xã hội thực tế để câu chuyện triển khai những khâu tiếp theo.

Như vậy có thể nói, Nguyễn Huy Hồ khi sáng tác *Mai Đình mộng ký* đã chủ động lựa chọn cho mình một hình thức kết cấu phù hợp với ý đồ sáng tạo nghệ thuật. Tác giả tiếp thu có chọn lọc mô hình kết cấu truyện Nôm của những tác giả đi trước và vận dụng linh hoạt cho phù hợp với mục đích sáng tác nghệ thuật đặt ra trong tác phẩm. Điều này dù ít hay nhiều cũng ghi nhận những nỗ lực tìm tòi, khai phá một cách thể hiện mới, rất khác so với kết cấu quen thuộc của những truyện Nôm khác.

3.2.2 Hình ảnh quê hương đất nước trong *Mai Đình mộng ký*

Trở lại với vấn đề vay mượn đề tài, cốt truyện từ văn học cổ Trung Hoa trong các sáng tác truyện Nôm. Không thể phủ nhận tài năng nghệ thuật của những tác giả như Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Du...trong việc sử dụng phương pháp phóng tác để tạo nên những tác phẩm say lòng người đọc. Tuy vậy, có một điều cũng phải thừa nhận là những địa danh, tên người, tên đất xuất hiện trong những tác phẩm ấy xét đến cùng vẫn mang trong nó cái màu sắc của bản xứ phương Bắc, không phải là địa danh, tên người, tên đất của dân tộc Việt. Về điểm này thì những tác phẩm có cốt truyện nội sinh, được sáng tác không dựa vào các câu chuyện lấy từ văn học cổ Trung Hoa mà dựa trên sự sáng tạo của chính mình như *Mai Đình mộng ký* (hay như *Sơ kính tân trang*) lại chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong dòng chảy của truyện Nôm bác học, những tác phẩm như thế sẽ có được những hình ảnh gần gũi, thân thuộc với độc giả hơn. Đây là điều mà cả *Hoa tiên* hay *Truyện Kiều* mặc dầu đứng trên những đỉnh cao nhất của thể loại đều không có được. Chẳng hạn trong truyện *Truyện Kiều*, những sự kiện, địa điểm, thời gian đều là của Trung Hoa. Đây là đoạn giới thiệu về Thúy Kiều và gia đình nàng:

*Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình có lục còn truyền sử xanh.
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.*

*Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rót lòng,
Vương Quan là chữ, nói dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
(Truyện Kiều)*

Câu chuyện kể về cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của nhân vật Thúy Kiều từ năm Gia Tĩnh thứ 11 đến năm Gia Tĩnh thứ 26 nhà Minh(1532-1547). Ngay cả trong trí nhớ của độc giả, ấn tượng của các nhân vật mà Nguyễn Du trình bày vẫn là những nhân vật của đất nước Trung Hoa: viên ngoại họ Vương, Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan... Một cảm nhận tương tự đối với những địa danh xuất hiện trong tác phẩm. Ví như Mã Giám Sinh khi được tác giả giới thiệu tên và quê quán:

*Hỏi tên rằng: Mã Giám sinh.
Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần.*

Lâm Thanh - quê quán của Mã Giám Sinh - là một huyện ở phía Bắc của tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Còn đây là những địa danh nổi tiếng khác của đất nước Trung Hoa xuất hiện trong tác phẩm: sông Tiền Đường, huyện Tích, châu Thường, Lâm Tri...

*Triều đâu nổi tiếng ùng ùng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền Đường;
Sư rằng: Nhân quả với nàng,
Lâm truy buổi trước Tiền đường buổi sau;
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Tri*

...

Truyện *Hoa tiên* cũng vậy, trong đoạn giới thiệu gia thế họ Lương có đoạn viết:

*Cõi Tô Châu, dải Ngô giang
Khí thiêng đúc lại họ Lương một nhà
Tướng công chữ gọi Ấn Ba
Sáng yêu sướm đã dự tòa Bình chương
...Phương Châu biểu tỵ Diệc Thương
Phong nghi khác giá từ chương tốt loài.*

...

(Truyện *Hoa tiên*)

Họ Lương cũng được giới thiệu là ở vùng Tô Châu, có con sông tên là Ngô giang chảy qua. Ngay cả tên nhân vật cũng mang một màu sắc đặc trưng rất riêng của dân tộc Trung Hoa...

Trong khi đó những địa danh xuất hiện trong tác phẩm *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ lại là những cái tên rất thân thuộc, gần gũi của mảnh đất xứ Nghệ:

*Phồn hoa nổi áng thị thành,
Này Phù Thạch phố là danh lịch triều*

Bến đò Phù Thạch gắn liền với vùng đất Nghệ - Tĩnh trong thời kì hoàng kim của nó. Nơi đây phồn hoa, đô hội, người Hoa cư trú và buôn bán tạo nên cảnh phố tấp nập, đông vui, nhà cửa san sát, thuyền bè tụ tập...

Hay:

*Dã men vừa sánh giọng trà
Nhà lan treo tháp doanh La xuống thuyền*

Địa danh sông La xuất hiện trong tác phẩm gợi nhớ đến dòng sông La mềm mại ở dải đất miền Trung, nó đổ vào sông Lam ngay bên cạnh bến Phù Thạch để rồi cùng với sông Lam chạy dọc khắp chân Nghệ An

Và đây là một địa danh khác:

Say sưa đòi thú lân la

Giang thành đã giống tiếng gà sang tư

Bên cạnh dòng sông Lam có đền Triều Khẩu, thờ Lê Khôi – một danh tướng thời Lê Lợi - đặt tại xã Triều Khẩu ở phía đông nam chân núi Lam Thành, vì thế cũng còn được gọi là thành Triều Khẩu. Đối với người dân xứ Nghệ, đây là nơi linh thiêng, tưởng nhớ vị tướng tài đã có công đánh giặc Minh, giành lại quyền tự chủ cho đất nước.

Hình ảnh của quê hương đất nước rất gần gũi, thân thương ấy, chúng ta cũng đã bắt gặp trong một tác phẩm truyện Nôm khác có cùng cốt truyện “nội sinh” như *Mai Đình mộng ký*, đó là *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái. Đây là non xanh nước biếc trong tầm mắt của nghệ sĩ Chiêu Lý khi nhân vật Phạm Thái của ông đặt chân lên vùng đất tổ Hùng Vương:

Lên Hùng Vương rất non cao,

Mấy đường góc ngách, mấy cầu chông chênh

Còn đây là chùa Yên Tử trong dãy núi Yên Tử hùng vĩ:

Vào Yên Tử rất non cùng

Đàn xô nước suối, phách giông cây rìng

Mây giăng thương điện ngát chùng

Cây lồng tán rợp, hoa rừng hương xông

Thêm một bức danh họa đặc sắc nữa xuất hiện trong tác phẩm *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái, phong cảnh vùng Kim Sơn:

Kim Sơn phong cảnh đầu bằng

Hoa đua chen cúc, hương lồng án thung

Mành liễu rủ tán dương tùng

Trúc khua phách đá, lan hồng áo tiêu

Đèn trắng tơ đoá hoa đào

Cửa hang gió thổi, tiếng diều dập dờ

Có thể nói những địa danh như thế xuất hiện trong tác phẩm của Phạm Thái cũng như Nguyễn Huy Hổ làm nên cái nét rất riêng và mới mẻ trong truyện Nôm bác học. Riêng với Nguyễn Huy Hổ, hình ảnh của quê hương xứ Nghệ trong *Mai Đình mộng ký* vừa diễn tả tấm lòng yêu mến vô hạn, một tình cảm đặc biệt với quê hương đất nước, vừa giúp gợi nhớ lại niềm tự hào, kiêu hãnh của chính tác giả về mảnh đất đã sinh ra mình. Sử dụng những hình ảnh thân thuộc, gần gũi ấy, *Mai Đình mộng ký* đã tự tạo cho nó nét hấp dẫn riêng đối với một tác phẩm khiêm tốn về mặt dung lượng.

Tiểu kết:

Như vậy, đặt trong dòng chảy của truyện Nôm bác học giai đoạn thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX, *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ đã kế thừa những thành tựu nổi bật của thể loại. Nguyễn Huy Hổ trước tiên kế thừa và tiếp tục sự liên mạch của mảng đề tài tình yêu giữa tài tử và giai nhân mà truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự đã giữ vị trí mở đường. Bên cạnh đó, cũng với *Mai Đình mộng ký* Nguyễn Huy Hổ đã cùng với những tác giả khác góp phần đưa ngôn ngữ truyện thơ Nôm đến chỗ hoàn thiện. Sự xuất hiện của hai bài thơ đề - họa trong tác phẩm trên một góc độ nào đó cũng thể hiện nét tiếp nhận tinh tế của tác phẩm *Mai Đình mộng ký* trong phương thức thể hiện tình yêu lứa đôi khi xây dựng nội dung câu chuyện tài tử - giai nhân.

Không chỉ kế thừa và tiếp nhận, Nguyễn Huy Hổ cũng đã cho thấy những nỗ lực của mình trong việc thể hiện những cách tân, sáng tạo trong thể loại truyện Nôm. Sự thể nghiệm ở cách kết cấu không theo mô hình cấu trúc truyền thống của truyện Nôm, ở một cốt truyện hoàn toàn là sáng tạo của tác giả với hình ảnh thân thuộc, gần gũi của quê hương đất nước... là những đóng góp không thể phủ nhận của tác giả.

Với những tiếp nhận và nỗ lực cách tân của mình, tác phẩm của Nguyễn Huy Hổ xứng đáng có được vị trí đáng trân trọng trong dòng chảy của truyện Nôm bác học thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nó, từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX.

KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ đề tài, chúng tôi đã dựa trên những nền tảng cơ bản của thi pháp thể loại truyện Nôm, đặc biệt là loại truyện Nôm bác học để phân tích, đánh giá những nét đặc sắc đối với tác phẩm *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hồ. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1. Có thể nói *Mai Đình mộng ký* của danh sĩ Nguyễn Huy Hồ là tác phẩm truyện thơ Nôm khá đặc sắc cả trên phương diện nội dung lẫn nghệ thuật. Với *Mai Đình mộng ký*, Nguyễn Huy Hồ đã có dịp thể hiện một tình cảm đặc biệt, một niềm tự hào sâu sắc đối với quê hương, đất nước qua việc miêu tả, ngợi ca cảnh sắc thiên nhiên vùng sông Lam núi Hồng. Tự hào trước cảnh trí non sông tươi đẹp mà tạo hóa đã ban tặng, danh sĩ nổi tiếng một thời của vùng đất Trường Lưu cũng gửi gắm niềm hãnh diện đáng trân trọng trước truyền thống học hành, khoa bảng danh giá của dòng tộc mình. Thêm nữa, giọng thơ bàng bạc tâm sự trải suốt gần 300 câu thơ cũng thể hiện tâm trạng hoài niệm, nuối tiếc về một quá khứ vàng son của dòng họ, của dân tộc nhưng đã qua đi. Thời đại mà Nguyễn Huy Hồ sống là thời đại rối ren bậc nhất trong lịch sử phong kiến dân tộc, con người với những ước vọng, hoài bão cá nhân thật khó để tìm được lối thoát cho riêng mình. Hành trình đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi của tác giả về hạnh phúc lứa đôi, về công danh sự nghiệp... vẫn còn dang dở, thi nhân chỉ còn biết gửi gắm tâm sự của mình trong giấc mộng kì lạ chốn Mai Đình mà thôi. Tâm trạng ấy của Nguyễn Huy Hồ xét cho cùng cũng chính phản ánh cái tâm trạng chung của không ít kẻ sĩ đương thời vậy.

Trên phương diện nghệ thuật, tác phẩm của Nguyễn Huy Hồ cũng đã gặt hái được những thành công nhất định. Khi tìm hiểu *Mai Đình mộng ký*, chúng tôi nhận thấy hai nét đặc điểm nghệ thuật khá thú vị đó là bút pháp tả cảnh và nghệ thuật ngôn từ. Bút pháp tả cảnh góp phần tạo nên những bức tranh thiên nhiên thơ mộng chốn thực, huyền ảo chốn mộng. Đó là vẻ đẹp chân thực của

phong cảnh phồn hoa đô hội với Phù Thạch phố, của phong cảnh lung linh, rực rỡ sắc màu với đêm hội hoa đăng trên dòng sông Lam thơ mộng. Đó còn là cái vẻ đẹp khác tục, như hư như thực, lung linh mờ ảo chốn tiên giới mà bước chân lãng du đã đưa tác giả ghé qua. Nghệ thuật ngôn từ trong *Mai Đình mộng ký* thì thể hiện cái tài tình của tác giả ở cách dùng chữ và đặt câu. Ngôn ngữ trong sáng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu... đã thật sự trở thành điểm nhấn, tạo nên sức hấp dẫn riêng của *Mai Đình mộng ký*. Tiếp thu nền tảng học thức và truyền thống văn chương chữ nghĩa từ gia đình, dòng tộc cùng với xúc cảm tinh tế của một tâm hồn nghệ sĩ, Nguyễn Huy Hổ đã góp thêm cho thể loại truyện Nôm bác học một tác phẩm thật sự có giá trị.

2. Ra đời trong hoàn cảnh các tác phẩm truyện Nôm đã gặt hái được những thành tựu rực rỡ (giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX), *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ có thể nói đã may mắn khi được thừa hưởng những thành tựu tuyệt vời mà tiền nhân để lại. Tác phẩm thể hiện sự tiếp nhận, kế thừa một cách sâu sắc trước hết đối với đề tài tình yêu tài tử - giai nhân của các truyện Nôm bác học trước đó, mà *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự đã có công “mở đường”. *Mai Đình mộng ký* cũng thể hiện sự ảnh hưởng khá rõ của ngôn ngữ nghệ thuật trong dòng truyện thơ Nôm bác học. Những gợi ý từ các tác giả truyện Nôm trước đó đã ít nhiều mang lại những ảnh hưởng tích cực đến ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi tả mà hàm súc, cô đọng khi Nguyễn Huy Hổ sáng tác *Mai Đình mộng ký*, để rồi cuối cùng ông tạo nên một tác phẩm có “lời thơ chau chuốt, điêu luyện vô cùng”. Sự xuất hiện của hai bài thơ đề - họa trong tác phẩm trên một góc độ nào đó cũng thể hiện nét tiếp nhận tinh tế của tác giả trong phương thức thể hiện tình yêu lứa đôi khi xây dựng nội dung câu chuyện tài tử - giai nhân.

Không chỉ tiếp nhận, trên một vài bình diện nhất định, Nguyễn Huy Hổ cũng đã có những cách tân, sáng tạo đáng trân trọng. Điều này trước hết thể hiện ở việc tác giả lựa chọn cho tác phẩm của mình một cốt truyện thuần túy

Việt Nam. Sáng tác truyện Nôm theo những sáng tạo của chính bản thân mà không vay mượn từ bất cứ nguồn nào như thế là một trong những điểm đáng ghi nhận đối với loại truyện Nôm bác học. Một điểm đáng chú ý nữa trong những nỗ lực cách tân của tác giả chính là ở cấu trúc không theo mô hình thường thấy trong thể loại truyện Nôm bác học: gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ. Câu chuyện về giấc mộng chôn Đình Mai chỉ dừng lại ở màn gặp gỡ. Kiểu kết cấu ấy vừa diễn tả một cách hiệu quả tâm sự thâm kín của chính tác giả, phù hợp với ý đồ sáng tạo nghệ thuật trong *Mai Đình mộng ký*, vừa thể hiện nỗ lực trong những sự thể nghiệm mới mẻ của Nguyễn Huy Hổ. Bên cạnh đó, việc đưa vào trong thơ những địa danh, hình ảnh của quê hương đất nước cũng đánh dấu một nét sáng tạo đáng ghi nhận đối với tác phẩm của Nguyễn Huy Hổ trong dòng truyện Nôm bác học, từ đó tạo ra cho *Mai Đình mộng ký* một vẻ đẹp riêng đáng trân trọng.

3. *Mai Đình mộng ký* ra đời cách đây đã hơn hai thế kỷ. Vì nhiều nguyên nhân, tác phẩm chưa thực sự được phổ biến rộng rãi và có thời kì còn ít được giới khoa học quan tâm. Thiết nghĩ, một tác phẩm truyện thơ Nôm được viết theo khuynh hướng mới trong sự kế thừa, sáng tạo những giá trị truyền thống của dân tộc như *Mai Đình mộng ký*, nhất định phải có được một vị trí xứng đáng trong lịch sử phát triển gần bốn thế kỷ của thể loại. Thực hiện đề tài, chúng tôi hy vọng khẳng định những giá trị đặc sắc của *Mai Đình mộng ký*, đồng thời giới thiệu đến độc giả, nhất là sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn một tác phẩm có giá trị trong kho tàng truyện thơ Nôm của dân tộc.

Tiếp nhận văn học luôn là một quá trình mang tính lịch sử. Trong tương lai, các thế hệ độc giả có thể sẽ có nhiều hơn nữa những nghiên cứu, đánh giá lý thú về *Mai Đình mộng ký*, góp phần bổ sung những cách nhìn mới mẻ, toàn diện về tác phẩm của Nguyễn Huy Hổ. Chúng tôi cũng hy vọng, kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ tạo cơ sở cần thiết cho những đánh giá tiếp theo về *Mai Đình mộng ký*, để tác phẩm thực sự đến gần hơn với

những người say mê và trân trọng văn học cổ, trân trọng những giá trị truyền thống rất đỗi tự hào của cha ông, nhất là trong bối cảnh đất nước đang hội nhập ngày một sâu rộng như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2003), *Từ điển Hán Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Phan Thị Nguyệt Anh (2001), *Nhân vật truyện Nôm và truyện Kiều – những nét tương đồng và dị biệt*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Thái Nguyên.
3. Nguyễn Sĩ Cẩn (1998), *Thơ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp*, NXB Nghệ An, Nghệ An.
4. Chương trình truyền hình VTV1 “Danh nhân đất Việt” (2014), *Người viết Mai Đình mộng ký*, <http://www.youtube.com/watch?v=L8CUeB4siRA>
5. Nguyễn Du (1976), *Truyện Kiều*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
6. Dương Quảng Hàm (1943), *Việt Nam văn học sử yếu*, Nha học chính Đông Pháp xuất bản, Hà Nội.
7. Hoàng Xuân Hãn biên tập và trích dẫn, Nghiêm Toàn chú thích (1951), *Mai Đình mộng ký*, NXB Sông Nhị, Hà Nội.
8. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Kiều Thu Hoạch (1992), *Truyện Nôm, nguồn gốc và bản chất thể loại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Lại Văn Hùng (1997), *Nguyễn Huy Hổ với Mai Đình mộng ký*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
11. Lại Văn Hùng (2000), *Dòng văn Nguyễn Huy ở Trường Lưu*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Lại Văn Hùng (2005), *Nguyễn Huy Vinh với Chung Sơn di thảo*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
13. Đinh Trọng Lạc (Chủ biên), Nguyễn Thái Hòa (1997), *Phong cách học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

14. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Bùi Dương Lịch (1993), *Nghệ An ký*, Nguyễn Thị Thảo dịch và chú, Bạch Hào hiệu đính, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Nguyễn Lộc (1984), *Từ điển văn học* (bộ mới), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Lộc (2004), *Văn học Việt Nam nửa cuối TK XVIII đến hết TK XIX*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
18. Nguyễn Đăng Na (Chủ biên) (2007), *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Lê Hoài Nam (1965), *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam*, Tủ sách Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Ngô Thị Thanh Nga, *Mô hình nhân vật từ Hoa tiên ký đến các truyện Nôm bác học giai đoạn sau*, Tạp chí NCVH số 10, tháng 10 - 2011.
21. Ngô Thị Thanh Nga (2012), *Hoa Tiên ký trong mạch truyện Nôm bác học thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội.
22. Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên (Quyển 2)*. Quốc học tùng thư, Sài Gòn, không đề năm xuất bản.
23. Nguyễn Thị Nhàn (2006), *Mô hình kết cấu cốt truyện truyện Nôm*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội.
24. *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập IV (Thế kỷ XVII – thế kỷ XVIII) (nhiều tác giả) (2007), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Phương Lựu (2003), *Lí luận văn học*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
26. Quốc sử quán triều Nguyễn (1970), *Đại Nam nhất thống chí tập 2*, NXB Thuận Hóa
27. Nguyễn Hữu Sơn (1998), “*Môtip tài tử giai nhân*” từ *Hoa tiên truyện* đến *Mai Đình mộng ký*, in trong “phẩm bình về Nguyễn Huy Tụ và truyện *Hoa tiên*”, NXB Kkhoa học xã hội, Hà Nội.

28. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề về thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
29. Phạm Thái (1994), *Sơ kính tân trang* (Hoàng Hữu Yên giới thiệu và chú thích), NXB Giáo Dục, Hà Nội
30. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
31. Dương Văn Thiệp (2004), *Kết cấu Truyện Kiều trong tương quan so sánh với kết cấu truyện Nôm*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Thái Nguyên.
32. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
33. Nguyễn Tất Thử, *Từ Hoa tiên truyện, Mai Đình mộng ký đến Đoạn trường tân thanh, Văn phái Hồng Sơn là một con bướm vàng rực rỡ đã giao qua làn hương phấn của chòm hoa phong dao*, Tiểu thuyết thứ bảy số 1 ngày 1 tháng 4 năm 1944.
34. Nguyễn Quảng Tuân (1995), *Tổng tập Văn học Việt Nam tập 31A*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Nguyễn Huy Tụ (1978), *Truyện Hoa tiên*, Đào Duy Anh khảo đính, chú giải và giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội.
36. Hoàng Hữu Yên, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX*.
37. Hoàng Hữu Yên (chủ biên), Trần Thị Băng Thanh, Lê Bảo (1992), *Giảng văn văn học trung đại Việt Nam tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.